

Số: /ĐA-UBND

Bình Phước, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

ĐỀ ÁN

**Mở rộng địa giới đơn vị hành chính thị xã Chơn Thành
trên cơ sở sắp xếp ĐVHC cấp huyện thuộc tỉnh Bình Phước và sắp xếp
ĐVHC cấp xã thuộc thị xã Chơn Thành**

PHẦN THỨ NHẤT

**CĂN CỨ VÀ SỰ CẦN THIẾT THÀNH LẬP MỞ RỘNG ĐỊA GIỚI ĐVHC
THỊ XÃ CHƠN THÀNH TRÊN CƠ SỞ SẮP XẾP ĐVHC CẤP HUYỆN
THUỘC TỈNH BÌNH PHƯỚC**

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Căn cứ chính trị

- Nghị quyết số 18-NQ/TW
- Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã;
- Nghị quyết 06-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Bộ Chính trị về Quy hoạch, xây dựng và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;
- Kết luận số 48-KL/TW ngày 30 tháng 01 năm 2023 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 – 2030;
- Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 03/11/2023 của Tỉnh ủy Bình Phước về Phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2023 – 2030;
- Chỉ thị số 23-CT/TU ngày 06/11/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về lãnh đạo thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2023 - 2030;

2. Căn cứ pháp lý

- Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013;
- Luật Quy hoạch đô thị năm 2009;

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 21/2017/QH14 và Luật số 47/2019/QH14;
- Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc phân loại đô thị (sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15);
- Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính (sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15);
- Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030;
- Nghị định số 54/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ hướng dẫn việc lấy ý kiến cử tri về thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 66/2023/NĐ-CP ngày 24/8/2023);
- Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30/7/2023 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025;
- Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 – 2030;
- Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 24/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Phương án số 353/PA-UBND ngày 30/11/2023 của UBND tỉnh Bình Phước về phương án tổng thể sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 của tỉnh Bình Phước;

II. SỰ CẦN THIẾT MỞ RỘNG ĐỊA GIỚI ĐVHC THỊ XÃ CHON THÀNH

1. Mở rộng địa giới ĐVHC thị xã Chon Thành nhằm thực hiện chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030

a) Việc mở rộng địa giới ĐVHC thị xã Chon Thành nhằm cụ thể hóa chủ trương của Bộ Chính trị, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Nghị quyết của Chính phủ về sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030 và các văn bản hướng dẫn của Bộ, ngành trung ương và của tỉnh Bình Phước. Theo đó, giai đoạn 2023-2025 thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã đồng thời cả 2 tiêu chuẩn diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 70% quy định; ĐVHC cấp huyện đồng thời có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 20% và quy mô dân số dưới 200% quy định; ĐVHC cấp xã có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 20% và quy mô dân số dưới 300% quy định và *khuyến khích thực hiện sắp xếp theo Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 để giảm số lượng, tăng quy mô đơn vị hành chính.*

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có các ĐVHC cấp huyện, cấp xã có quy mô diện tích khá nhỏ; không gian phát triển bị chia cắt, gây khó khăn, cản trở trong công

tác lập kế hoạch, quy hoạch dài hạn, định hướng phát triển kinh tế - xã hội cũng như quy hoạch, kế hoạch phát triển vùng; nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội bị phân tán, nhất là trong điều kiện Trung ương đang đẩy mạnh phân cấp, trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho chính quyền địa phương. Đồng thời, Nghị quyết, Kết luận của Bộ Chính trị; Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Nghị quyết của Chính phủ về việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã đã xác định mục tiêu, nguyên tắc thực hiện sắp xếp, ***trong đó có việc khuyến khích sắp xếp lại các ĐVHC cấp huyện, cấp xã có quy mô nhỏ là cần thiết; nhằm tinh gọn bộ máy, tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước trên các lĩnh vực,...*** Như vậy, việc mở rộng địa giới ĐVHC thị xã Chơn Thành trên cơ sở sắp xếp ĐVHC hành chính cấp huyện thuộc tỉnh Bình Phước là cần thiết.

b) Thị xã Chơn Thành có 390,34 km² diện tích tự nhiên (đạt 195,17% tiêu chuẩn theo quy định), dân số là 116.262 người (đạt 116,26% tiêu chuẩn theo quy định), không thuộc diện bắt buộc phải sắp xếp giai đoạn 2023-2025. Tuy nhiên, thực hiện sắp xếp ĐVHC thị xã Bình Long và huyện Hớn Quản thì huyện Hớn Quản còn lại 03 ĐVHC cấp xã, không đủ tiêu chuẩn của huyện. Vì vậy, thực hiện chủ trương ***khuyến khích sắp xếp lại các ĐVHC cấp huyện, cấp xã có quy mô nhỏ nhằm tinh gọn bộ máy, tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước trên các lĩnh vực,...*** tỉnh Bình Phước chủ trương nhập 03 xã còn lại của huyện Hớn Quản về thị xã Chơn Thành quản lý nhằm tạo quỹ đất, mở rộng không gian phát triển cho thị xã Chơn Thành trong tương lai.

2. Mở rộng địa giới ĐVHC thị xã Chơn Thành xuất phát từ yêu cầu thực tiễn phát triển đô thị thuộc tỉnh Bình Phước

Ngày 5/10/2022, UBND tỉnh đã phê duyệt Đề án Phát triển đô thị tỉnh giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 với mục tiêu: Đẩy nhanh tốc độ và nâng cao chất lượng đô thị hóa, phát triển đô thị bền vững theo mạng lưới, hình thành một số đô thị, chuỗi đô thị động lực; kết cấu hạ tầng của đô thị, nhất là hạ tầng kỹ thuật khung và hạ tầng xã hội thiết yếu được xây dựng và phát triển đồng bộ, hiện đại; chất lượng sống tại đô thị ở mức cao, bảo đảm đáp ứng cơ bản nhu cầu về nhà ở và hạ tầng xã hội cho cư dân đô thị; phát triển kiến trúc đô thị hiện đại, xanh, sạch, thông minh và giàu bản sắc văn hóa đặc trưng của địa phương. Trong đó:

a) Đối với tỉnh Bình Phước

Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2025 đạt tối thiểu 42%, đến năm 2030 đạt trên 50%. Tỷ lệ đất xây dựng đô thị trên tổng diện tích đất tự nhiên đạt khoảng 1,8-2,0% vào năm 2025 và đến năm 2030 đạt khoảng 2,0 - 2,3%; số lượng đô thị toàn tỉnh đến năm 2025 khoảng 18 đô thị, đến năm 2030 khoảng 22 đô thị. Đến năm 2025, 100% các đô thị hiện có và đô thị mới có quy hoạch tổng thể, quy hoạch phân khu, chương trình cải tạo, chỉnh trang, tái thiết và phát triển đô thị; bảo đảm tối thiểu 100% đô thị loại III trở lên hoàn thiện tiêu chí phân loại đô thị về cơ sở hạ tầng đô thị, nhất là hạ tầng về y tế, giáo dục, đào tạo và công trình văn hóa cấp đô thị; tỷ lệ đất giao thông trên đất xây dựng đô thị đạt khoảng 22-24% vào năm 2025 và 24 - 26% vào năm 2030. Diện tích cây xanh bình quân trên mỗi người

dân đô thị đạt khoảng 6 - 8m² vào năm 2025, khoảng 8 - 10m² vào năm 2030; diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người tại khu vực đô thị đạt tối thiểu 30m² vào năm 2025, đến năm 2030 đạt tối thiểu 32 m².

b) Đối với thị xã Chơn Thành

Giai đoạn 2026 – 2030, đầu tư phát triển đô thị Chơn Thành hướng đến là đô thị loại III; đồng thời, cùng các đô thị: Đồng Xoài và Đồng Phú, theo trục Quốc lộ 14 với hạt nhân phát triển là đô thị Đồng Xoài và Chơn Thành trở thành vùng đô thị động lực có vai trò thúc đẩy phát triển vùng phía Nam của tỉnh Bình Phước, trong đó ưu tiên phát triển đô thị, công nghiệp, thương mại, dịch vụ, y tế, giáo dục, đào tạo.

Để hoàn thành mục tiêu phát triển đô thị của tỉnh Bình Phước và thị xã Chơn Thành nêu trên thì việc mở rộng địa giới ĐVHC thị xã Chơn Thành trên cơ sở sắp xếp ĐVHC cấp huyện thuộc tỉnh Bình Phước là cần thiết.

3. Mở rộng địa giới ĐVHC thị xã Chơn Thành nhằm đáp ứng yêu cầu thực trạng và định hướng phát triển thị xã Chơn Thành được cấp có thẩm quyền phê duyệt

- a) Về thực trạng phát triển kinh tế - xã hội và đô thị hóa trên địa bàn
- Về phát triển kinh tế - xã hội

Thị xã Chơn Thành nằm ở phía Tây nam của tỉnh Bình Phước, cách trung tâm thành phố Đồng Xoài khoảng 35 km, cách thành phố Thủ Dầu Một (tỉnh Bình Dương) khoảng 55 km và cách trung tâm thành phố Hồ Chí Minh khoảng 80 km. Chơn Thành là đô thị mới, có nhiều điều kiện thuận lợi trong thu hút đầu tư phát triển mạnh công nghiệp - dịch vụ. Với địa hình tương đối bằng phẳng, vị trí địa lý gần các trung tâm công nghiệp lớn, có các tuyến đường huyết mạch chạy qua như Quốc lộ 13, Quốc lộ 14, đường Hồ Chí Minh... thuận lợi cho việc giao thương hàng hóa, có vai trò kết nối tỉnh Bình Phước với các trung tâm phát triển như Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Bình Dương và Vương quốc Campuchia qua cửa khẩu Quốc tế Hoa Lư.

Triển khai thực hiện các quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, thời gian qua tỉnh Bình Phước đã tập trung mọi nguồn lực để đầu tư phát triển kinh tế - xã hội và phát triển đô thị trên địa bàn thị xã Chơn Thành. Đến nay, đô thị Chơn Thành trở thành trung tâm kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh Bình Phước với định hướng phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ là chủ yếu. Giai đoạn 2021-2023 cơ cấu kinh tế của huyện Chơn Thành có sự chuyển dịch mạnh mẽ theo hướng công nghiệp - thương mại, dịch vụ. Giá trị sản xuất các ngành (nông nghiệp, công nghiệp, và xây dựng) năm 2023 đạt 35.926 tỷ đồng, tăng 14,38% so với năm 2022 (kế hoạch đề ra tăng từ 14-15%). Sản xuất công nghiệp tiếp tục duy trì sự tăng trưởng, giá trị sản xuất năm 2023 đạt 29.070 tỷ đồng, đạt 100,95% kế hoạch, tăng 16,37% so với năm 2022; giá trị sản xuất ngành xây dựng đạt 2.886 tỷ đồng, đạt 100,28% kế hoạch, tăng 27,64% so với năm 2022. Hoạt động thương mại, dịch vụ duy trì sự tăng trưởng; tổng mức bán lẻ hàng hóa cả năm 2023 đạt 11.184 tỷ đồng, đạt 100,02% kế hoạch, tăng 8,16% so với năm 2022; doanh thu ngành dịch vụ cả

năm đạt 2.870 tỷ đồng, đạt 100,17% kế hoạch, tăng 4,4% so với năm 2022. Giá trị sản xuất nông nghiệp thực hiện 3.985 tỷ đồng, đạt 100,38% kế hoạch, tăng 0,4% so với năm 2022; tổng diện tích cây trồng đạt 25.640 ha. Tỷ lệ giảm nghèo năm 2023 đạt 0,04%; giải quyết việc làm đạt 5.452 người, trong đó lao động được đào tạo nghề là 2.135 người; tỷ lệ phủ BHYT đạt 94%; lao động trong độ tuổi tham gia BHXH đạt 63%; tỷ lệ gia đình đạt danh hiệu văn hóa đạt 98,12%; thu nhập bình quân đầu người năm 2023 đạt 90 triệu đồng/năm, bằng 75% chỉ tiêu Nghị quyết đại hội Đảng bộ thị xã đề ra.

Về thu hút đầu tư, với lợi thế về vị trí địa lý và là địa bàn công nghiệp trọng điểm của tỉnh, Chơn Thành hiện có 4 khu công nghiệp với tỷ lệ lấp đầy đạt gần 100%. Riêng dự án Khu liên hợp công nghiệp và đô thị Becamex - Bình Phước quy mô hơn 4.633 ha, đến nay tỷ lệ lấp đầy đạt 11,7%. Giai đoạn 2021-2023, số doanh nghiệp đăng ký đầu tư vào các khu công nghiệp trên địa bàn thị xã là 190 đơn vị, với số vốn hơn 3.210 tỷ đồng và cũng đã có 418 doanh nghiệp thành lập mới, nâng tổng số doanh nghiệp thuộc thị xã quản lý lên 952 đơn vị. Trong đó có nhiều doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực hạ tầng đô thị, hạ tầng xã hội để từng bước nâng cao đời sống nhân dân.

Từ khi được công nhận trở thành thị xã, Chơn Thành có rất nhiều dự án mới được khởi công, nhiều doanh nghiệp mới được khánh thành và đi vào hoạt động. Điều này đã tác động tích cực nâng giá trị sản xuất công nghiệp của thị xã ngày càng tăng. Năm 2022, giá trị sản xuất công nghiệp – xây dựng đạt 27.241 tỷ đồng, năm 2023 đạt 31.956 tỷ đồng; bình quân giai đoạn 2021-2023 tăng 16,79% và chiếm tỷ trọng 66,42% trong cơ cấu kinh tế của thị xã.

- Về phát triển đô thị

Triển khai thực hiện Đề án phát triển đô thị Chơn Thành giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030, Chơn Thành dự kiến đầu tư với tổng vốn hơn 16.710 tỷ đồng. Trong đó, ngân sách thị xã hơn 5.087 tỷ đồng; ngân sách tỉnh hơn 10.653 tỷ đồng, ngân sách xã, phường hơn 425 tỷ đồng; vốn xã hội hóa hơn 545 tỷ đồng. Nguồn lực nêu trên chủ yếu được đầu tư vào các dự án cơ sở hạ tầng, chỉnh trang đô thị, hệ thống giao thông. Theo đó, hệ thống cơ sở hạ tầng có nhiều chuyển biến tích cực, hệ thống đường giao thông được rải nhựa và bê tông hóa, nhiều tuyến đường chính được chiếu sáng, tất cả các hộ gia đình đều được sử dụng điện lưới và cơ bản được sử dụng nước sạch, rác thải được thu gom và xử lý hợp vệ sinh. Đến năm 2023, trên địa bàn thị xã có 402,88 km đường nhựa, 234,58 km đường bê tông, tỷ lệ đường có hệ thống chiếu sáng đạt 26,6%, đường có hệ thống thoát nước 25%; tỷ lệ hộ sử dụng điện là 99,16%. Diện tích sàn bình quân đầu người đạt 29,94m²/người; tỷ lệ nhà ở kiên cố, bán kiên cố khu vực tập trung dân cư đạt 92,96%; số giường bệnh trên dân số đạt 2,48 giường/1.000 dân; tổng chiều dài các tuyến đường phố chính được chiếu sáng là 86,34 km, tỷ lệ đường phố chính khu vực tập trung dân cư được chiếu sáng đạt 96,74%; công suất cấp nước hiện nay đạt 130 lít/người/ngày/đêm, tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch sinh hoạt đạt 96,09%,... Cùng với đó, Chơn Thành đã thu hút được rất nhiều doanh nghiệp

đến đầu tư vào các dự án phát triển đô thị, khu dân cư, trung tâm thương mại, từ đó làm cho diện mạo đô thị Chơn Thành ngày càng khang trang, hiện đại.

- Khó khăn trong phát triển kinh tế - xã hội và đô thị trên địa bàn thị xã Chơn Thành

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, thời gian qua thị xã Chơn Thành gặp một số khó khăn, bất cập cần tập trung giải quyết như: Nhu cầu nhà ở và các công trình hạ tầng xã hội cho công nhân, người lao động và sinh hoạt của người dân ngày càng cao. Trong đó, nhu cầu về quỹ đất dành cho phát triển nhà ở xã hội giai đoạn 2021 – 2025 là 16,07 ha; đến năm 2030 là 37,87 ha. Để giải quyết vấn đề về quyền sử dụng đất và cải thiện nhà ở, cũng như cải thiện khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội (ví dụ như y tế, giáo dục) và dịch vụ khác; đồng thời, giải quyết sự thiếu đồng bộ, thiếu sự gắn kết giữa khu vực trung tâm với khu vực mở rộng, thiếu cơ sở dịch vụ, hạ tầng, nhiều khu ở bị xuống cấp, điều kiện sống chật hẹp, thiếu không gian công cộng, môi trường bị ô nhiễm,... và thực hiện các quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì việc nhập 03 xã thuộc huyện Hớn Quản về thị xã Chơn Thành quản lý là cần thiết.

b) Định hướng phát triển thị xã Chơn Thành

Tại Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 23/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã xác định mục tiêu đến năm 2030 Bình Phước trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại, hiệu quả và bền vững, là “điểm đến hấp dẫn” của Vùng Đông Nam Bộ, có quy mô kinh tế khá dựa trên xây dựng đồng bộ nền tảng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, phát triển các cụm ngành có tiềm năng tạo nhiều việc làm có thu nhập và nguồn thu ngân sách; nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân, thu hẹp khoảng cách giữa nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới với đô thị; tăng cường kết nối vùng thông qua phát triển hệ thống hạ tầng trọng yếu; hoàn thành chính quyền điện tử, từng bước chuyển dần sang chính quyền số; đảm bảo quốc phòng - an ninh vững chắc; xây dựng tổ chức Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện. Trong đó, thị xã Chơn Thành cùng với thành phố Đồng Xoài và huyện Đồng Phú là trung tâm kinh tế, trung tâm công nghiệp - đô thị - dịch vụ và là tam giác phát triển của tỉnh; phát triển công nghiệp gắn với Quốc lộ 13 và cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành, kết nối lên Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư.

Như vậy, thị xã Chơn Thành có vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh của tỉnh Bình Phước nói riêng và vùng Đông Nam bộ nói chung. Việc phát triển thị xã Chơn Thành có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển, ổn định của khu vực biên giới phía Đông Nam tổ quốc.

4. Đối với các xã Tân Hiệp, Đồng Nơ và Tân Quan thuộc huyện Hớn Quản dự kiến nhập về thị xã Chơn Thành.

a) Về định hướng quy hoạch

Quy hoạch xây dựng vùng huyện Hớn Quản đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã xác định huyện Hớn Quản (trong đó có các xã Tân Hiệp, Đồng Nơ và Tân Quan) thuộc vùng đệm cho tam giác phát triển Chơn Thành – Đồng Xoài – Đồng Phú, có vai trò giảm các áp lực về đô thị, môi trường, giữ gìn các không gian xanh, quỹ đất dự trữ, phát triển công nghiệp, đô thị, thương mại – dịch vụ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ. Trong đó, về nông nghiệp đây là vùng hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung theo hướng phát triển nông nghiệp công nghệ cao; về công nghiệp là địa bàn đón nhận sự phát triển lan tỏa công nghiệp từ huyện Chơn Thành và huyện Bàu Bàng tỉnh Bình Dương, thu hút đầu tư vào các dự án nhà ở xã hội để đáp ứng nhu cầu của người dân, công nhân trong các khu, cụm công nghiệp khu vực lân cận; về thương mại – dịch vụ là địa bàn phát triển các loại hình kinh doanh theo mô hình chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, bên cạnh đó phát triển mô hình kinh doanh theo chuỗi cửa hàng tiện lợi, đầu tư, kinh doanh trung tâm thương mại, siêu thị, khách sạn, nhà hàng đạt tiêu chuẩn và xây dựng các kho hàng hóa thương mại gắn với các khu – cụm công nghiệp trên địa bàn.

b) Về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên

- Về vị trí: Các xã Tân Hiệp, Đồng Nơ và Tân Quan thuộc huyện Hớn Quản nằm ở phía Bắc và Tây bắc thị xã Chơn Thành. Địa bàn các xã có tuyến đường phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành với cửa khẩu quốc tế Hoa Lư; tuyến đường Minh Lập – Lộc Hiệp ở phía Đông Quốc lộ 13; đường tỉnh 752B kết nối thị xã Chơn Thành với xã Đồng Nơ và xã Tân Hiệp; đường tỉnh 752B kết nối thị xã Chơn Thành với xã Tân Quan.

PHẦN THỨ HAI

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN THỊ XÃ CHƠN THÀNH, HUYỆN HỚN QUẢN

MỤC I

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN

A. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN THỊ XÃ CHƠN THÀNH

I. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH

Đầu thế kỷ XX, vùng đất Chơn Thành nằm trong quận Hớn Quản tỉnh Thủ Dầu Một. Chơn Thành lúc này có 4 làng người Kinh (gồm Tân Lập Phú, Tân Quan, Tân Khai, Tân Thạnh nằm trong tổng Tân Minh do tổng Hiền làm Tổng trưởng) và một số phum, sóc dân tộc thiểu số (nằm trong tổng Lâm Can ở phía Tây do tổng Mé làm Tổng trưởng). Địa giới hành chính này duy trì đến sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954 và thời kỳ đầu chính quyền Ngô Đình Diệm.

Về phía cách mạng, năm 1951, sáp nhập hai tỉnh Thủ Dầu Một và Biên Hòa thành tỉnh Thủ Biên, Chơn Thành thuộc quận Hớn Quản, tỉnh Thủ Biên.

Tháng 10-1956, chính quyền Ngô Đình Diệm cho tách một số vùng ở phía Bắc của hai tỉnh Thủ Dầu Một và Biên Hòa để lập hai tỉnh mới là Bình Long và Phước Long. Tỉnh Bình Long được thành lập theo Sắc lệnh số 143/NV (ngày 22-10-1956) gồm ba quận: An Lộc, Lộc Ninh và Chơn Thành. Như vậy, với việc thành lập tỉnh Bình Long, địa danh Chơn Thành xuất hiện với quy mô hành chính cấp quận (tuy nhiên, đến ngày 27-1-1964, quận Chơn Thành mới chính thức được ra đời).

Tháng 10-1961, để phù hợp với tình hình chỉ đạo địa bàn hoạt động tương ứng với phân chia hành chính của chính quyền Sài Gòn, Trung ương Cục miền Nam cho tách Bình Long khỏi tỉnh Thủ Biên để thành lập một tỉnh mới là tỉnh Bình Long gồm 3 quận có phiên hiệu theo số là: C45 – Chơn Thành, C55 – Hớn Quản và C65 – Lộc Ninh.

Ngày 30-1-1971, do yêu cầu chỉ đạo kháng chiến, Trung ương Cục giải thể khu 10, thành lập Phân khu Bình Phước gồm hai tỉnh Bình Long và Phước Long. Cuối năm 1972, lại giải thể Phân khu Bình Phước và thành lập tỉnh Bình Phước. Quận Chơn Thành (C45) thuộc phân khu Bình Phước (từ 1972 là tỉnh Bình Phước), gồm các xã cũ là Hưng Long, Minh Thạnh, Minh Hòa, Nha Bích, Tân Quan, Tân Khai.

Sau ngày giải phóng miền Nam, địa giới hành chính cũ được duy trì. Nhưng đến đầu năm 1977, theo Nghị định 55/CP ký ngày 11-3-1977 về việc hợp nhất 3 quận An Lộc, Lộc Ninh và Chơn Thành thành huyện Bình Long. Chơn Thành trở thành một phần của huyện Bình Long, một huyện khá lớn nằm sát biên giới, ở phía Bắc tỉnh Sông Bé.

Tháng 3-1978, theo Nghị định 34/CP của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký ngày 9-2-1978, lại tách thị trấn Lộc Ninh và một số xã phía Bắc sát biên giới để thành lập huyện Lộc Ninh. Huyện Bình Long còn lại (trong đó có Chơn Thành) vẫn là huyện lớn của tỉnh Sông Bé, gồm 19 xã và 02 thị trấn (Chơn Thành và An Lộc).

Đầu năm 2003, Chính phủ ban hành Nghị định số 17/2003/NĐ-CP ngày 20-2-2003, về việc thành lập huyện Chơn Thành và Bù Đốp thuộc tỉnh Bình Phước. Theo Nghị định này, huyện Chơn Thành mới được thành lập (Lễ công bố ngày 2-5-2003) gồm 7 xã (Minh Long, Minh Thành, Tân Quan, Nha Bích, Minh Lập, Minh Thắng, Minh Hưng) và thị trấn Chơn Thành.

Giữa năm 2005, theo Nghị định số 60/2005/NĐ-CP ngày 16-5-2005 của Chính phủ, huyện Chơn Thành có thêm một xã mới được thành lập là xã Thành Tâm (tách ra từ thị trấn Chơn Thành).

Ngày 10/4/2009, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 14/NĐ-CP, huyện Chơn Thành có thêm một xã mới được thành lập là xã Quang Minh (được tách ra từ xã Tân Quan nay thuộc huyện Hớn Quản). Hiện nay, huyện Chơn Thành có 8 xã và 1 thị trấn.

Ngày 11/8/2022, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 570/NQ-UBTVQH15 về việc thành lập thị xã Chơn Thành và thành lập các phường thuộc thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước. Theo đó, thị xã Chơn Thành có 390,34 km² diện tích tự nhiên và quy mô dân số 121.083 người; 09 đơn vị hành chính, gồm: 5 phường: Hưng Long, Minh Hưng, Minh Long, Minh Thành, Thành Tâm và 4 xã: Minh Thắng, Minh Lập, Nha Bích, Quang Minh.

II. HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN CỦA THỊ XÃ CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

1. Về vị trí địa lý và địa giới hành chính

a) Vị trí địa lý

Huyện Chơn Thành nằm ở phía Tây Nam của tỉnh Bình Phước, với vị trí chiến lược là cửa ngõ phía Nam của tỉnh Bình Phước, là nơi giao cắt các tuyến Quốc lộ 13, 14, giáp ranh với tỉnh Bình Dương.

b) Địa giới hành chính huyện Chơn Thành

- Phía Bắc giáp huyện Hớn Quản.
- Phía Tây giáp huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.
- Phía Đông giáp thành phố Đồng Xoài, huyện Đồng Phú và huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.
- Phía Nam giáp huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

2. Điều kiện tự nhiên

Diện tích tự nhiên của huyện là 390,34 km² với tổng dân số 121.083 người. Là huyện trung du, địa hình Chơn Thành thoải thoải, độ cao trung bình từ 50 đến 55m. Vùng đất đỏ bazan ở phía Đông Bắc, vùng tiếp giáp với địa hình đồi núi lượn sóng của huyện Hớn Quản có độ cao 70m. Còn lại là vùng đất xám phát triển trên phù sa cổ có địa hình thấp, độ cao so với mực nước biển khoảng 50m, thấp nhất là 45m. Đất xám chiếm hơn 87% diện tích, đất đỏ 10%, đất dốc tụ và đất sông suối ao hồ chiếm phần còn lại.

Nước ngọt cho sản xuất và sinh hoạt ở huyện Chơn Thành được cung cấp bởi nguồn nước ngầm và hàng chục dòng suối lớn nhỏ chảy theo hướng Tây Bắc – Đông Nam thuận tiện cho việc sản xuất, canh tác và chăn nuôi.

Huyện Chơn Thành nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa đặc trưng của vùng Đông Nam Bộ với hai mùa mưa và khô rõ rệt (mùa mưa bắt đầu từ tháng 5 đến tháng 10, mùa khô bắt đầu từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau). Lượng mưa trung bình hàng năm khá cao từ 2.000 – 3.000 mm/năm. Hướng gió chính là hướng Đông Bắc vào mùa khô và hướng Tây Nam vào mùa mưa. Nhiệt độ trung bình khoảng 26°C, nhưng có sự chênh lệch nhiệt độ giữa ngày và đêm từ 7 – 9°C. Biên độ chênh lệch này thuận lợi cho việc tăng năng suất cây trồng, vật nuôi trên địa bàn.

3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

a) Diện tích tự nhiên

Tổng diện tích tự nhiên toàn huyện Chơn Thành là 390,34 km² (bằng 39.034,5 ha). Trong đó: Diện tích tự nhiên khu vực nội thị là 224,07 km², khu vực ngoại thị là 166,27 km².

b) Cơ cấu hiện trạng sử dụng đất

- Đất nông nghiệp là 253,88 km².
- Đất phi nông nghiệp là 136,05 km².
- Đất chưa sử dụng là 0,41 km².

4. Dân số, lao động

a) Quy mô và mật độ dân số thị xã Chơn Thành

- Năm 2023, quy mô dân số toàn thị xã Chơn Thành là 95.336 người. Trong đó: Dân số thường trú là 86.073 người, dân số tạm trú quy đổi là 9.263 người; mật độ dân số 244 người/km².

- Dân số khu vực nội thị là 70.548 người. Trong đó: Dân số thường trú là 62.790 người, dân số tạm trú quy đổi là 7.758 người.

b) Lao động

Tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế năm 2023 của thị xã là 68.794 người. Trong đó, lao động phi nông nghiệp là 50.791 người, chiếm 73,8%; lao động nông - lâm - ngư nghiệp là 16.617 người, chiếm 26,2%.

Lao động khu vực nội thị là 53.795 người. Trong đó, lao động phi nông nghiệp là 45.082 người, chiếm tỷ lệ 83,8%.

5. Dân tộc, tôn giáo

a) Về dân tộc

Cộng đồng dân cư trên địa bàn huyện Chơn Thành gồm 25 dân tộc anh em như: Kinh, STiêng, Khome, Tàmun, Châu Ro, Hoa... trong có các dân tộc thiểu số chiếm khoảng hơn 8% dân số.

b) Về tôn giáo

Trên địa bàn huyện có hơn 30 cơ sở thờ tự, có bốn tôn giáo chính là Công giáo (chiếm hơn 10% dân số), Phật giáo (chiếm khoảng 3% dân số), Tin Lành (chiếm khoảng gần 4% dân số) và Cao Đài. Ngoài ra còn một số ít người theo các tôn giáo khác.

6. Hiện trạng phát triển kinh tế

Thời gian qua, trên địa bàn thị xã Chơn Thành có rất nhiều dự án mới được khởi công, nhiều doanh nghiệp mới được khánh thành và đi vào hoạt động. Điều này đã tác động tích cực nâng giá trị sản xuất công nghiệp của thị xã ngày càng tăng. Năm 2022, giá trị sản xuất công nghiệp của Chơn Thành đạt 27.241 tỷ đồng và năm 2023 tăng lên 35.926 tỷ đồng, tăng 14,38% so với năm 2022; bình quân giai đoạn 2020-2023 tăng 16,79% và chiếm tỷ trọng 66,42% trong cơ cấu kinh tế.

Công nghiệp, đô thị phát triển đã giúp Chơn Thành luôn giữ mức tăng trưởng kinh tế cao, bình quân giai đoạn 2020-2023 mức tăng trưởng đạt 14,4%, vượt so với chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thị xã đề ra; thu nhập bình quân đầu người năm 2023 đạt 90 triệu đồng/năm, bằng 75% chỉ tiêu nghị quyết. Bên cạnh đó, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, năm 2023, ngành nông nghiệp chiếm 18,7%, công nghiệp xây dựng 55,3%, thương mại - dịch vụ 26%.

6.1. Công nghiệp - xây dựng

Những năm qua, Chơn Thành là một trong những địa phương của tỉnh Bình Phước có nhiều lợi thế, thế mạnh để phát triển công nghiệp, được xem là “cánh chim đầu đàn” trong thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước.

Năm 2023, sản xuất công nghiệp tiếp tục duy trì sự tăng trưởng, giá trị sản xuất đạt 29.070 tỷ đồng, đạt 100,95% kế hoạch, tăng 16,37% so với năm 2022; giá trị sản xuất ngành xây dựng đạt 2.886 tỷ đồng, đạt 100,28% kế hoạch, tăng 27,64% so với năm 2022.

6.2. Về thương mại, dịch vụ

Công nghiệp phát triển mạnh là điều kiện tốt để các lĩnh vực xây dựng, thương mại, dịch vụ, đô thị phát triển theo. Năm 2023, hoạt động thương mại, dịch vụ trên địa bàn thị xã đã chủ động thích ứng với tình hình khó khăn về kinh tế và duy trì sự tăng trưởng; thị trường hàng hóa ổn định, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và phục vụ sản xuất kinh doanh. Tổng mức bán lẻ hàng hóa đạt 11.184 tỷ đồng, đạt 100,02% kế hoạch, tăng 8,16% so với năm 2022; doanh thu ngành dịch vụ đạt 2.870 tỷ đồng, đạt 100,17% kế hoạch, tăng 4,4% so với năm 2022. Trung tâm thương mại Chơn Thành (Chơn Thành Plaza) khai trương và bắt đầu đi vào hoạt động từ tháng 11/2023, đã góp phần quan trọng đáp ứng nhu cầu mua sắm của nhân dân trên địa bàn.

Năm 2023, địa bàn thị xã có 180 doanh nghiệp thành lập mới, tổng số doanh nghiệp đang hoạt động hiện có là 992 đơn vị. Về hộ kinh doanh, có 954 trường hợp đăng ký hộ kinh doanh, tổng số hộ đăng ký kinh doanh đã đăng ký thuế và đang hoạt động là 8.872 hộ, tổng số vốn đăng ký kinh doanh là 3.716.568 tỷ đồng.

6.3. Về sản xuất nông nghiệp

Giá trị sản xuất nông nghiệp năm 2023 đạt 3.985 tỷ đồng, đạt 100,38% kế hoạch, tăng 0,4% so với năm 2022. Tổng diện tích cây trồng đạt 25.640 ha (cây hàng năm 1.104 ha và cây lâu năm 24.536 ha, so với năm 2022 giảm 9 ha cây hàng năm và 224 ha cây lâu năm, nguyên nhân chủ yếu do chuyển đổi sang diện tích phát triển công nghiệp). Chăn nuôi duy trì ổn định, trong đó đàn trâu bò có 3.606 con, đàn lợn có 5.557 con, gia cầm các loại 255.933 con. Về chăn nuôi tập trung, có 18 trại gà với quy mô 1.950.000 con (tổng đàn hiện tại 1.130.000 con) và 66 trại lợn, với quy mô 149.900 con (tổng đàn hiện tại: 130.000 con).

Năm 2023, địa bàn thị xã có 01 HTX thành lập mới, đến nay có 13 HTX đang hoạt động, 07 HTX nông nghiệp có sản phẩm được chứng nhận tiêu chuẩn VietGAP. Toàn thị xã có 119 trang trại (trong đó có 84 trang trại chăn nuôi, 35

trang trại trồng trọt); có 09 tổ hợp tác đang hoạt động, ngành nghề chủ yếu là trồng trọt, chăn nuôi, dịch vụ nông nghiệp, hỗ trợ kỹ thuật, vật tư nông nghiệp, trong đó có 01 tổ hợp tác có giấy chứng nhận VietGAP.

6.4. Về tài chính, ngân sách

- Tổng thu ngân sách trên địa bàn đạt 883,24 tỷ đồng. Trong đó, thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt 546 tỷ đồng; thu chuyển giao ngân sách đạt 177,81 tỷ đồng; thu chuyển nguồn đạt 129,82 tỷ đồng; thu kết dư ngân sách đạt 29,60 tỷ đồng.

- Tổng chi ngân sách địa phương thực hiện năm 2023 là 770,27 tỷ đồng. Trong đó, chi cân đối ngân sách đạt 585,21 tỷ đồng; chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới là 180,23 tỷ đồng và chi nộp ngân sách cấp trên là 4,84 tỷ đồng.

- Nợ đọng thuế: Công tác chống thất thu, xử lý số thuế nợ đọng tiếp tục được quan tâm triển khai quyết liệt. Tổng số nợ đọng thuế là 143,130 tỷ đồng, giảm 77,348 tỷ đồng (chiếm 35,4%) so với năm 2022. Trong đó, nợ có khả năng thu 35,130 tỷ đồng, giảm 82,836 tỷ đồng (chiếm 70,2%); nợ không có khả năng thu 108 tỷ đồng, tăng 5,488 tỷ đồng (chiếm 5,4%) so với năm 2022 (nguyên nhân do điều chỉnh lại nợ của một số doanh nghiệp, hộ kinh doanh giải thể).

6.5. Về xây dựng nông thôn mới

Trong năm 2023, thị xã hoàn thiện hồ sơ đề nghị công nhận xã Minh Thắng đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao năm 2022; tập trung thực hiện xây dựng Nông thôn mới nâng cao năm 2023 đối với xã Minh Lập; năm 2023 công nhận thêm 05 khu dân cư nông thôn kiểu mẫu (nâng tổng số lên 08 khu dân cư đạt chuẩn khu dân cư nông thôn kiểu mẫu). Triển khai hiệu quả nguồn vốn sự nghiệp Nông thôn mới năm 2022-2023 theo kế hoạch UBND tỉnh phân bổ; rà soát, đánh giá kết quả thực hiện bộ tiêu chí phường đạt chuẩn “đô thị văn minh” để làm cơ sở đánh giá các tiêu chí thị xã hoàn thành xây dựng Nông thôn mới (kết quả sơ bộ 5/5 phường đều chưa đạt). Đánh giá các sản phẩm tham gia chương trình mỗi xã 01 sản phẩm (OCOP), theo đó có 04 chủ thể tham gia (03 sản phẩm đăng ký tham gia lần đầu: sản phẩm Dưa lưới của HTX cây ăn trái Nha Bích, sản phẩm Sầu riêng của HTX ăn trái Minh Lập, sản phẩm cốm gạo của Công ty TNHH MEDIFOOD.IO; 01 sản phẩm đăng ký nâng hạng – Sản phẩm Yến Sào Nam Phú đã được chứng nhận 3 sao năm 2021).

7. Phát triển văn hóa – xã hội

7.1. Về giáo dục và đào tạo

Thị xã đã hoàn thành nhiệm vụ năm học 2022-2023 với kết quả: Bạc Tiểu học tỷ lệ học sinh lên lớp đạt 99,7%; Trung học cơ sở tỷ lệ lên lớp đạt 94,8%, tỷ lệ học sinh xét tốt nghiệp bậc THCS (lớp 9) đạt 99,79%. Triển khai các nhiệm vụ năm học 2023-2024 theo đúng kế hoạch của UBND tỉnh và hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo.

Toàn thị xã có 58 trường, cơ sở giáo dục (23 trường công lập, 11 trường ngoài công lập, 24 cơ sở mầm non ngoài công lập); tổng số cán bộ, giáo viên các

trường công lập là 897 người (743 biên chế), tổng số là 18.115 học sinh. Trong năm 2023, thị xã tiếp tục tập trung công tác đầu tư xây dựng cơ sở vật chất các trường học, nhất là các trường trong lộ trình đạt chuẩn năm 2023 (đã tăng được 47 phòng học, phòng chức năng so với năm học 2022-2023). Đến nay thị xã có 12/23 (chiếm tỷ lệ 52,1%) trường đạt chuẩn quốc gia (đạt chỉ tiêu tinh giao và HĐND thị xã thông qua).

7.2. Về công tác Y tế

Năm 2023, thị xã đã tổ chức khám bệnh cho 93.158 lượt người; công suất sử dụng giường bệnh tại Trung tâm Y tế thị xã là 26,7%; 100% Trạm y tế có bác sỹ, duy trì 100% Trạm y tế cấp xã đạt chuẩn Quốc gia; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi đạt 7,14%, giảm 2,86% so với chỉ tiêu UBND tỉnh giao, vượt 0,14 so với chỉ tiêu HĐND thị xã thông qua. Đã cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho 61 cơ sở. Công tác quản lý nhà nước về hành nghề y, được tư nhân được quan tâm chỉ đạo thực hiện, trong năm đã tổ chức đoàn kiểm tra liên ngành đối với 31 cơ sở, doanh nghiệp.

7.3. Công tác an sinh xã hội, giải quyết việc làm

- Công tác bảo đảm an sinh xã hội, thực hiện chính sách đối với người có công với cách mạng, các đối tượng bảo trợ xã hội được thực hiện đảm bảo, kịp thời, đúng quy định. Công tác giải quyết việc làm, đào tạo nghề tiếp tục được quan tâm triển khai thực hiện, tổng số lao động được giải quyết việc làm trong năm 2023 là 5.452 người, đạt 136,3% kế hoạch tỉnh giao, đạt 100,96% kế hoạch HĐND thị xã thông qua, bằng 101,6% so với số thực hiện năm 2022. Số lao động được tạo nghề trong năm đạt 2.135 lao động, đạt 101,67% kế hoạch HĐND thị xã thông qua, bằng 104,6% so với số thực hiện năm 2022. Công tác trẻ em được quan tâm chăm lo, đến nay đã cấp phát 7.871 thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 06 tuổi.

- Năm 2023, thị xã đã triển khai thực hiện hiệu quả nội dung Tiêu dự án 1 của dự án 3 về hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp, thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, ước đến cuối năm sẽ giải ngân đạt 100% kế hoạch vốn được giao. Tổng số hộ nghèo toàn thị xã còn 22/29.720 hộ (giảm 17 hộ so với cuối năm 2022), chiếm tỷ lệ 0,07%; số hộ cận nghèo là 96 hộ (giảm 12 hộ so với cuối năm 2022), chiếm tỷ lệ 0,32%; tỷ lệ hộ nghèo bình quân 3 năm 2021-2023 là 0,14% (năm 2021 là 0,22%; năm 2022 là 0,13%; năm 2023 là 0,07%).

- Công tác phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm tiếp tục được quan tâm chỉ đạo và tập trung vào công tác tuyên truyền. Toàn thị xã hiện có 98.108 người tham gia BHXH, BHYT, BHTN (tăng 1,5% so với năm 2022), có 63% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia BHXH (trong đó nông dân và lao động khu vực phi chính thức tham gia BHXH tự nguyện chiếm 0,5% lực lượng lao động trong độ tuổi); 45% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia BHTN; 94% dân số tham gia BHYT.

7.4. Công tác thông tin, tuyên truyền

Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao trong năm diễn ra sôi nổi, đa dạng; triển khai tốt các Kế hoạch chuyên đề về “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” và cuộc vận động “Người Bình Phước nói lời hay làm việc tốt”. Tổ chức thành công Chương trình họp mặt kỷ niệm 48 năm giải phóng Chơn Thành (02/4/1975-02/4/2023), 20 năm thành lập huyện Chơn Thành (02/5/2003-02/5/2023) và 01 năm thành lập thị xã (01/10/2022 – 01/10/2023) và Liên hoan nghệ thuật quần chúng thị xã Chơn Thành năm 2023. Tham gia Liên hoan Nghệ thuật quần chúng tỉnh Bình Phước lần thứ XIV (Đạt giải nhì toàn đoàn). Công tác kiểm tra quản lý hoạt động văn hóa được duy trì, kịp thời chấn chỉnh, xử lý các hành vi vi phạm. Tổ chức 06 giải thể thao thu hút hơn 840 vận động viên và hơn 2.600 lượt khán giả đến xem và cổ vũ. Tổ chức Lễ phát động tháng hoạt động thể dục thể thao cho mọi người và Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân năm 2023, có hơn 1.400 người tham gia. Tham gia 20 giải thể thao (trong đó 06 giải vận động từ nguồn kinh phí xã hội hóa).

7.5. Công tác dân tộc, tôn giáo

- Công tác dân tộc: Công tác chăm lo, giải quyết những vấn đề khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số luôn được quan tâm. Nhân dịp Tết Nguyên đán, Tết Cổ truyền dân tộc Khmer đã tổ chức họp mặt, đoàn thăm tặng quà cho Người có uy tín, Già làng, hộ khó khăn là dân tộc Khmer (tặng 32 phần quà, trị giá 22 triệu đồng); thăm tặng quà Chùa Bò Đê (1 phần quà, trị giá 2 triệu đồng). Tổ chức thành công chương trình giao lưu văn hóa, thể thao trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số (thuộc Dự án 6 của Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi).

- Công tác tôn giáo: Các hoạt động tôn giáo trên địa bàn hoạt động bình thường, tuân thủ quy định của pháp luật; tín đồ, giáo dân chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; các chính sách pháp luật về tôn giáo được quan tâm tuyên truyền hướng dẫn thực hiện, nhu cầu về tôn giáo được giải quyết kịp thời theo quy định. Nhân dịp Lễ, Tết thị xã đều tổ chức các đoàn thăm, chúc mừng các cơ sở tôn giáo trên địa bàn.

8. Về quốc phòng, an ninh, nội chính

Tình hình an ninh chính trị ổn định, không xảy ra vụ việc gì phức tạp. Công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật, phòng chống cháy, nổ tiếp tục được quan tâm triển khai quyết liệt; quan tâm triển khai nghiêm túc nội dung Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Công tác đảm bảo trật an toàn giao thông được chú trọng, tai nạn giao thông giảm rất sâu trên cả 3 tiêu chí.

Năm 2023, tội phạm về trật tự xã hội trên địa bàn thị xã xảy ra 89 vụ, so với cùng kỳ năm 2022 giảm 11 vụ; tội phạm, vi phạm pháp luật về kinh tế, tham nhũng phát hiện tổng số 35 vụ; tội phạm, vi phạm pháp luật về ma túy phát hiện 33 vụ - 46 đối tượng, so với cùng kỳ năm 2022 nhiều hơn 03 vụ. Tai nạn giao thông

trên toàn thị xã xảy ra 28 vụ, làm chết 26 người, bị thương 03 người, so với cùng kỳ năm 2022 giảm 21 vụ, 23 người chết, giảm 07 người bị thương.

9. Hệ thống chính trị

Hiện nay, toàn thị xã có 58 chi, đảng bộ trực thuộc Thị ủy, 147 chi bộ trực thuộc Đảng ủy cơ sở với tổng số đảng viên là 2.067 người. Đội ngũ cán bộ công chức, viên chức (cấp huyện và cấp xã) được nâng lên 1.311 người.

9.1. Về tổ chức bộ máy

a) Khối Đảng, đoàn thể

- Ban Chấp hành Đảng bộ có **41 người**.

- Ban Thường vụ có **13 người**, gồm: Đồng chí Bí thư - Chủ tịch HĐND thị xã; 02 Phó Bí thư Thị ủy (01 Phó Bí thư Thường trực, 01 Phó Bí thư - Chủ tịch UBND); 01 Phó Chủ tịch HĐND; 01 Phó Chủ tịch UBND; 01 Trưởng Công an thị xã, 01 Chỉ Huy trưởng Quân sự thị xã; Thủ trưởng các cơ quan, gồm: Trưởng Ban Tổ chức, Ủy Ban Kiểm tra, Trưởng Ban Tuyên giáo, Trưởng Ban Dân vận, Chủ tịch Ủy ban MTTQ - Trưởng khối MTTQ và các đoàn thể xã hội thị xã.

- Cơ quan khối Đảng: Văn phòng Thị ủy, Ban Tổ chức, Ủy ban Kiểm tra, Ban Dân vận, Ban Tuyên giáo, Trung tâm Bồi dưỡng chính trị thị xã.

- MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội, gồm: Ủy ban Mặt trận tổ quốc, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Hội nông dân, Liên đoàn lao động, Thị đoàn. Cơ quan giúp việc được tổ chức theo mô hình cơ quan giúp việc chung.

- Hội chữ thập đỏ (tổ chức xã hội có sử dụng biên chế viên chức của khối chính quyền).

b) Khối chính quyền

- HĐND thị xã nhiệm kỳ 2021 - 2026 có **30 đại biểu**; cơ cấu Hội đồng nhân dân, gồm: Bí thư Thị ủy là Chủ tịch HĐND thị xã, 01 Phó Chủ tịch HĐND và 02 Ban của HĐND (Ban Pháp chế có 01 Phó Ban chuyên trách và Ban Kinh tế - xã hội có 01 Phó Ban chuyên trách).

- Ủy ban nhân dân thị xã có **16** thành viên UBND, gồm: Chủ tịch UBND, **02** Phó Chủ tịch UBND và **11** thành viên khác là thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, Trưởng Công an thị xã, Chỉ huy trưởng Quân sự.

- Cơ quan thuộc UBND thị xã: **11** cơ quan gồm: Văn phòng HĐND-UBND, Phòng Giáo dục - Đào tạo, Phòng Nội vụ, Thanh tra, Phòng Lao động Thương binh và Xã hội, Phòng Văn hóa - Thông tin, Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Kinh tế, Phòng Quản lý đô thị, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tư pháp.

- Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND thị xã, gồm:

+ Sự nghiệp giáo dục: có 23 trường học công lập trực thuộc.

+ Sự nghiệp y tế: có 01 Trung tâm y tế và 09 trạm y tế trực thuộc.

+ Sự nghiệp khác: 08 đơn vị gồm: Trung tâm Văn hóa - Thể thao; Trung tâm Phát triển quỹ đất; Trung tâm Dịch vụ - Nông nghiệp; Đài Truyền thanh – Truyền hình; Kho Lưu trữ, Đội Quản lý đô thị, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên.

- Đơn vị hành chính cấp xã: 09 xã, phường.

9.2. Về số lượng và chất lượng cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện, cấp xã

a) Khối Đảng, đoàn thể:

- Biên chế được giao: 57 biên chế.

- Biên chế có mặt: 46/57 biên chế.

b) Khối chính quyền cấp thị xã:

- Tổng số có mặt là 1.049 người, gồm: Cán bộ, công chức ở huyện là 74 người; viên chức là 975 người (viên chức tại các trường học là 767 người, viên chức các đơn vị sự nghiệp khác là 208 người).

+ Về trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Thạc sĩ có 18 người, chiếm 1,71%; đại học có 752 người, chiếm 71,7%; cao đẳng có 177 người, chiếm 16,9%, trung cấp có 102 người, chiếm 9,69%.

+ Về trình độ lý luận chính trị: Cao cấp, cử nhân có 44 người, chiếm 4,19%; trung cấp có 301 người, chiếm 28,7%.

- Các cơ quan ngành dọc trên địa bàn, gắn với địa giới hành chính hiện tại có Ban Chỉ huy quân sự, Công an, Viện kiểm sát, Tòa án, Chi cục Thi hành án dân sự, Kho bạc nhà nước,...

b) Cấp xã

- Tổng số cán bộ, công chức cấp xã là 170 người; trong đó, cán bộ là 92 người, công chức là 78 người.

+ Về trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Thạc sĩ có 4 người, chiếm 2,35%; đại học có 146 người, chiếm 85,88%; cao đẳng có 7 người, chiếm 4,12%; trung cấp có 13 người, chiếm 7,65%.

+ Về trình độ lý luận chính trị: Cao cấp, cử nhân có 23 người, chiếm 13,53%; trung cấp có 117 người, chiếm 68,82%; sơ cấp có 18 người, chiếm 10,59%.

- Tổng số đại biểu HĐND cấp xã là 221 người; trong đó:

+ Về trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Thạc sĩ có 3 người, chiếm 1,36%; đại học có 113 người, chiếm 51,13%; cao đẳng có 8 người, chiếm 3,62%; trung cấp có 9 người, chiếm 4,07%.

+ Về trình độ lý luận chính trị: Cao cấp, cử nhân có 23 người, chiếm 10,41%; trung cấp có 102 người, chiếm 46,15%; sơ cấp có 17 người, chiếm 7,69%.

- Tổng số người hoạt động không chuyên trách ở 70 thôn, tổ dân phố trên địa bàn thị xã là 158 người.

10. Phát triển hạ tầng đô thị

Tại Quyết định số 1836/QĐ-UBND ngày 05/10/2022 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án phát triển đô thị tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 đã xác định giai đoạn 2026 – 2030 đầu tư phát triển các đô thị Chơn Thành hướng đến là đô thị loại III. Theo đó, thị xã Chơn Thành đã và đang triển khai thực hiện Đề án phát triển đô thị Chơn Thành giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030, Chơn Thành dự kiến đầu tư với tổng vốn hơn 16.710 tỷ đồng. Trong đó, ngân sách thị xã hơn 5.087 tỷ đồng; ngân sách tỉnh hơn 10.653 tỷ đồng, ngân sách xã, phường hơn 425 tỷ đồng; vốn xã hội hóa hơn 545 tỷ đồng. Nguồn lực nêu trên chủ yếu được đầu tư vào các dự án cơ sở hạ tầng, chỉnh trang đô thị, hệ thống giao thông. Tính đến năm 2023, trên địa bàn thị xã Chơn Thành có 402,88 km đường nhựa, 234,58 km đường bê tông, tỷ lệ đường có hệ thống chiếu sáng đạt 26,6%, đường có hệ thống thoát nước 25%. Tỷ lệ hộ sử dụng điện ước đến cuối năm 2023 là 99,16%. Cùng với đó, Chơn Thành đã thu hút được rất nhiều doanh nghiệp đến đầu tư vào các dự án phát triển đô thị, khu dân cư, trung tâm thương mại, từ đó làm cho diện mạo đô thị Chơn Thành ngày càng khang trang, hiện đại.

10.1. Hiện trạng hạ tầng xã hội

a) Công trình cơ quan, hành chính

Khu trung tâm hành chính và các cơ quan chuyên ngành cấp thị xã được xây dựng tại phường Hưng Long, bao gồm các công trình như: Trụ sở Thường trực HĐND và UBND thị xã, trụ sở Thị ủy, Công an, Tòa án, các khối đoàn thể, đa số được xây dựng mới, kiến trúc hiện đại và đảm bảo chất lượng phục vụ tốt công tác.

Trụ sở các cơ quan hành chính cấp xã, phường được xây mới, nâng cấp, cải tạo và chỉnh trang trong những năm gần đây.

b) Công trình y tế

Hệ thống y tế cơ bản đã được đầu tư hoàn thiện, trình độ đội ngũ y bác sĩ và chất lượng khám chữa bệnh ngày càng được nâng cao. Tổng số giường bệnh trên địa bàn khoảng 170 giường, các xã, phường đều có trạm y tế đạt trung bình 5 giường mỗi trạm.

Mạng lưới y tế cơ sở xã, phường được củng cố, cải tạo, nâng cấp, đầu tư trang thiết bị đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của người dân.

c) Công trình giáo dục

Toàn thị xã Chơn Thành có 22 trường mầm non, 21 cơ sở giáo dục, 07 trường tiểu học, 03 trường THCS, 04 trường TH-THCS, 1 trường THCS & THPT, 2 trường THPT, 01 Trung tâm giáo dục thường xuyên.

Hầu hết cơ sở vật chất các trường phục vụ cho việc dạy học đã ổn định. Tuy nhiên, cơ sở vật chất của các trường để đạt các tiêu chí của trường chuẩn quốc gia và đáp ứng nhu cầu đổi mới phương pháp dạy học còn thiếu. Hệ thống giáo dục các cấp đã phủ khắp các xã, phường, đáp ứng nhu cầu học tập của con em nhân dân trong thị xã.

Phân đầu đến năm 2025 có 70% trường học đạt chuẩn quốc gia, để đạt các tiêu chí mục tiêu và đáp ứng nhu cầu đổi mới phương pháp dạy và học, cần quan tâm đầu tư cơ sở vật chất cho ngành giáo dục, từng bước đáp ứng các yêu cầu đặt ra.

Hiện trạng phân bố các trường học trên địa bàn thị xã hợp lý theo các cụm dân cư, đủ điều kiện để đầu tư nâng cấp thành trường đạt chuẩn. Tuy nhiên, còn một số điểm trường mầm non và tiểu học có khuôn viên nhỏ, trong quy hoạch sử dụng đất cần bố trí đủ diện tích để mở rộng quy mô trong giai đoạn sau theo tiêu chí trường đạt chuẩn Quốc gia.

d) Công trình văn hóa, TDTT

Mạng lưới trung tâm văn hóa đã được đầu tư xây dựng, các thư viện - phòng đọc sách và đài truyền thanh của các xã, phường phần lớn được bố trí trong khuôn viên trụ sở UBND cấp xã. Nhìn chung, các hoạt động văn hóa được tổ chức thường xuyên với nhiều thể loại phong phú; đặc biệt là vào các ngày lễ, hội của địa phương. Công tác truyền thanh đã được phát huy hiệu quả; kịp thời phổ biến những thông tin về tình hình kinh tế - xã hội của địa phương, phổ biến kịp thời các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Toàn thị xã hiện có: 9/9 nhà văn hóa xã (hội trường), 69/70 nhà văn hóa ấp (đạt tỷ lệ 98,5%); 02 di tích (trong đó có 01 di tích được công nhận cấp Quốc gia, 01 di tích được công nhận cấp tỉnh); 02 điểm nằm trong danh mục kiểm kê; 02 thư viện (01 thư viện điện tử); 01 đội thông tin lưu động; 06 hiệu sách,... 01 Nhà Văn hóa Thiếu nhi được duy trì và thường xuyên hoạt động. Hầu hết quỹ đất dành cho hoạt động văn hóa được bố trí ở những vị trí thuận lợi, đáp ứng yêu cầu phục vụ nhiệm vụ của địa phương.

Hiện nay, trên địa bàn thị xã có 05 hồ bơi, 21 sân bóng đá (trong đó có 14 sân bóng đá mini), 120 sân bóng chuyền, 150 sân cầu lông, 6 sân tennis.

đ) Công trình thương mại, dịch vụ

Hệ thống hạ tầng thương mại và dịch vụ của thị xã Chơn Thành đã và đang hình thành phát triển, hiện có một số dự án phát triển nhà ở kết hợp trung tâm thương mại đang triển khai như: Dự án Khu dân cư, đô thị và dịch vụ, thương mại Suối Đồi; Dự án đầu tư xây dựng công trình 130 căn nhà phố liền kề thuộc dự án Khu trung tâm thương mại Chơn Thành...

Trên địa bàn thị xã hiện có 03 chợ truyền thống đang hoạt động (gồm: Chợ phường Hưng Long, Minh Hưng và chợ xã Minh Lập), tuy nhiên phần lớn đã xuống cấp và không đủ tiêu chuẩn, 02 chợ được xây dựng theo hình thức xã hội hóa nhưng hoạt động chưa hiệu quả (chợ phường Thành Tâm, chợ xã Quang Minh); Các cửa hàng bán lẻ, cửa hàng chuyên doanh (Thế giới di động, Điện máy xanh, Con cung, Nhà sách, văn phòng phẩm,..) được hình thành đã góp phần làm phong phú, đa dạng hàng hóa trên thị trường.

Ngoài ra, trên các trục đường lớn là hệ thống các công trình thương mại dịch vụ, kinh doanh tư nhân kết hợp nhà ở, góp phần đáng kể vào hệ thống các công trình thương mại dịch vụ của đô thị.

e) Nhà ở

Khu vực phường Hưng Long nhà ở chủ yếu xây dựng theo dạng nhà liên kế tập trung trong khu vực trung tâm và bám sát theo các trục đường chính và các trục giao thông theo quy hoạch.

Khu vực các phường Minh Hưng, Thành Tâm, Minh Long, Minh Thành nhà ở chủ yếu xây dựng theo dạng nhà liên kế tập trung dọc theo các trục đường QL. 13, ĐT. 751, phía bên trong các trục giao thông chính, nhà ở hầu hết là dạng nhà vườn mật độ trung bình, thấp.

Đối với các xã còn lại, tại khu vực trung tâm xã và các điểm dân cư nông thôn tập trung nhà ở đa phần là dạng nhà liên kế, nhà vườn mật độ thấp kết hợp sản xuất nông nghiệp.

g) Các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn

Khu công nghiệp trên địa bàn hiện có 05 khu công nghiệp đang hoạt động và triển khai xây dựng.

Cụm công nghiệp trên địa bàn có 01 Cụm công nghiệp Nha Bích với diện tích 74,59ha đang triển khai đầu tư xây dựng hạ tầng.

10.2. Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật

a) Hệ thống giao thông

- Quốc lộ 13 là trục giao thông quan trọng kết nối với TP.HCM, Bình Dương; Quốc lộ 14 là trục giao thông huyết mạch nối vùng kinh tế trọng điểm phía Nam với vùng Tây Nguyên; đường Hồ Chí Minh đã được xây dựng đoạn từ QL14 đến địa phận tỉnh Bình Dương,...

- Hệ thống đường tỉnh: Đường ĐT751; Đường ĐT.752B; Đường ĐT.756; Đường ĐT.756B, Đường ĐT.756C, tạo ra hệ thống giao thông kết nối linh hoạt với các huyện, thị xã, thành phố và các xã, phường trên địa bàn.

- Đường đô thị: Hệ thống đường đô thị chủ yếu tập trung tại khu vực phường Hưng Long, Khu trung tâm hành chính thị xã, các dự án khu dân cư như Đại Nam, Suối đôi, KCD Becamex,...

b) Bến xe

Bến xe hiện hữu (khu vực ngã tư Chơn Thành) có diện tích khoảng 1.108,9m² diện tích nhỏ chưa đáp ứng nhu cầu thực tế bến xe cấp thị xã.

c) Nguồn điện:

Nguồn điện:

+ Nguồn cấp điện chủ yếu là các tuyến trung thế 22kV từ trạm biến áp trung gian 110/22kV - 2x40MVA Chơn Thành; trạm biến áp 110kV Minh Hưng - 1x63MVA và bổ sung trạm biến áp 110kV Becamex - 1x63MVA.

+ Ngoài ra trên địa bàn thị xã Chơn Thành có trạm biến áp trung gian 500kV -2x450MVA, trạm biến áp trung gian 220kV-1x250MVA Chơn Thành.

Trên toàn thị xã có 303Km đường dây trung áp, 252Km đường dây hạ áp, 818 trạm biến áp tổng dung lượng 214.445 kVA. Trong đó: 426 trạm biến áp công cộng phục vụ bán điện lẻ với tổng dung lượng 197.108 kVA, 392 trạm biến áp điện lực sử dụng với tổng dung lượng 17.338 kVA. Tỷ lệ sử dụng điện trên địa bàn thị xã đạt 99,02%.

Lưới điện chiếu sáng: Tuyến chiếu sáng giao thông đã được đầu tư trên một số tuyến đường trung tâm phường Hưng Long, các tuyến đường giao thông chính, sử dụng đèn cao áp sodium gắn trên trụ thép hoặc trên trụ chung với trụ điện hạ thế. Tuyến cấp chiếu sáng đi ngầm với các tuyến đường có gắn đèn trên trụ thép và đi cáp chiếu sáng nổi với các đèn có gắn chung với các trụ điện hạ áp.

d) Hệ thống thông tin liên lạc

Trên địa bàn có 6 nhà mạng hoạt động trong lĩnh vực viễn thông. Trong đó, có 06 nhà mạng thông tin di động: VNPT, Viettel, Mobiphone, Vietnamobile, Gmobile, FPT; 03 nhà mạng viễn thông cố hạ tầng cố định là VNPT, FPT và Viettel. Ngoài ra, có 3 doanh nghiệp truyền hình cáp là chi nhánh SCTV Bình Phước, chi nhánh VTCab Bình Phước và chi nhánh Viettel Bình Phước chính.

đ) Hệ thống cấp nước

Hiện có nhà máy nước Chơn Thành công suất 30.000m³/ngày, cấp nước cho một phần khu vực phường Hưng Long, các xã, phường lân cận và các Khu công nghiệp; 03 trạm cấp nước nông thôn tại các xã Nha Bích, Minh Lập và phường Minh Long công suất 1.000 m³/ngày/trạm. Ngoài ra, còn lại một phần các hộ dân sử dụng nước giếng khoan để sinh hoạt.

e) Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải

Hiện tại chưa có hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt đô thị tập trung. Hệ thống thoát nước đô thị hiện đang sử dụng chung cho thoát nước mưa, nước thải, tập trung chủ yếu dọc các trục giao thông chính ở trung tâm các phường Hưng Long, Minh Long, Thành Tâm, Minh Thành, Minh Hưng. Còn lại phần lớn các tuyến đường khác vẫn chưa có hệ thống thoát nước. Các khu công nghiệp xây dựng hệ thống thoát nước mưa và nước thải riêng.

Hiện tại nước mưa chảy theo địa hình tự nhiên xuống vùng thấp sau đó thoát theo các suối hiện hữu ra sông Bé, hồ Phước Hòa,... Năng lực tiêu thoát nước

mưa trong đô thị còn thấp, tuy nhiên do địa hình đồi dốc, phân cắt ra nhiều lưu vực, có nhiều sông suối và hệ số mặt phủ hiện còn thấp nên chưa gây ra ngập úng cục bộ trên địa bàn đô thị.

g) Hệ thống quản lý chất thải rắn

Chơn Thành có 05 phường và 04 xã, với 05 khu công nghiệp đang hoạt động. Chất thải rắn phát sinh trên địa bàn huyện khoảng 20 tấn rác thải sinh hoạt/ngày, chất thải rắn công nghiệp thông thường khoảng 10 tấn/ngày, đêm; chất thải nguy hại: 3 tấn/ngày, đêm; bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng khoảng 2 tấn/năm. Công tác thu gom xử lý chất thải rắn phát sinh trên địa bàn huyện đã được chú trọng và quan tâm nhiều trong những năm gần đây thể hiện:

Chất thải rắn sinh hoạt hiện nay cơ bản đã được thu gom và đưa đi xử lý, tập trung tại 03 bãi rác với quy mô 0,9ha, tuy nhiên chỉ mới tập trung thu gom tại khu vực phường và một số xã dọc theo các tuyến đường Quốc lộ 13, 14, ĐT 751. Hình thức xử lý hiện nay chủ yếu là chôn lấp, chưa đảm bảo vệ sinh môi trường. Tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đạt khoảng 80%, trong đó các phường đạt khoảng 91,38%, các xã còn lại chỉ thu gom hàng ngày ở khu vực ven trục đường chính, tại một số vị trí nguy cơ ô nhiễm cao theo thứ tự vào thứ 7 hàng tuần mới có xe đi gom, tỷ lệ thu gom đạt khoảng 70%.

Trong các khu công nghiệp, chất thải rắn được các doanh nghiệp hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom xử lý.

Bao bì thuốc bảo vệ thực vật đã qua sử dụng được người dân tự giác bỏ vào 52 bể chứa bằng bê tông đặt tại các vị trí thuận lợi ở các xã, phường, được Phòng Tài nguyên và môi trường thuê đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, xử lý theo quy định.

h) Nhà tang lễ, nghĩa trang và cơ sở hỏa táng

Toàn thị xã hiện có 32 nghĩa trang và nghĩa địa, tổng diện tích là 47,23ha, nằm rải rác ở các địa phương trên địa bàn thị xã; một số nghĩa trang về cơ bản đã khoanh vùng và ngưng sử dụng. Trên địa bàn hiện chưa có nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng.

B. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN CÁC XÃ THUỘC HUYỆN HỚN QUẢN DỰ KIẾN ĐIỀU CHỈNH VỀ THỊ XÃ CHƠN THÀNH

I. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN HUYỆN HỚN QUẢN

1. Lịch sử hình thành huyện Hớn Quản

Hàng trăm năm trước, vùng Hớn Quản ngày nay chỉ có rừng rậm và sông suối, là vùng trung du đồi rừng còn thưa vắng bóng người, đây đó vài bộ phận nhỏ những người dân thuộc các tộc người thiểu số S'tiêng, M'ông, Ch'mạ, Ch'ro sinh sống, tụ thành sóc rải rác bên những bờ suối, bìa rừng. Sự khai phá cho mưu sinh của những cư dân còn thưa thớt ấy hàng trăm năm không làm thay đổi được

cảnh hoang vu rậm rạp của những cánh rừng nguyên sinh luôn luôn tươi tốt trên nền đất đỏ badan màu mỡ miền Đông.

Công cuộc khai phá của các chúa Nguyễn từ thế kỷ XVII-XVIII đã làm cho xứ Đàng Trong ngày càng đông dân cư từ Đàng Ngoài đi vào sinh cơ lập nghiệp. Người Việt đi đến đâu cũng cùng với người dân bản địa và người dân đến trước tích cực lao động, tạo dựng đồng ruộng và xóm làng, hình thành cộng đồng dân cư đông đúc. Dấu tích để lại ngày nay trên đất Hớn Quản còn thấy ở Xa Cát, Xa Cam, Đông Phát ... những địa danh mà tên gọi mang đậm nét pha trộn của quá trình cộng cư, giao lưu đời sống kinh tế - văn hóa nhiều tộc người.

Theo minh định của Nguyễn Hữu Cảnh, vâng mệnh chúa Nguyễn đi xác lập nền hành chính vào năm 1698, thì vùng đất hớn quản từ thế kỷ XVIII thuộc huyện Phước Long, phủ Gia Định bao gồm địa bàn các tỉnh ở phía đông sông Sài Gòn là Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước, Bà Rịa – Vũng Tàu, một phần tỉnh Bình Thuận và một phần thành phố Hồ Chí Minh ngày nay.

Suốt từ đầu thế kỷ XX cho đến năm 1954, Hớn Quản vẫn là một quận của tỉnh Thủ Dầu Một. Tuy nhiên đến năm 1951, do yêu cầu lãnh đạo đấu tranh, trong hệ thống hành chính của cách mạng hai tỉnh Thủ Dầu Một và Biên Hòa được hợp làm một (tức tỉnh Thủ Biên), quận Hớn Quản nằm trong tỉnh Thủ Biên.

Theo Sắc lệnh số 143/NV (ngày 22/10/1956), tỉnh Bình Long mới lập gồm 3 quận: An Lộc, Lộc Ninh, và Chơn Thành. Quận An Lộc nguyên là quận Hớn Quản trước đây, vào thời điểm hình thành, quận An Lộc có 14 xã người Kinh và 29 xã người dân tộc, quận Chơn Thành trong thực tế đến năm 1964 mới thành lập. Năm 1972, quận An Lộc còn 12 xã, 41 ấp.

Sau ngày 30/01/1975, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam sắp xếp lại hành chính các tỉnh, thành lập tỉnh Sông Bé gồm có Thị xã Thủ Dầu Một và các huyện: Lộc Ninh, Hớn Quản, Chơn Thành, Bù Đốp, Tân Uyên Đồng Xoài, Bù Đăng, Phước Bình, Dầu Tiếng, Bèn Cát, Lái Thiêu, Dĩ An, Phú Giáo.

Năm 1977, tổ chức hành chính tỉnh Sông Bé rút gọn lại 3 huyện: Lộc Ninh, Hớn Quản và Chơn Thành được sáp nhập lại thành huyện Bình Long. Bình Long trở thành một huyện lớn về diện tích và dân số của tỉnh Sông Bé.

Đến tháng 2/1978, lập lại huyện Lộc Ninh theo địa giới quận Lộc Ninh cũ. Huyện Bình Long còn lại gồm các xã của Hớn Quản cũ và các xã của Chơn Thành cũ, lấy An Lộc làm thị trấn huyện lỵ.

Ngày 6/11/1996, Chính phủ nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quyết định chia tách tỉnh Sông Bé thành hai tỉnh Bình Dương và Bình Phước. Bình Long – trong đó có Hớn Quản, là một trong 6 huyện, thị của tỉnh biên giới Bình Phước.

Đầu năm 2003, trên cơ sở dân số phát triển và theo yêu cầu quản lý kinh tế - xã hội, tỉnh Bình Phước thành lập thêm 2 đơn vị hành chính cấp huyện là Chơn Thành (tách ra từ huyện Bình Long) và huyện Đù Bốp (tách ra từ huyện Lộc

Ninh). Bình Long còn lại vùng đất Hớn Quản xưa và thị trấn An Lộc, trở thành một trong 8 huyện thị của tỉnh Bình Phước.

Ngày 1/11/2009, trên cơ sở hành chính của huyện Bình Long từ năm 2003, tách thị trấn An Lộc cùng với 2 xã Thanh Phú, Thanh Lương để thành lập thị xã Bình Long. Phần còn lại (gồm 12 xã: Tân Khai, Thanh Bình, Minh Đức, Minh Tâm, Đồng Nơ, Tân Hiệp, An Phú, Phước An, Tân Lợi, Tân Hưng, Thanh An, An Khương) và xã Tân Quan (huyện Chơn Thành), đổi tên thành huyện Hớn Quản. Huyện Hớn Quản có diện tích 661,85 km², dân số 93.981 người. Huyện lỵ đặt tại xã Tân Khai.

2. Vị trí địa lý, địa giới hành chính

a) Vị trí địa lý

Huyện Hớn Quản nằm trên Quốc lộ 13 cách thị xã Chơn Thành khoảng 15 km, cách thị xã Bình Long khoảng 12 km, cách thành phố Đồng Xoài theo Quốc lộ 13 và Quốc lộ 14 khoảng 45 km. Với trục giao thông hiện có từ Hớn Quản đi Tây Nguyên và Đồng bằng sông Cửu Long rất thuận lợi.

b) Địa giới hành chính:

- Phía Bắc giáp thị xã Bình Long và huyện Lộc Ninh;
- Phía Nam giáp huyện Chơn Thành;
- Phía Đông giáp huyện Bù Gia Mập và huyện Đồng Phú;
- Phía Tây giáp tỉnh Tây Ninh.

3. Điều kiện tự nhiên

a) Khí hậu

Tỉnh Bình Phước nói chung và huyện Hớn Quản nói riêng nằm trong vùng mang đặc trưng khí hậu nhiệt đới cận xích đạo gió mùa với 2 mùa rõ rệt: mùa mưa và mùa khô.

- Nhiệt độ không khí

Nhiệt độ bình quân trong năm cao đều và ổn định từ 25,8 - 26,2⁰C. Nhìn chung sự thay đổi nhiệt độ qua các tháng không lớn, song chênh lệch nhiệt độ giữa ngày và đêm thì khá lớn, khoảng 7 - 9⁰C nhất là vào các tháng mùa khô.

- Độ ẩm không khí

Do chế độ theo mùa nên biên độ cao dao động về độ ẩm không khí giữa mùa mưa và mùa khô khá lớn. Độ ẩm trung bình hàng năm từ 80,8 - 81,4%. Bình quân năm thấp nhất là 45,6 - 53,2%, tháng có độ ẩm cao nhất là 88,2%, tháng có độ ẩm thấp nhất là 16%. Độ ẩm tháng cao nhất 91% (tháng 9).

- Mưa

Lượng mưa bình quân hàng năm biến động từ 2.045 - 2.325 mm. Mùa mưa diễn ra từ tháng 5 - 11, chiếm 85 - 90% tổng lượng mưa cả năm, tháng có lượng mưa lớn nhất 376 mm (tháng 7). Mùa khô từ cuối tháng 11 đến đầu tháng 5 năm

sau, lượng mưa chỉ chiếm 10 - 15% tổng lượng mưa cả năm, tháng có lượng mưa ít nhất là tháng 2 và tháng 3. Lượng bốc hơi hàng năm khá cao từ 1.113 - 1.447 mm. Thời gian kéo dài quá trình bốc hơi lớn nhất vào tháng 2, 3 và 4.

- *Nắng*

Nằm trong vùng dồi dào nắng. Tổng số giờ nắng trong năm từ 2.400 - 2.500 giờ. Số giờ nắng bình quân trong ngày từ 6,2 - 6,6 giờ. Thời gian nắng nhiều nhất vào tháng 1, 2, 3, 4 và thời gian ít nắng nhất vào tháng 7, 8 và 9. Khu vực không có sương mù.

- *Gió*

Mỗi năm có 2 mùa gió theo 2 mùa: mùa mưa và mùa khô. Về mùa mưa, gió thịnh hành Tây - Nam. Về mùa khô, gió thịnh hành Đông - Bắc. Chuyển tiếp giữa hai mùa còn có gió Đông và Đông Nam.

Tốc độ gió trung bình đạt 10 - 15 m/s, lớn nhất 25 - 30 m/s (90 - 110 km/h). Khu vực này không chịu ảnh hưởng của gió bão.

b) Tài nguyên khoáng sản

Đối với huyện Hớn Quản có tài nguyên khoáng sản bao gồm:

- Khoáng sản sét gạch ngói: tổng diện tích 598 ha với trữ lượng là 24.750.000 m³, trong đó đến năm 2010 là 115 ha và trữ lượng 4.250.000m³, giai đoạn 2011-2015 diện tích là 30ha và trữ lượng là 900.000m³ còn lại dự trữ cho các giai đoạn sau.

- Khoáng sản đá xây dựng: tổng diện tích 1.741 ha với trữ lượng là 330.300.000m³, trong đó đến năm 2010 là 146 ha và trữ lượng 28.100.000m³, giai đoạn 2011-2015 diện tích là 120ha và trữ lượng là 24.000.000m³ còn lại dự trữ cho các giai đoạn sau.

- Khoáng sản Laterit - đất phún sỏi đỏ: tổng diện tích 892ha với trữ lượng là 26.360.000m³, trong đó đến năm 2010 là 181ha và trữ lượng 5.030.000m³, giai đoạn 2011-2015 diện tích là 376ha và trữ lượng là 11.280.000m³ còn lại dự trữ cho các giai đoạn sau.

Với điều kiện về vị trí địa lý và tài nguyên trên, huyện Hớn Quản có nhiều tiềm năng để phát triển kinh tế đa ngành, đa lĩnh vực (nông nghiệp – công nghiệp – dịch vụ).

4. Diện tích tự nhiên và cơ cấu sử dụng đất

Huyện Hớn Quản có 664,14 km² diện tích tự nhiên (bằng 66.414,22 ha). Trong đó:

Đất nông nghiệp là 579,81 km²

Đất phi nông nghiệp là 84,33 km²

Đất chưa sử dụng là 0 km².

5. Dân số, lao động và thành phần dân cư

Huyện Hón Quán có 107.373 người;

6. Đơn vị hành chính trực thuộc

Huyện Hón Quán có 13 ĐVHC trực thuộc bao gồm các xã: Thanh An, An Khương, Đồng Nơ, Tân Hiệp, Minh Đức, Minh Tâm, Tân Lợi, Phước An, Tân Hưng, Thanh Bình, An Phú, Tân Quan và thị trấn Tân Khai.

7. Hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội

7.1. Về phát triển kinh tế

Huyện Hón Quán đi vào hoạt động ngày 01/11/2009. Từ những ngày đầu, huyện luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, hỗ trợ của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh. Cùng với đó là sự nỗ lực của Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể sự đồng tâm, đồng lòng toàn thể Nhân dân, huyện Hón Quán đã từng bước khắc phục khó khăn, phát huy thế mạnh, xây dựng quê hương từng ngày phát triển. Từ ngày tái lập đến nay, huyện Hón Quán luôn đạt mức tăng trưởng kinh tế trung bình hằng năm hơn 12%; cơ cấu kinh tế của huyện chuyển dịch mạnh mẽ; thu ngân sách luôn đạt và vượt chỉ tiêu; thu nhập bình quân đầu người hơn 66 triệu đồng/năm; cơ sở hạ tầng giao thông đã được đầu tư cơ bản và kết nối liên xã, liên huyện và về tỉnh.

Năm 2023, tổng giá trị sản xuất trên địa bàn huyện đạt 7.202 tỷ đồng, tăng 7,4% so với năm 2022; cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, tỷ trọng lĩnh vực nông - lâm - thủy sản chiếm 47,17%; công nghiệp - xây dựng chiếm 18,01%; thương mại - dịch vụ chiếm 34,82%. Thu nhập bình quân năm 2023 ước đạt 68,2 triệu đồng/người.

a) Về phát triển công nghiệp

- Về phát triển công nghiệp, huyện phối hợp các ngành liên quan của tỉnh đang triển khai đầu tư xây dựng và hoàn thiện cơ sở hạ tầng 3 khu công nghiệp (KCN), gồm: KCN Tân Khai II, KCN Minh Hưng - Sikico và KCN Việt Kiều. Bước đầu, các KCN đã thu hút một số dự án đến đầu tư.

+ Khu Công nghiệp Minh Hưng – Sikico: Diện tích được duyệt là 655 ha; ngành nghề kinh doanh: Điện tử, vi điện tử, Dược phẩm, Văn phòng phẩm, Chế biến nông sản, lương thực, Chế biến lương thực, thực phẩm: ấp trứng, giết mổ, Thực phẩm chức năng, Sản xuất giấy, Sản xuất gỗ và trang trí nội thất, Dệt may (từ công đoạn sợi trở đi), Sản xuất bao bì, hàng thủ công mỹ nghệ, sản xuất máy móc phục vụ các ngành nông, lâm nghiệp, sản xuất vật liệu xây dựng, sản xuất thủy tinh, sản xuất sản phẩm & vật liệu có vai trò hỗ trợ trong việc sản xuất các thành phẩm chính tại KCN: gang tay, ép dầu điều, sản xuất nhựa...; tỷ lệ lấp đầy khoảng 40%.

+ Khu Công nghiệp Việt Kiều (Thanh Bình): Diện tích được duyệt là 104 ha (Hón Quán chiếm khoảng 47ha, phần diện tích còn lại thuộc địa giới thị xã Bình Long); ngành nghề kinh doanh: chế biến cao su từ nguyên liệu đã qua sơ chế, sản xuất nhựa, bao bì nhựa, chế biến gỗ và VLXD; sản xuất cơ khí, công nghiệp điện tử, may mặc, chế biến bánh kẹo, cà phê; tỷ lệ lấp đầy khoảng 30%.

+ Khu Công nghiệp Tân Khai II, thị trấn Tân Khai: Diện tích được duyệt là 160 ha; ngành nghề kinh doanh: chế biến nông sản, chế biến gỗ, sản xuất giấy, gang tay; hiện nay, UBND tỉnh đang cho triển khai hạ tầng đường vào KCN Tân Khai II, tiến độ khoảng 90%.

- Về phát triển cụm công nghiệp, huyện Hớn Quản được phê duyệt 03 CCN trong giai đoạn 2021 – 2030, với tổng diện tích là 220 ha, gồm: Tân Khai (Hưng Phú) 75 ha, Phước An 75 ha và An Phú (Đại Tân) 70 ha.

- Giá trị sản xuất công nghiệp – xây dựng (theo giá cố định 2010) năm 2023 đạt 1.297 tỷ đồng, tăng 21,23% so với năm 2022.

b) Phát triển thương mại – dịch vụ

Về thương mại, dịch vụ, trên địa bàn huyện có hơn 200 doanh nghiệp hoạt động, chủ yếu trong ngành nghề nông nghiệp, xây dựng, chế biến gỗ, sản xuất phân bón, thức ăn chăn nuôi, chế biến nông sản, bán buôn, đạt giá trị hàng ngàn tỷ đồng mỗi năm. Giá trị sản xuất thương mại – dịch vụ (theo giá cố định 2010) năm 2023 đạt 2.510 tỷ đồng, tăng 26,44% so với năm 2022.

c) Về phát triển nông – lâm nghiệp

Trong kinh tế nông nghiệp, huyện định hướng tăng cường ứng dụng khoa học - kỹ thuật, liên kết tập trung và ưu tiên phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Hiện nay, toàn huyện có 249 trang trại, 33 tổ hợp tác, 24 hợp tác xã, trong đó rất nhiều mô hình đã đầu tư theo hướng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ đem lại hiệu quả kinh tế và nâng cao giá trị nông sản.

Năm 2023, giá trị sản xuất ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản đạt 3.395 tỷ đồng, tăng 4,13% so với năm 2022. Cơ cấu ngành nông nghiệp chuyển dịch đúng hướng. Huyện Hớn Quản đã thực hiện tốt công tác hỗ trợ sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp góp phần quan trọng trong việc nâng cao giá trị nông sản xuất khẩu của tỉnh, cơ cấu cây trồng trong nội bộ ngành có sự chuyển dịch theo hướng tăng diện tích cây trồng có giá trị kinh tế cao.

- Về trồng trọt

Tổng diện tích cây lâu năm là 46.311 ha (giảm 619,1ha so với năm 2022); tổng diện tích cây ăn trái 1.241,6 ha (tăng 174 ha so với năm 2022); tổng diện tích lúa Thu Đông gieo xạ 768,0 ha, năng suất ước 4,5 tấn/ha, sản lượng đạt 3.456 tấn (đạt 100,08% so với kế hoạch giao và tăng 121 tấn so với năm 2022).

- Về chăn nuôi

Chăn nuôi theo hướng trang trại, công nghệ cao ngày càng phát triển, tổng số trang trại trên địa bàn huyện là 92, trong đó, 60 trang trại heo (37 trại kín, 23 hờ), 32 trang trại gà (26 trại kín, 6 trại hờ). Tình hình chăn nuôi phát triển ổn định so với cùng kỳ; dịch bệnh trên gia súc, gia cầm được kiểm soát tốt.

Đã khai 01 mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ sản xuất lúa 3 giảm, 3 tăng (Giảm: phân bón, thuốc trừ sâu, giống; tăng: năng

xuất, chất lượng, hiệu quả), quy mô 12 ha), xã Thanh An năng suất trung bình 5,2 tấn/ha (tăng 1,5 - 2 tấn/ ha so với các mùa vụ trước), xã Phước An đạt năng suất trung bình 4,5 tấn/ha (tăng 1-1,5 tấn/ ha so với các mùa vụ trước).

d) Thu chi ngân sách

Thu ngân sách nhà nước năm 2023 đạt 347,7 tỷ đồng, đạt 95,27% dự toán UBND tỉnh giao và đạt 88,94% dự toán HĐND huyện giao; chi ngân sách nhà nước thực hiện là 972,937 tỷ đồng, đạt 139,87% dự toán UBND tỉnh giao và đạt 95,46% dự toán HĐND huyện giao.

Tổng nguồn kinh phí đã huy động trong năm 2023 để thực hiện đầu tư, xây dựng kết cấu hạ tầng là 390,88 tỷ đồng. Trong đó, nguồn NSNN đã được huy động để đầu tư, xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội là 368,41 tỷ đồng; vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư là 19,97 tỷ đồng, được bố trí cho 08 công trình khởi công mới, trong đó: 03 công trình đang triển khai thực hiện và 05 công trình chuẩn bị triển khai thực hiện; đồng thời đã huy động được trong nhân dân khoảng 2,5 tỷ đồng để xây dựng trường học và công trình nông thôn mới.

đ) Về xây dựng nông thôn mới

Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tiếp tục được tập trung chỉ đạo thực hiện. Đã huy động được 118,829 tỷ đồng (Vốn Trung ương: 17,136 tỷ đồng; vốn tỉnh: 22,493 tỷ đồng; vốn huyện, xã: 18 tỷ đồng; vốn tín dụng: 50 tỷ đồng; vốn doanh nghiệp, Nhân dân: 11,2 tỷ đồng); hoàn thành 29,1 km đường BTXM theo cơ chế đặc thù. Đối với xã về đích NTM (Thanh An) đã triển khai đạt 19/19 tiêu chí, đang chuẩn bị hồ sơ đề nghị cấp tỉnh thẩm định, công nhận. Đối với xã về đích NTM nâng cao (Tân Hiệp) đã triển khai đạt 18/20 tiêu chí, 02 tiêu chí chưa đạt UBND huyện sẽ có văn bản cam kết thực hiện trong năm 2024. Đối với huyện về đích nông thôn mới tính đến năm 2023 đã triển khai đạt 05/09 tiêu chí, 04 tiêu chí chưa đạt đang tiếp tục thực hiện. Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), hiện nay trên địa bàn huyện có 05 sản phẩm đang trình Hội đồng huyện tổ chức đánh giá, phân hạng.

7.2. Hiện trạng phát triển văn hóa – xã hội

Cùng với phát triển kinh tế, lĩnh vực xã hội cũng được huyện quan tâm chú trọng. Hệ thống trường học không ngừng được đầu tư khang trang, đến nay 5/33 trường học trên địa bàn đạt chuẩn quốc gia. Mạng lưới y tế, cơ sở vật chất, trang thiết bị tiếp tục được đầu tư, đáp ứng tốt công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân trên địa bàn. Các chính sách an sinh xã hội được đảm bảo; hoạt động văn hóa - văn nghệ, thể dục thể thao thường xuyên được tổ chức, góp phần xây dựng đời sống tinh thần nhân dân ngày càng phong phú, lành mạnh.

a) Về giáo dục

Năm 2023, huyện đã tổ chức tổng kết năm học 2022-2023; tổ chức thi giáo viên giỏi cấp huyện lựa chọn tham gia hội thi giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh, tổ chức thi học sinh giỏi lớp 9 cấp huyện tuyển chọn đội tuyển tham gia thi cấp tỉnh; tổ

chức các phong trào VHVN, TĐTT cho giáo viên, học sinh trên địa bàn huyện tham gia. Tham gia thi hội khỏe Phù Đổng cấp tỉnh đạt giải III toàn đoàn. Tổ chức kiểm tra lại đối với học sinh chưa hoàn thành môn học hoạt động giáo dục trong năm học 2022-2023 và bàn giao học sinh cho năm học 2023-2024. Đã tập trung chỉ đạo, triển khai đẩy nhanh công tác đầu tư xây dựng cơ sở vật chất các trường học, bố trí nguồn vốn để sửa chữa, mua sắm trang thiết bị dạy học và các trường đạt chuẩn quốc gia. Công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia đạt 12 trường (đạt 100% chỉ tiêu so với nghị quyết).

b) Về y tế.

Công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân được quan tâm; thực hiện duy trì tốt chế độ trực cấp cứu theo quy định, chất lượng khám chữa bệnh được nâng lên tại tuyến huyện và tuyến xã, số bác sỹ/ vạn dân là 5,1 bác sỹ (đạt 116,4% chỉ tiêu Nghị quyết); số giường bệnh/vạn dân: 6,74 giường bệnh (đạt 86,4% Nghị quyết); tăng dân số cơ học để tăng mức tăng dân số hàng năm 0,65% (đạt chỉ tiêu Nghị quyết); tỷ lệ xã đạt chuẩn quốc gia về y tế đạt 100% (đạt chỉ tiêu Nghị quyết); tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi đạt 5,6% (chỉ tiêu Nghị quyết 8%); tỷ lệ trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng đạt 54,3% (chỉ tiêu Nghị quyết 85%); Giảm tỷ suất sinh đạt 0,16‰ (đạt 106,7% chỉ tiêu Nghị quyết). Công tác kiểm tra, quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm được quan tâm thực hiện đã tổ chức kiểm tra về an toàn vệ sinh thực phẩm tại 29 cơ sở, đạt: 26 cơ sở, tỷ lệ đạt 89%.

c) Về văn hóa, thông tin, thể dục thể thao.

Tổ chức và thực hiện tốt công tác tuyên truyền cổ động trực quan, nhân kỷ niệm các ngày lễ lớn. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” tiếp tục nâng cao về chất lượng và số lượng; Cuộc vận động “Người Bình Phước nói lời hay làm việc tốt” đã được triển khai đến mọi tầng lớp nhân dân, cán bộ công chức, lực lượng vũ trang nhân dân trong toàn huyện. Các hoạt động văn nghệ quần chúng, các chương trình nghệ thuật biểu diễn được tổ chức chu đáo, phục vụ nhiệm vụ chính trị tại địa phương, đáp ứng nhu cầu thụ hưởng của người dân trên địa bàn huyện.

Về hoạt động thể dục - thể thao: Tham gia giải vô địch Quốc gia Việt dã leo núi “Chinh phục đỉnh cao Bà Rá” lần thứ 28 năm 2023. Tham gia giải Cờ tướng, cờ vua tỉnh Bình Phước năm 2023 (Cờ vua: 01 HCB, 07 HCB; cờ tướng: 01 HCB). Tổ chức ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân và tham gia Giải Việt dã truyền thống tỉnh Bình Phước năm 2023; Tham gia giải Taekwondo tỉnh Bình Phước năm 2023.

Về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số: Đã bổ sung 16 cụm loa thông minh về các xã, thị trấn; tổ chức tập huấn triển khai, thúc đẩy chuyển đổi số, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông XD NTM năm 2023. Thực hiện tốt kế hoạch chuyển đổi số năm 2023; kiện toàn Ban biên tập, tổ thư ký, quy chế hoạt động, chế độ chi trả nhuận bút thù lao trang thông tin điện tử.

d) Về lao động việc làm và chính sách xã hội

- Chính sách cho người có công, công tác bảo trợ xã hội

Các chế độ chính sách ưu đãi người có công, trợ cấp Bảo trợ xã hội, an sinh xã hội được đảm bảo thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng đối tượng, đúng quy định; Các hoạt động “đền ơn đáp nghĩa”, trợ giúp xã hội được tổ chức thiết thực, sâu rộng với ý nghĩa nhân văn sâu sắc.

- Công tác giảm nghèo, an sinh xã hội

Đã tổ chức triển khai thực hiện lồng ghép chương trình MTQG giảm nghèo bền vững vào chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và Chương trình giảm 1.000 hộ nghèo DTTS của tỉnh; đồng thời đẩy mạnh công tác tuyên truyền phối hợp với UBMTTQ VN huyện, các tổ chức, cá nhân thực hiện vận động, huy động nguồn lực hỗ trợ và tham mưu phân bổ nguồn kinh phí từ “Quỹ vì người nghèo” của huyện, đảm bảo hỗ trợ đúng nhu cầu, điều kiện, hoàn cảnh, khả năng của từng hộ, nhằm phát huy tối đa hiệu quả nguồn vốn, kết quả trong năm 2023 đã giảm 234 hộ nghèo (chỉ tiêu Nghị quyết giảm 218 hộ nghèo) đạt 107,8% chỉ tiêu Nghị quyết giao. Cuối năm 2023 trên địa bàn huyện còn 125 hộ nghèo/26.931 hộ, chiếm tỷ lệ 0,46% trên tổng số hộ.

- Công tác BHXH, BHYT được quan tâm chỉ đạo thường xuyên, chú trọng công tác tuyên truyền, phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm được quan tâm. Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 93% (đạt 100% chỉ tiêu Nghị quyết); có 38% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội (đạt 100% chỉ tiêu Nghị quyết).

- Công tác lao động, việc làm và đào tạo nghề, thường xuyên thông tin, thông báo tuyển dụng, thực hiện đa dạng hóa hình thức tư vấn, giới thiệu việc làm; Tổ chức các phiên giao dịch việc làm để kết nối thông tin cung - cầu giữa người lao động với các đơn vị, doanh nghiệp sử dụng lao động. Kết quả trong năm 2023 giải quyết việc làm cho 3.620/3.600 lao động (đạt 100,5% chỉ tiêu Nghị quyết); đào tạo nghề 1.103/1.100 lao động (đạt 100,2% so với chỉ tiêu nghị quyết).

8. Quốc phòng - An ninh

Các Đề án, chương trình, kế hoạch thuộc lĩnh vực quốc phòng được quan tâm triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời. Đã tổ chức thành công “Lễ giao nhận quân” đúng quy định, đồng thời giao, nhận quân đạt 100% chỉ tiêu, kết quả giao quân 164 đ/c (Quân sự 130, Công an 34) bảo đảm trang trọng, an toàn tiết kiệm. Tổ chức huấn luyện các nội dung cho các đối tượng theo kế hoạch huấn luyện được Bộ CHQS tỉnh phê duyệt. Tổ chức diễn tập chiến đấu trong khu vực phòng thủ năm 2023 cho xã An Phú, Tân Lợi, An Khương, Phước An. Tổ chức phúc tra, sắp xếp nguồn dân quân vào các đơn vị DQTV năm 2023; tổ chức đăng ký công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ tham gia DQTV năm 2023. Nhân dịp Tết Nguyên đán Tổ chức thăm, chúc tết các cơ quan, đơn vị; các tổ chức tôn giáo; các gia đình cách mạng, đảng viên cao tuổi; chiến sĩ DBĐV, DQTT có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, gia đình chiến sĩ đang tại ngũ trong các cơ quan, đơn vị với tổng số tiền 118 triệu đồng; phục vụ Ban VBQCLN tỉnh tổ chức “Tốt Quân - Dân” đạt kết quả tốt. Tiếp tục quản lý chặt chẽ đất quốc phòng trên sân bay tecnich, thao

trường Núi Gió không để bị lấn chiếm và mốc không chế pháo binh, không chế quân dụng đúng theo quy định.

Tình hình an ninh chính trị trên địa bàn tiếp tục được giữ vững ổn định. Công tác đảm bảo trật tự an toàn xã hội được triển khai và thực hiện có hiệu quả trên các mặt, lĩnh vực có liên quan. Quyết liệt chỉ đạo các cơ quan, ban ngành thực hiện cao điểm tấn công trấn áp tội phạm, tệ nạn xã hội giữ gìn ANTT trước trong và sau tết nguyên đán Quý Mão 2023. Lực lượng chức năng thường xuyên tổ chức các hoạt động tuần tra kiểm soát, tuần tra vũ trang để đảm bảo ANTT trên địa bàn. Trong năm 2023, tình hình tai nạn giao thông có chiều hướng gia tăng phức tạp, theo đó trên tuyến huyện quản lý xảy ra 15 vụ TNGT nghiêm trọng, làm chết 14 người, bị thương 13 người, hư hỏng 20 phương tiện giao thông các loại (tăng 01 vụ, 01 người chết, 04 người bị thương so với cùng kỳ năm 2022; vượt cả 03 tiêu chí so với chỉ tiêu được giao cả năm 2023).

9. Tổ chức hệ thống chính trị huyện Hớn Quản

Huyện Hớn Quản có 13 xã, thị trấn; có 102 thôn, tổ dân phố. Đảng bộ huyện có 42 tổ chức cơ sở đảng, tổng số 2.686 đảng viên.

9.1. Về tổ chức bộ máy

a) Khối Đảng, đoàn thể

- Ban Chấp hành Đảng bộ có 37/41 người.

- Ban Thường vụ có 13 người, gồm: Đồng chí Bí thư - Chủ tịch HĐND huyện; 02 Phó Bí thư (01 Phó Bí thư Thường trực, 01 Phó Bí thư - Chủ tịch UBND); 01 Phó Chủ tịch HĐND; 02 Phó Chủ tịch UBND; 01 Trưởng Công an huyện, 01 Chỉ Huy trưởng Quân sự huyện; Thủ trưởng các cơ quan, gồm: Trưởng Ban Tổ chức, Ủy Ban Kiểm tra, Trưởng Ban Tuyên giáo, Trưởng Ban Dân vận, Chủ tịch Ủy ban MTTQ - Trưởng khối MTTQ và các đoàn thể xã hội huyện.

- Cơ quan khối Đảng: Văn phòng Huyện ủy, Ban Tổ chức, Ủy ban Kiểm tra, Ban Dân vận, Ban Tuyên giáo, Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện.

- MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội, gồm: Ủy ban Mặt trận tổ quốc, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Hội nông dân, Liên đoàn lao động, Huyện đoàn. Cơ quan giúp việc được tổ chức theo mô hình cơ quan giúp việc chung.

- Hội chữ thập đỏ (tổ chức xã hội có sử dụng biên chế viên chức của khối chính quyền).

b) Khối chính quyền

- HĐND huyện nhiệm kỳ 2021 - 2026 có 31 đại biểu; cơ cấu Hội đồng nhân dân, gồm: Bí thư Huyện ủy là Chủ tịch HĐND huyện, 01 Phó Chủ tịch HĐND và

02 Ban của HĐND (Ban Pháp chế có 01 Phó Ban chuyên trách và Ban Kinh tế - xã hội có 01 Phó Ban chuyên trách).

- Ủy ban nhân dân có 14/17 thành viên UBND, gồm: Chủ tịch UBND, 02- Phó Chủ tịch UBND và 11 thành viên khác là thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, Trưởng Công an huyện, Chỉ huy trưởng Quân sự.

- Cơ quan thuộc UBND huyện: 11 cơ quan gồm: Văn phòng HĐND-UBND, Phòng Giáo dục - Đào tạo, Phòng Nội vụ, Thanh tra, Phòng Lao động Thương binh và Xã hội, Phòng Văn hóa - Thông tin, Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Kinh tế hạ tầng, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tư pháp, Phòng Nông nghiệp.

- Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND huyện, gồm:

+ Sự nghiệp giáo dục: có 34 trường học công lập trực thuộc.

+ Sự nghiệp y tế: có 13 trạm y tế.

+ Sự nghiệp khác: 8 đơn vị gồm: Trung tâm Y tế, Đài Truyền thanh - Truyền hình, Trung tâm Văn hóa - Thể thao, Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng, Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp, Trung tâm phát triển Quỹ đất, Trung tâm GDNN-GDTX và Kho Lưu trữ.

1.2. Cán bộ, công chức, viên chức

a) Khối Đảng, đoàn thể:

- Biên chế được giao: 55 biên chế.

- Biên chế có mặt: 47/55 biên chế.

b) Khối chính quyền:

- Biên chế được giao, gồm: Công chức là 74 người; hợp đồng chuyên môn nghiệp vụ là 119 người, hợp đồng hỗ trợ phục vụ là 176 người; viên chức là 1328 người; cán bộ, công chức cấp xã là 299 người.

- Có mặt 67/74, gồm: Công chức là 6/67 người có trình độ đại học và trên đại học, đạt tỷ lệ 9%, 60/67 người có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên, đạt tỷ lệ 89,6%; hợp đồng chuyên môn nghiệp vụ là 38/119 người, hợp đồng hỗ trợ phục vụ là 176/176 người; viên chức là 1317/1328 người; cán bộ, công chức cấp xã là 250/299 người.

- Các cơ quan ngành dọc trên địa bàn, gắn với địa giới hành chính hiện tại có Ban Chỉ huy quân sự, Công an, Viện kiểm sát, Tòa án, Chi cục Thi hành án dân sự, Kho bạc nhà nước,...

9.3. Cấp xã liên quan đến điều chỉnh địa giới ĐVHC

a) Tổng số cán bộ, công chức 03 xã dự kiến chuyển về thị xã Chơn Thành là 58 người, gồm: cán bộ là 29 người, công chức 29 người. Trong đó:

- Trình độ chuyên môn đại học là 55 người, chiếm 94,83%; cao đẳng là 1 người, chiếm 1,72%; trung cấp là 2 người, chiếm 3,45%.

- Lý luận chính trị cao cấp là 6 người, chiếm 10,3%; trung cấp là 43 người, chiếm 74,14%; sơ cấp là 8 người, chiếm 13,8%.

b) Tổng số đại biểu HĐND cấp xã là 70 người. Trong đó:

- Trình độ chuyên môn thạc sỹ là 01 người, chiếm 1,43%; đại học là 37 người, chiếm 52,86%; trung cấp là 12 người, chiếm 17,14%.

- Lý luận chính trị cao cấp là 3 người, chiếm 4,29%; trung cấp là 37 người, chiếm 52,86%; sơ cấp là 9 người, chiếm 12,86%.

c) Người hoạt động không chuyên trách ở 23 thôn là 53 người.

II. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN XÃ ĐỒNG NƠ

1. Lịch sử hình thành

Đồng Nơ trước đây chưa có tên gọi, mà chỉ là một phần đất của Sóc Lâm Trang. Trước kia đồng bào dân tộc S'tiêng gọi nơi đây là “Tranh” – Tức là cánh đồng rộng lớn, là nơi đồng bào chăn thả gia súc ở khu vực này. Sau này khi người Kinh đến đây lập nghiệp ngày càng nhiều, họ không gọi là “Tranh” mà gọi lệch đi theo nghĩa của từ “tranh” là “Đồng” và địa danh Đồng Nơ bắt đầu ra đời từ đó.

Trước năm 1975, Đồng Nơ vẫn được bao trùm bởi màu xanh bạt ngàn của rừng rậm, trải dài trên một diện tích rộng lớn với nhiều loại cây gỗ lâu năm quý hiếm như trắc, giáng hương, gỗ, cẩm lai... cùng nhiều loại thú hoang dã như bò rừng, nai, heo rừng, voi, mễn ... Cư dân sinh sống ở đây trong thời kỳ kháng chiến chưa được nhiều, chỉ vài nóc nhà tranh đơn sơ, tập trung trong một sóc nhỏ của đồng bào S'tiêng.

Năm 1955, chính quyền Ngô Đình Diệm cho thành lập xã Minh Đức để tiện trong việc quản lý hành chính và kiểm soát, xiết chặt các phong trào cách mạng ở khu vực quận An Lộc. Theo đó, Đồng Nơ là một sóc đồng bào dân tộc thiểu số thuộc xã Minh Đức, quận An Lộc, tỉnh Bình Long. Sóc Đồng Nơ nằm ven lộ đò (còn gọi là đường đất đỏ Minh Thạnh)

Tháng 10-1961, để thuận lợi cho công tác chỉ đạo phong trào cách mạng trong điều kiện mới có nhiều thay đổi, đồng thời để địa bàn hoạt động của ta tương ứng với sự phân chia hành chính của chính quyền Ngô Đình Diệm, Trung ương Cục miền Nam quyết định thành lập tỉnh Bình Long. Tỉnh Bình Long gồm có 3 quận (mang mật danh C) để giữ bí mật, đó là C45 (quận Chơn Thành), C55 (quận Hớn Quản), C65 (quận Lộc Ninh). Lúc này, Đồng Nơ vẫn là đơn vị ấp của xã Minh Đức, quận Hớn Quản (C55).

Sau khi miền Nam hoàn toàn giải phóng, trước yêu cầu của tình hình mới, năm 1976, Chính phủ quyết định thành lập xã Đồng Nơ trên cơ sở lấy toàn bộ

diện tích tự nhiên, dân số của sóc Đồng Nơ và chia tách một phần diện tích đất, dân số thuộc các xã Minh Đức, Tân Khai để thành lập xã Đồng Nơ. Thời gian này, thực hiện chủ trương phân bổ lại dân cư trong cả nước, một bộ phận dân cư ở một số tỉnh phía Bắc, miền Trung và thành phố Hồ Chí Minh của nước ta đến Đồng Nơ để xây dựng vùng kinh tế mới.

Trong giai đoạn từ năm 1984 – 1989, một bộ phận nhân dân từ khắp các nơi trong cả nước đến vùng Đồng Nơ làm ăn sinh sống, lập nghiệp. Số người đến đây vào hai đợt chủ yếu là nhân dân từ thành phố Hồ Chí Minh. Bắt đầu từ năm 1984, những người đến Đồng Nơ làm kinh tế, lập nghiệp chủ yếu là nhân dân từ các tỉnh phía Bắc, miền Trung như Nghệ An, Thanh Hóa... và một số tỉnh thuộc đồng bằng sông Cửu Long như Bến Tre, Hậu Giang, Cà Mau, v.v...

Để tạo điều kiện thuận lợi hơn cho địa phương phát triển về kinh tế - xã hội và phù hợp với tình hình mới, ngày 16-5-2005, Chính phủ ban hành Nghị định số 60/2005/NĐ-CP về việc thành lập một số xã, thị trấn thuộc địa bàn tỉnh Bình Phước; theo đó, đến ngày 1-7-2005, xã Đồng Nơ chính thức được chia tách để thành lập xã mới Tân Hiệp. Sau khi được chia tách, xã Đồng Nơ chỉ còn 4.686 ha diện tích đất tự nhiên, với 4.520 nhân khẩu.

Như vậy, từ một vùng đất hoang sơ với diện tích rừng rậm là chủ yếu, theo thời gian, Đồng Nơ ngày càng phát triển và chính thức có tên trên bản đồ hành chính cấp xã của huyện Bình Long từ năm 1976. Kể từ khi được thành lập, dưới sự chỉ đạo sâu sát của Đảng bộ, chính quyền xã Đồng Nơ, sự đồng thuận của nhân dân trong xã cùng với những điều kiện thuận lợi về đất đai, khí hậu, thiên nhiên ưu đãi và con người cần cù, chịu khó trong lao động, sản xuất, bộ mặt nông thôn xã Đồng Nơ ngày càng phát triển, đời sống vật chất, văn hóa tinh thần của nhân dân ngày càng được cải thiện, nâng cao.

2. Vị trí địa lý, địa giới hành chính

a) Vị trí địa lý

Là một xã trung du nằm trên tuyến đường quan trọng như đường ĐT 756B (đường tỉnh), đường ĐT752B (Minh Hưng - Đồng Nơ) đi qua khu công nghiệp Minh Hưng Sikiô; trong lưu vực sông Sài Gòn, Dầu Tiếng, đồng thời trên địa bàn xã có nhiều sông, suối chảy qua như sông Xa Cát, suối Chà Lon, suối lấp, suối Lạnh, suối Bưng xom,... thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội. Trung tâm xã nằm cách thị trấn Tân Khai khoảng 7 km về hướng Đông nam, cách thành phố Hồ Chí Minh khoảng 80 km về hướng Nam.

b) Địa giới hành chính

- Đông giáp thị trấn Tân Khai;
- Tây giáp xã Tân Hiệp
- Nam giáp huyện Chơn Thành và tỉnh Bình Dương.
- Bắc giáp xã Minh Đức.

3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu hiện trạng sử dụng đất

Xã Đồng Nơ có 47,13 km² (bằng 4.713,39 ha). Trong đó:

- a) Đất nông nghiệp là 38,99 km²
- b) Đất phi nông nghiệp là 8,14 km²
- c) Đất chưa sử dụng là 0 km².

4. Dân số, lao động và thành phần dân cư

a) Dân số

Dân số của xã Đồng Nơ tính đến ngày 31/12/2023 là 7.285 người; trong đó, dân số thường trú là 7.105 người, tạm trú là 180 người.

b) Lao động

c) Thành phần dân cư

Là một xã kinh tế mới, Đồng Nơ là nơi hội tụ của nhiều dân tộc anh em đến đây sinh cơ lập nghiệp. Hiện nay, Đồng Nơ có 12 dân tộc anh em chung sống, trong đó dân tộc Kinh, S'tiêng, Tày, Chăm,... chiếm đa số.

5. Thôn, tổ dân phố

Xã Đồng Nơ có 06 ấp, gồm ấp 1, 2, 3, 4, 5 và ấp Đồng Tân; trung tâm xã đặt tại ấp 2.

6. Hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội

6.1. Tình hình phát triển kinh tế

a) Phát triển công nghiệp, thương mại - dịch vụ

- Công nghiệp: Trên địa bàn xã có 01 khu công nghiệp (Sikico) với tổng cộng diện tích 650 ha, hiện có 13 công ty đã đăng ký hoạt động, giải quyết việc làm cho nhân dân ở địa phương và các đơn vị lân cận.

- Thương mại và dịch vụ: Xã có 01 điểm chợ với 30 tiểu thương buôn bán, trên địa bàn xã có 26 tiệm tạp hóa nhỏ, 19 tiệm thu mua mủ,... Công tác đảm bảo an toàn thực phẩm, giá cả xuất xứ hàng hoá tại các tiệm tạp hoá, các cơ sở buôn bán trên địa bàn ổn định; xã thường xuyên nhắc nhở các tiểu thương tại chợ buôn bán đảm bảo vệ sinh môi trường và giữ gìn vệ sinh chung tại khu vực buôn bán, câu mắc điện sử dụng đảm bảo an toàn. Thường xuyên tổ chức tuần tra nhắc nhở xử lý vấn đề giao thông, lòng lề đường đảm bảo thông thoáng, an toàn cho nhân dân đi lại.

b) Sản xuất nông nghiệp

- Trồng trọt: Tình hình trồng trọt, sản xuất nông nghiệp tương đối ổn định; nhân dân trên địa bàn xã canh tác chủ yếu cây công nghiệp lâu năm như cây cao su chiếm 1.998 ha, cây điều 307 ha và 234 ha trồng cây hoa màu, cây ăn trái. So với cùng kỳ năm 2022, diện tích trồng điều giảm 15ha, diện tích cao su tăng 15ha.

- Chăn nuôi: Trên địa bàn xã có 19 hộ nuôi yếm, 02 trang trại gia súc với khoảng 3.500 con và hộ chăn nuôi nhỏ lẻ khoảng 1.000 con; 02 trang trại gà nuôi

lạnh khoảng 68.000 con; có 14 hộ gia đình chăn nuôi gia trại gia cầm với khoảng 30.000 con.

Nhìn chung tình hình sản xuất nông nghiệp trên địa bàn xã phát triển ổn định, xã Đồng Nơ tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền phòng chống dịch bệnh, tiêm phòng vacxin, tiêu độc, khử trùng cho các trang trại và hộ chăn nuôi gia súc, gia cầm, theo dõi bám sát tình hình nhằm phòng chống và kiểm soát tốt dịch bệnh.

c) Thu, chi ngân sách xã

- Thu ngân sách năm 2023 đạt 13,2 tỷ đồng, đạt 99,02 % so với dự toán thông qua HĐND xã.

- Chi ngân sách năm 2023 là 11,6 tỷ đồng, đạt 87,62% so với dự toán thông qua HĐND xã, trong đó chi đầu tư phát triển 2,96 tỷ đồng.

d) Triển khai thực hiện xây dựng nông thôn mới

Tiếp tục triển khai kế hoạch về đích NTM nâng cao và khu dân cư kiểu mẫu. Trong đó có 20 tiêu chí nâng cao và 10 tiêu chí KDC kiểu mẫu. Kết quả đã được UBND tỉnh công nhận xã Đồng Nơ đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2022, hoàn thành 20/20 tiêu chí tại quyết định số 1844/QĐ- UBND ngày 15/11/2023.

6.2. Về văn hóa – xã hội

a) Về giáo dục - đào tạo

Công tác giáo dục - đào tạo tiếp tục nhận được sự quan tâm và nhận được sự chỉ đạo sâu sát của các cấp, ngành. Toàn xã hiện có 03 trường học, trong đó 1 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1; trong năm xã tiếp tục duy trì đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 3; đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục Tiểu học mức độ 3 và Trung học cơ sở mức độ 2, tiến tới nâng cao kết quả công tác phổ cập giáo dục mức độ 3.

Các trường hoàn thành chương trình năm học 2022-2023 đúng thời gian quy định; tỷ lệ huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100%, 5 tuổi vào lớp Lá đạt 100%. Trường mầm non Đồng Nơ với 18 phòng học và 04 phòng chức năng tiếp tục được hoàn thiện trong năm 2023.

b) Về y tế, dân số, kế hoạch hóa gia đình

Công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân và phòng, chống dịch bệnh, vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn được thực hiện tốt. Năm 2023, trạm y tế xã đã tiếp nhận khám chữa bệnh cho 6.293 trường hợp; thực hiện khám sàng lọc bệnh Lao được 326 đối tượng; công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em và phòng chống suy dinh dưỡng cho trẻ em được triển khai thực hiện tốt. Triển khai công tác phòng chống dịch sốt xuất huyết, tay chân miệng, cúm, dịch đau mắt đỏ. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 95%, đạt 100% so với chỉ tiêu nghị quyết; tổng số trẻ dưới 5 tuổi là 546 trẻ, trong đó tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng chiếm 5,49%.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình trên địa bàn xã. Tổng số 86 trẻ sinh ra, 08 trường hợp sinh con thứ 3.

c) Văn hóa thông tin, thể dục thể thao

Thực hiện tốt công tác tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước. Tập trung tuyên truyền các nội dung pháp luật về an toàn giao thông, vệ sinh an toàn thực phẩm; phòng chống buôn bán vận chuyển, tàng trữ, sử dụng pháo trái phép; tuyên truyền; cài đặt tài khoản định danh điện tử,... Tiếp âm chương trình tiếng nói Việt Nam trên hệ thống loa truyền thanh xã được 901 giờ, đài tỉnh 90 giờ, đài huyện 40 giờ, chương trình địa phương được 05 giờ.

Tổ chức lễ phát động cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” và chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân năm 2023 với 120 người tham gia; tham gia văn nghệ quần chúng huyện Hớn Quản; tổ chức hoạt động hè và tết thiếu nhi năm 2023. Tổ chức bình xét danh hiệu gia đình văn hóa, khu dân cư văn hóa, kết quả 6/6 khu dân cư đạt danh hiệu văn hóa năm 2023; có 1.533 hộ/1.567 hộ đăng kí đạt danh hiệu “gia đình văn hóa” đạt tỷ lệ 97,8%.

d) Về chính sách xã hội

Hiện tại trên địa bàn xã không còn hộ nghèo, có 04 hộ cận nghèo. Công tác giảm nghèo, an sinh xã hội tiếp tục được thực hiện tốt. Công tác an sinh xã hội, chăm lo tết cho hộ cận nghèo, hộ khó khăn được quan tâm thường xuyên. Năm 2023, xã đã vận động hỗ trợ 295 phần quà và tiền mặt trị giá 154 triệu đồng cho hộ cận nghèo, hộ khó khăn, các đối tượng bảo trợ xã hội, người lao động không về quê ăn tết; hỗ trợ mua thẻ BHYT cho 09 hộ thoát cận nghèo; xây dựng 01 căn nhà tình thương cho hộ khó khăn về nhà ở trị giá 90 triệu đồng. Tặng 10 phần quà trị giá 6 triệu đồng cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt nhân dịp tết thiếu nhi và trung thu; tiếp nhận và giải quyết 34 hồ sơ BTXH; giải quyết việc làm 270 lao động.

6.3. Về quốc phòng, an ninh

a) Quân sự, quốc phòng

Duy trì giữ vững ổn định tình hình ANCT-TTATXH trên địa bàn xã; duy trì nghiêm chế độ trực chỉ huy, trực sẵn sàng chiến đấu, trực phòng không, đảm bảo quân số. Thực hiện giao quân 12/12 thanh niên, đạt 100% chỉ tiêu trên giao (trong đó có 01 thanh niên nghĩa vụ Công an); đón nhận 10 quân nhân xuất ngũ hoàn thành nghĩa vụ trở về địa phương; đăng ký nghĩa vụ quân sự cho thanh niên tuổi 17 sẵn sàng nhập ngũ năm 2024 với số lượng được 50/50 thanh niên đạt 100%; khám sơ tuyển cho nam thanh niên nhập ngũ năm 2024 với tổng nguồn 119 thanh niên.

b) An ninh, trật tự an toàn xã hội

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn luôn giữ vững ổn định. Năm 2023, số vụ vi phạm pháp luật về TTXH là 13 vụ, tăng 04 vụ so với năm 2022, chuyển cơ quan điều tra công an huyện 10 vụ, 15 đối tượng có liên quan.

7. Đội ngũ cán bộ, công chức

a) Tổng số cán bộ, công chức của xã là 18 người; gồm 08 cán bộ và 10 công chức. Trong đó:

- Trình độ chuyên môn đại học là 18 người, chiếm 100%.
- Lý luận chính trị cao cấp 3 người, chiếm 16,67%; trung cấp 10 người, chiếm 55,56%; cơ cấp 5 người, chiếm 27,78%.

b) Hội đồng nhân dân xã có 21 người. Trong đó:

- Trình độ chuyên môn thạc sỹ 1 người, chiếm 4,76%; đại học là 10 người, chiếm 47,62%; trung cấp 4 người, chiếm 19,05%.

- Lý luận chính trị cao cấp 01 người, chiếm 4,76%; trung cấp 7 người, chiếm 33,33%.

c) Tổng số người hoạt động không chuyên trách tại 6 thôn là 16 người.

III. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN XÃ TÂN HIỆP

1. Lịch sử hình thành

Trước đây vùng đất Tân Hiệp vẫn được bao trùm bởi màu xanh bạt ngàn của rừng. Cư dân sinh sống ở đây trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp so với thời kỳ chống Mỹ chưa phát triển nhiều, chỉ là một sóc nhỏ của đồng bào người Tà mun; trước kia là ấp 01, tổ Bàu Lùng, tổ Lái Min, sóc Sa Chát, thuộc xã Minh Hòa - Chơn Thành - Sông Bé và hiện nay là ấp Sóc 5, ấp Bàu Lùng, ấp 9, ấp 6 thuộc xã Tân Hiệp - Hớn Quản - Bình Phước.

Năm 1955, chính quyền Ngô Đình Diệm quyết định thành lập xã Minh Đức để tiện cho việc quản lý hành chính và kiểm soát phong trào cách mạng ở An Lộc. Theo đó, ngoài ấp 1, tổ Bàu Lùng, tổ Lái Minh, sóc Sa Chát, thì phần còn lại của Tân Hiệp, chủ yếu là rừng thuộc địa phận xã Minh Đức. Tân Hiệp nằm ven lộ đò (còn gọi là đường đất đỏ ĐH 245) đi về xã Minh Hòa (Bình Dương) ngày nay.

Tháng 10 năm 1956, chính quyền Ngô Đình Diệm chia tách một số vùng phía Bắc của hai tỉnh Thủ Dầu Một và Biên Hòa để thành lập hai tỉnh mới là Bình Long và Phước Long. Theo Nghị Định số 04 ngày 3 tháng 01 năm 1957 của Tổng thống Việt Nam cộng hòa, tỉnh Bình Long bao gồm hai quận An Lộc và Lộc Ninh. Ấp 1, tổ Bàu Lùng, tổ Lái Minh nằm trong địa phận xã Minh Hòa, quận Chơn Thành, tỉnh Sông Bé.

Tháng 10 năm 1961, để thuận lợi cho công tác chỉ đạo cách mạng trong điều kiện mới có nhiều thay đổi, đồng thời, để địa bàn hoạt động của ta tương ứng với sự phân chia hành chính của chính quyền Sài Gòn, Trung ương Cục miền Nam quyết định thành lập tỉnh Bình Long. Tỉnh Bình Long mới gồm 3 có quận mang mật danh C để giữ bí mật, đó là C45 (Chơn Thành), C55 (Hớn Quản), C65 (Lộc Ninh). Lúc này một phần Tân Hiệp là bộ phận của xã Minh Đức thuộc C55 (Hớn Quản) và một phần thuộc xã Minh Hòa, C45 (Chơn Thành), Tỉnh Bình Long.

Sau ngày đất nước thống nhất, ấp Sóc 5 và ấp Bàu Lùng, ấp 9, ấp 6 của Tân Hiệp thuộc xã Minh Hòa, Huyện Bình Long, tỉnh Sông Bé (cũ), đặt dưới sự lãnh đạo của Chi bộ Minh Hòa, phần còn lại của vùng đất Tân Hiệp trong thời gian này thuộc xã Đồng Nơ, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ thuộc xã Đồng Nơ, huyện bình Long, tỉnh Sông Bé.

Ngày 06 tháng 11 năm 1996, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành nghị quyết về việc chia và điều chỉnh địa giới hành chính một số tỉnh, theo đó tỉnh Sông Bé được chia tách thành hai tỉnh Bình Dương và Bình Phước.

Đến ngày 01 tháng 01 năm 1997, tỉnh Bình Phước chính thức đi vào hoạt động. Lúc này toàn bộ vùng đất Tân Hiệp thuộc xã Đồng Nơ, huyện Bình Long, tỉnh Bình Phước.

Ngày 16 tháng 5 năm 2005, Chính phủ ban hành Nghị định số 60/2005/NĐ-CP về việc thành lập xã, thị trấn thuộc huyện Chơn Thành, Bình Long, Bù Đăng và Bù Đốp, tỉnh Bình Phước. Theo Nghị định này, xã Tân Hiệp được thành lập, thuộc huyện Bình Long.

2. Vị trí địa lý, địa giới hành chính

a) Vị trí địa lý

Là một xã trung du nằm ở phía tây nam huyện Hớn Quản, giáp Hồ Dầu Tiếng là hồ nhân tạo lớn nhất nước Việt Nam và Đông Nam Á. Hệ thống giao thông chính của xã là đường bộ, quan trọng nhất là tuyến đường liên huyện ĐH 245 và hệ thống đường liên xã, liên ấp, sóc được nối thông suốt tạo thành mạng lưới giao thông thuận tiện cho việc trao đổi kinh tế- văn hóa trong nhân dân.

b) Địa giới hành chính

- Đông giáp xã Đồng Nơ;
- Tây giáp tỉnh Tây Ninh;
- Nam giáp tỉnh Bình Dương;
- Bắc giáp xã Minh Đức.

3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu hiện trạng sử dụng đất

Xã Tân Hiệp có 71,93 km² (bằng 7.192,92 ha). Trong đó:

- a) Đất nông nghiệp là 64,26 km²
- b) Đất phi nông nghiệp là 7,67 km²
- c) Đất chưa sử dụng là 0 km².

4. Dân số, lao động và thành phần dân cư

a) Dân số

Dân số của xã Tân Hiệp tính đến ngày 31/12/2023 là 9.950 người; trong đó, dân số thường trú là 9.637 người, tạm trú là 313 người.

b) Lao động

c) Thành phần dân cư

Với đặc thù là vùng đất định cư của nhân dân đến từ vùng miền trong cả nước, nên Tân Hiệp là xã có nhiều dân tộc cùng sinh sống. Ngoài người Kinh, còn có người Tà Mun, dân tộc Khơ me, Hoa, Tày, Nùng, Mường, Chăm, Xtiêng, Ấn Độ cùng sinh sống, trong đó người Kinh chiếm đa số.

5. Thôn, tổ dân phố

Xã Tân Hiệp có 8 ấp, sóc, gồm: Ấp 6, ấp 7, ấp 8, ấp 9, ấp 10, ấp Bàu Lùng, sóc 5, ấp Tân Lập, trung tâm xã đặt tại ấp 7.

6. Hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội

6.1. Hình hình phát triển kinh tế

a) Hoạt động thương mại – dịch vụ và xây dựng

- Tình hình buôn bán diễn ra bình thường, đa dạng về các mặt hàng phục vụ cho sinh hoạt thiết yếu của nhân dân, cũng như các mặt hàng phục vụ nhu cầu hàng ngày của người dân. Xã luôn chú trọng đến các mặt hàng thiết yếu, như lương thực, thực phẩm không để xảy ra tình trạng thiếu hàng, đầu cơ, gây sốt giá, nâng giá tùy tiện gây ảnh hưởng tiêu cực đến đời sống của nhân dân; vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường được đảm bảo.

- Năm 2023, xã đã triển khai làm 7,94 km đường bê tông xi măng theo cơ chế đặc thù; trong đó, hoàn thiện và đưa vào sử dụng 1,72 km tại ấp 6 và ấp 10; hoàn thiện công trình trường Mầm non Tân Hiệp.

b) Sản xuất nông nghiệp

Người dân trong xã chủ yếu khai thác mủ cao su, điều và một số loại cây ăn trái khác như bưởi, sầu riêng, nhãn, cam, quýt,... Tình hình chăn nuôi có chiều hướng tăng, các trại chăn nuôi có chiều hướng tái đàn do giá cả sự tăng giá trở lại.

c) Xây dựng nông thôn mới

Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới nâng cao trên địa bàn xã có nhiều chuyển biến tích cực, qua rà soát, hiện nay về cơ bản xã đạt 20/20 tiêu chí nông thôn mới nâng cao.

d) Về công tác thu, chi tài chính

Thu ngân sách trên địa bàn đạt 11,25 tỷ đồng, đạt 100% dự toán ngân sách huyện giao, trong đó thu địa phương được hưởng là 505 triệu đồng; chi ngân sách thực hiện là 11,25 tỷ đồng, đạt 100% dự toán huyện giao.

6.2. Về văn hóa - xã hội

a) Về công tác thông tin, thể dục thể thao

Xã đã kịp thời thông tin đầy đủ công tác tuyên truyền các hoạt động mừng Đảng, mừng Xuân gắn với thực hiện nếp sống văn hoá, thực hành tiết kiệm, chống

lãng phí, phòng, chống sản xuất, buôn bán, vận chuyển, tàng trữ, sử dụng trái phép các loại pháo, vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

b) Về chính sách xã hội

Tổ chức thăm hỏi và tặng quà cho bà con ở ấp Tân Lập với 85 phần quà, mỗi phần quà trị giá tương đương 500.000 đồng. Vận động trao các phần quà cho các hộ gia đình chính sách, hộ nghèo, hộ khó khăn trên toàn xã với 1.138 phần, trị giá 430.000.000 đồng. Tổ chức họp mặt và tặng 08 phần quà cho 08 hộ gia đình chính sách. Công tác chăm lo Tết cho các hộ chính sách, hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ khó khăn đã được thực hiện chu đáo, đảm bảo người dân trên địa bàn xã đón Tết vui tươi, an toàn và tiết kiệm....

c) Công tác giáo dục

Các trường học trên địa bàn xã đã chuẩn bị các hoạt động kiểm tra, sơ kết học kỳ 1, năm học 2023-2024 .

d) Y tế, dân số

Làm tốt công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân; tiến hành khám và chữa bệnh cho 7.352 lượt người, trong đó khám BHYT là 3.865 lượt người, khám y học cổ truyền là 908 lượt người. Thực hiện tốt công tác chiến dịch truyền thông dân số và chăm sóc sức khỏe sinh sản thông qua công tác tuyên truyền trên trạm truyền thanh của xã cũng như lồng ghép trong các buổi sinh hoạt ở khu dân cư.

6.3. Quốc phòng, An ninh

a) Quân sự, quốc phòng

Tổ chức hội nghị đánh giá kết quả thực hiện công tác giáo dục QP-AN năm 2023 và triển khai kế hoạch công tác giáo dục QP-AN năm 2024; tiến 17 thanh niên lên đường nhập ngũ cho, đạt 100% chỉ tiêu cấp trên giao; rà soát nắm nguồn thanh niên sẵn sàng nhập ngũ năm 2024, tổ chức khám sơ tuyển sức khỏe cho thanh niên sẵn sàng nhập ngũ năm 2024 cho 93 thanh niên đủ điều kiện khám sức khỏe.

b) An ninh, trật tự an toàn xã hội

Công an xã phối hợp Ban CHQS xã xây dựng kế hoạch phối hợp phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội; đảm bảo trật tự an toàn giao thông; phòng chống cháy nổ; xử lý nghiêm việc buôn bán, tàng trữ, vận chuyển, đốt pháo trái phép. Năm 2023, tổ chức tuần tra vũ trang ban đêm được 96 buổi với 500 lượt người tham gia, phát hiện 02 vụ vi phạm pháp luật về TTXH (02 vụ trộm cắp tài sản), 09 vụ vi phạm pháp luật về tệ nạn xã hội (07 vụ ma túy, 02 vụ đánh bạc), 06 vụ phạm pháp về TTXH (03 vụ hiếp dâm người dưới 16 tuổi, 01 vụ đánh bạc, 02 vụ trộm cắp tài sản), chuyển cơ quan điều tra xử lý theo thẩm quyền.

7. Đội ngũ cán bộ, công chức

a) Tổng số cán bộ, công chức của xã là 21 người; gồm 11 cán bộ và 10 công chức. Trong đó:

- Trình độ chuyên môn đại học là 19 người, chiếm 90,48%; cao đẳng 01 người, chiếm 4,76%; trung cấp 01 người, chiếm 4,76%.

- Lý luận chính trị cao cấp 01 người, chiếm 4,76%; trung cấp 18 người, chiếm 85,71%; cơ cấp 02 người, chiếm 9,52%.

b) Hội đồng nhân dân xã có 26 người. Trong đó:

- Trình độ chuyên môn đại học là 13 người, chiếm 50%; trung cấp 06 người, chiếm 23,8%.

- Lý luận chính trị cao cấp 01 người, chiếm 3,85%; trung cấp 17 người, chiếm 65,38%; sơ cấp 08 người, chiếm 30,77%.

c) Tổng số người hoạt động không chuyên trách tại 08 thôn là 10 người.

IV. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN XÃ TÂN QUAN

1. Lịch sử hình thành

Thời kỳ Pháp thuộc, địa bàn Tân Quan - Phước An nói chung là vùng đất thuộc quận Hớn Quản, tỉnh Thủ Dầu Một.

Tháng 10 năm 1956, chính quyền Ngô Đình Diệm tách một số quận phía bắc của hai tỉnh Thủ Dầu Một và Biên Hoà để thành lập hai tỉnh mới: Bình Long và Phước Long.

Từ tháng 10 năm 1957, theo cơ chế hành chính của địch địa bàn Tân Quan - Phước An lúc này thuộc xã Tân Phước, quận An Lộc, tỉnh Bình Long.

Trong khoảng thời gian từ năm 1972 đến cuối năm 1975, theo hệ thống tổ chức của ta, hai tỉnh Bình Long và Phước Long được hợp nhất thành tỉnh Bình Phước.

Tháng 10 năm 1976, theo quyết định của Quốc hội khoá VI nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, tỉnh Sông Bé được thành lập trên cơ sở các tỉnh Thủ Dầu Một và Bình Phước trước đây, bao gồm 9 huyện, thị. Ba huyện Lộc Ninh, Hớn Quản, Chơn Thành hợp nhất thành huyện Bình Long, thuộc tỉnh Sông Bé.

Tháng 3 năm 1978, Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam quyết định tách Lộc Ninh ra khỏi Bình Long để thành lập huyện Lộc Ninh mới. Ngày 19 tháng 4 năm 1982, Chính phủ đã ban hành Nghị định về việc thành lập 1 số xã thuộc các huyện Lộc Ninh, Bình Long và Phước Long. Theo đó, xã Phước An được tách thành 2 xã Tân Quan và Phước An. Sau đó, xã đi vào hoạt động theo đơn vị hành chính mới. Đầu năm 2003, Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành Nghị định số 17-NĐ/CP, ngày 20/2/2003 về việc thành lập huyện Chơn Thành và Bù Đốp thuộc tỉnh Bình Phước. Theo Nghị định này, Tân Quan thuộc huyện Chơn Thành; ngày 11/8/2009 Chính Phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành Nghị định số 35 - NĐ/CP chấp thuận tỉnh Bình Phước thành lập thị xã Bình Long thành huyện Hớn Quản. Theo Nghị định này, Tân Quan thuộc huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

2. Vị trí địa lý, địa giới hành chính

a) Vị trí địa lý

Xã Tân Quan là xã nằm ở phía Đông nam của huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước, nằm cách thị trấn Tân Khai - trung tâm của huyện khoảng 10km về phía Tây.

Tân Quan nằm trên trục đường liên xã với Tân Khai, Phước An nối thông với Quốc lộ 13 và Quốc lộ 14 với Quang Minh, Minh Thắng, Nha Bích là những quốc lộ có vị trí huyết mạch, nối liền với trung tâm kinh tế lớn nhất phía nam là thành phố Hồ Chí Minh với vương quốc Campuchia về phía bắc.

b) Địa giới hành chính

- Đông giáp thị xã Chơn Thành;
- Tây giáp thị trấn Tân Khai và xã Phước An;
- Nam tiếp giáp thị xã Chơn Thành;
- Bắc giáp xã Phước An.

3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu hiện trạng sử dụng đất

Xã Tân Quan có 28,80 km² (bằng 2.879,95 ha). Trong đó:

- a) Đất nông nghiệp là 26,79 km²
- b) Đất phi nông nghiệp là 2,01 km²
- c) Đất chưa sử dụng là 0 km².

4. Dân số, lao động và thành phần dân cư

a) Dân số của xã Tân Quan tính đến ngày 31/12/2023 là 6.155 người; trong đó, dân số thường trú là 5.852 người, tạm trú là 303 người.

Trải qua nhiều giai đoạn phát triển, các khối cư dân ở Tân Quan đã thay đổi đáng kể, dân tộc Kinh chiếm đa số, tiếp theo đó dân tộc S'tiêng, Khomer chiếm 26,6% dân số xã. Về tín ngưỡng, tôn giáo, trên địa bàn xã có các tôn giáo chủ yếu hoạt động như: Phật giáo, Thiên chúa giáo, Cao Đài, Tin Lành.

5. Thôn, tổ dân phố

Xã Tân Quan có gồm 9 ấp, sóc.

6. Hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội

6.1. Tình hình phát triển kinh tế

a) Công nghiệp - thương mại - dịch vụ

Hoạt động Thương mại - dịch vụ trên địa bàn xã phát triển ổn định; việc cung ứng lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm cho người dân được duy trì ổn định, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng cơ bản của người dân, không có hiện tượng đầu cơ, găm hàng, thiếu hàng, tăng giá đột biến, đặc biệt là đối với các mặt hàng thiết yếu. Hiện trên địa bàn xã chưa có các cơ sở kinh doanh buôn bán lớn, hoạt động

chủ yếu là kinh doanh tạp hóa, rau quả nhỏ lẻ tại chợ và tại các hộ gia đình và trên địa bàn xã có 05 Công ty TNHH 1 Thành viên gồm các loại hình: Xử lý rác thải, sản xuất gạch, kinh doanh xăng, dầu.

b) Sản xuất nông nghiệp

Diện tích cây hàng năm là 95,07 ha tăng 3 ha; cây lâu năm toàn xã là 2.521,35 ha tăng 12,9 ha so với cùng kỳ. Công tác chăn nuôi, thú y được chú trọng. Trên địa bàn xã hiện có 14 trang trại chăn nuôi heo, gà, tổng đàn gia súc, gia cầm có khoảng 206.900 con giảm 100.530 con so với cùng kỳ; thường xuyên theo dõi tình hình dịch bệnh ở các ấp, sóc trên địa bàn để có biện pháp ngăn chặn kịp thời nên không có dịch bệnh lớn xảy ra trên địa bàn.

c) Xây dựng nông thôn mới

Về chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới: Trong năm xã đã đăng ký xây dựng 1.600m đường bê tông xi măng, trong 11 tháng đầu năm bằng nguồn vốn của huyện và huy động nhân dân đóng góp xây dựng 1.350m đường bê tông xi măng tại tổ 1, tổ 4 ấp 5; ấp Xa Lách và ấp ruộng 2 với tổng kinh phí là 494.000.000 đồng đạt 84,3%.

d) Thu, chi ngân sách xã

Thực hiện việc thu, chi ngân sách theo đúng Luật ngân sách và quy định của pháp luật

6.2. Về văn hóa – xã hội

a) Giáo dục, đào tạo

Năm học 2022 -2023 các trường học trên địa bàn xã tổ chức tổng kết năm học theo kế hoạch đề ra, đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục được quan tâm bồi dưỡng, nâng cao trình độ quản lý chính trị, chuyên môn nghiệp vụ chất lượng giáo dục không ngừng được nâng cao, công tác xã hội hóa giáo dục, công tác phổ cập giáo dục tiếp tục được đẩy mạnh.

b) Y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân

Công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân được tăng cường, công tác phòng chống dịch bệnh được quan tâm thường xuyên; nâng cao chất lượng khám chữa bệnh. Tổng số lượt khám chữa bệnh cho nhân dân là: 3.567 lượt. Tỷ lệ trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng cho 24/45 trẻ đạt 53%, chỉ tiêu đề ra 95%.

Công tác dân số KHHGD được quan tâm thường xuyên nên việc thực hiện các nhiệm vụ về dân số đạt so với kế hoạch đề ra. Tuy nhiên trong năm vẫn còn 09 trường hợp sinh con thứ 3.

c) Văn hóa thông tin, thể dục thể thao

Các hoạt động văn hóa - thông tin diễn ra sôi nổi, đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí, sinh hoạt của người dân, kịp thời phản ánh các sự kiện và tình hình về kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh của địa phương; tuyên truyền các ngày lễ lớn của đất nước; ban hành và triển khai kế hoạch thực hiện

phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; Cuộc vận động “Người Bình Phước nói lời hay làm việc tốt” được triển khai đến mọi tầng lớp nhân dân, cán bộ công chức, lực lượng vũ trang nhân dân trong toàn xã. Kết quả thực hiện phong trào như sau: số hộ gia đình đạt gia đình văn hóa là 1.178/1.203 đạt 97,92%, 09/09 khu dân cư văn hóa đạt 100%; công tác quản lý về văn hóa được quan tâm.

d) Chính sách xã hội

Trong năm thực hiện tốt công tác chăm lo tết nguyên đán Quý Mão năm 2023 cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, người có công, giải quyết trợ cấp một lần, hàng tháng cho đối tượng chính sách, bảo trợ xã hội. Công tác bảo vệ trẻ em và công tác vì sự tiến bộ của phụ nữ được thực hiện đúng kế hoạch đề ra. Phối hợp vận động, hỗ trợ xây nhà tình thương, cấp thẻ BHYT cho hộ nghèo, hộ cận nghèo.

6.3. Quốc phòng, an ninh

a) Quân sự, quốc phòng

Trong năm 2023 Ban CHQS xã tham mưu cho Đảng ủy - Ủy ban nhân dân xã xây dựng kế hoạch sẵn sàng chiến đấu, kế hoạch công tác QPAN năm 2023, kế hoạch tuần tra bảo vệ các ngày cao điểm trong năm. Tiếp tục quán triệt, triển khai các văn bản của Đảng, Nhà nước về công tác QPĐP, DQTV, Giáo dục QPAN trong tình hình mới. Tăng cường và duy trì nghiêm các chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, quân số trực cơ động bảo đảm 100%.

b) An ninh, trật tự

Trong năm, tình hình ANCT trên địa bàn xã luôn được giữ vững và ổn định, không xảy ra các điểm nóng tập trung khiếu kiện đông người, khiếu kiện vượt cấp. Về hoạt động của các tôn giáo diễn ra thuận tụy, không xảy ra trường hợp nào vi phạm truyền đạo trái quy định của Nhà nước.

Phạm pháp hình sự xảy ra 04 vụ phạm pháp hình sự (tăng 02 vụ so với năm 2022) gồm có: 02 vụ cố ý gây thương tích, 01 vụ giết người, 01 vụ gây rối trật tự công cộng. Vi phạm hành chính xảy ra 08 vụ với 08 đối tượng, (giảm 05 vụ so với cùng kỳ năm 2022). Công an xã Tân Quan đã tiến hành lập hồ sơ để xử lý theo quy định. Tai nạn giao thông xảy ra 04 vụ (tăng 02 vụ so với năm 2022): làm chết 02 người (tăng 02 người so với năm 2022), bị thương 04 người, hư hỏng 02 xe ô tô, 04 xe ô tô. Tuyến đường xã quản lý 00 vụ tai nạn, tuyến huyện 03 vụ tai nạn.

7. Đội ngũ cán bộ, công chức

a) Tổng số cán bộ, công chức của xã là 19 người; gồm 10 cán bộ và 09 công chức. Trong đó:

- Trình độ chuyên môn đại học là 18 người, chiếm 94,74%; trung cấp 01 người, chiếm 5,26%.

- Lý luận chính trị cao cấp 02 người, chiếm 10,53%; trung cấp 15 người, chiếm 78,95%; cơ cấp 01 người, chiếm 5,26%.

b) Hội đồng nhân dân xã có 23 người. Trong đó:

- Trình độ chuyên môn đại học là 16 người, chiếm 60,87%; trung cấp 02 người, chiếm 8,70%.

- Lý luận chính trị cao cấp 01 người, chiếm 4,35%; trung cấp 13 người, chiếm 56,52%; sơ cấp 01 người, chiếm 4,35%.

c) Tổng số người hoạt động không chuyên trách tại 09 thôn là 27 người.

C. ĐÁNH GIÁ CÁC ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN CỦA THỊ XÃ CHƠN THÀNH SAU KHI SẮP XẾP ĐVHC CẤP HUYỆN

I. VỀ ĐIỀU KIỆN

Việc sắp xếp, điều chỉnh địa giới ĐVHC huyện Hớn Quản để mở rộng thị xã Chơn Thành và nhập xã Tân Quan vào xã Quang Minh thuộc thị xã Chơn Thành mở rộng bảo đảm các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 128 Luật Tổ chức chính quyền địa phương, cụ thể là:

a) Bảo đảm phù hợp với quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, gồm:

- Quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 24/11/2023. Theo đó, giai đoạn 2023-2025 dự kiến có 01 đơn vị hành chính cấp huyện thuộc diện phải sắp xếp là huyện Hớn Quản. Để thực hiện sắp xếp ĐVHC đối với huyện Hớn Quản, UBND tỉnh Bình Phước đã lựa chọn phương án điều chỉnh địa giới ĐVHC chuyển 10 xã của huyện Hớn Quản về thị xã Bình Long và 03 xã còn lại về thị xã Chơn Thành.

- Quy hoạch xây dựng vùng thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 589/QĐ-TTg ngày 20/5/2008 (được điều chỉnh, bổ sung tại Quyết định số 2076/QĐ-TTg ngày 22/12/2017). Theo đó, Chơn Thành là đô thị hạt nhân của cực phía Bắc vùng Thành phố Hồ Chí Minh; là đô thị trọng điểm của tiểu vùng Bắc – Tây bắc, là cực tăng trưởng trọng điểm phía Bắc của vùng Thành phố Hồ Chí Minh; là trung tâm công nghiệp – thương mại, dịch vụ, giáo dục – đào tạo, y tế cấp vùng.

- Quy hoạch chung đô thị Chơn Thành, tỉnh Bình Phước tại Quyết định số 2892/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Bình Phước. Theo đó, phạm vi đô thị Chơn Thành bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên của thị xã Chơn Thành và 03 xã (Đồng Nơ, Tân Hiệp, Tân Quan) của huyện Hớn Quản; được xác định là 01 trong 04 đô thị kinh tế động lực của tỉnh Bình Phước, là cửa ngõ phía Nam, mắt xích quan trọng kết nối tỉnh Bình Phước với Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương qua Quốc lộ 13, kết nối các tỉnh Tây Nguyên và Tây Nam bộ qua Quốc lộ 14 và

đường Hồ Chí Minh, là đầu mối giao thông đường bộ, đường sắt quan trọng của vùng và quốc gia.

b) Bảo đảm hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của chính quyền thị xã Chơn Thành; bám sát mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của thị xã, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng dịch vụ, thương mại; hệ thống hạ tầng đô thị được đầu tư đồng bộ theo hướng hiện đại.

c) Góp phần củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn thị xã Chơn Thành nói riêng và tỉnh Bình Phước nói chung.

d) Phù hợp với các yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa của thị xã Chơn Thành và 03 xã thuộc huyện Hớn Quản; tạo sự thuận tiện trong đi lại, sản xuất, sinh hoạt của nhân dân, được nhân dân đồng tình ủng hộ.

đ) Đáp ứng đầy đủ 05/05 tiêu chuẩn thành lập thị xã thuộc tỉnh theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính (sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15).

13. Đánh giá các tiêu chuẩn của thị xã Chơn Thành mở rộng

a) Tiêu chuẩn 1: Quy mô dân số đô thị

Quy định từ 100.000 người trở lên.

Quy mô dân số của thị xã Chơn Thành mở rộng là 152.855 người (đạt 152,85% so với tiêu chuẩn).

Đánh giá: Đạt

b) Tiêu chuẩn 2: Diện tích tự nhiên

Quy định từ 200 km² trở lên.

Thị xã Chơn Thành mở rộng có diện tích tự nhiên là 538,21 km² (gồm thị xã Chơn Thành hiện nay là 390,34 km² và 3 xã của huyện Hớn Quản là 147,86 km²); đạt 321,34% so với tiêu chuẩn.

Đánh giá: Đạt.

c) Tiêu chuẩn 3:

* Số đơn vị hành chính trực thuộc

- Quy định từ 10 đơn vị trở lên.

- Thị xã Chơn Thành mở rộng có 11 đơn vị hành chính trực thuộc.

Đánh giá: Đạt.

* Tỷ lệ số phường trên tổng số đơn vị hành chính

- Quy định từ 50% trở lên.

- Thị xã Chơn Thành mở rộng có 05 phường/11 đơn vị hành chính, bằng 45,45%. Áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp

xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025 thì trường hợp sắp xếp giảm được ĐVHC thì không áp dụng tiêu chuẩn về ĐVHC trực thuộc đối với ĐVHC cấp huyện hình thành sau sắp xếp.

Đánh giá: Đạt.

d) Tiêu chuẩn 4: Phân loại đô thị

- Quy định từ loại III hoặc loại IV.

- Đã được cấp có thẩm quyền công nhận là đô thị loại IV theo Quyết định số .../QĐ-BXD ngày ... của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Theo đó, phạm vi phân loại đô thị loại IV (toàn bộ thị xã Chơn Thành và 03 xã của huyện Hớn Quản) phù hợp với ranh giới đơn vị hành chính của thị xã Chơn Thành mở rộng.

Đánh giá : Đạt.

đ) Tiêu chuẩn 5: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội.

* Tiêu chí 1: Cân đối thu chi ngân sách

- Quy định: Đủ

- Tổng thu ngân sách trên địa bàn thị xã Chơn Thành mở rộng (bằng thu ngân sách của thị xã) năm 2023 đạt 883,24 tỷ đồng. Tổng chi ngân sách là 770,27 tỷ đồng.

Cân đối: dư.

Đánh giá: Đạt.

* Tiêu chí 2: Thu nhập bình quân đầu người/năm so với cả nước.

- Quy định đạt từ 0,7 lần so với bình quân chung của cả nước.

- Thu nhập bình quân đầu người năm 2023 của thị xã Chơn Thành mở rộng đạt 76,8 triệu/người/năm (T1). Thu nhập bình quân đầu người của cả nước năm 2023 đạt 59,4 triệu/người/năm (T2). Thu nhập bình quân đầu người năm so với cả nước năm 2023 (T) được xác định theo công thức sau: $T = T1/T2 = 76,8/59,4 = 1,29$ (lần).

Đánh giá: Đạt.

* Tiêu chí 3: Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 03 năm gần nhất.

- Quy định đạt mức bình quân chung 03 năm 2021-2023 của tỉnh đạt 7,34% (năm 2021 đạt 6,89%; năm 2022 đạt 6,32%; năm 2023 đạt 8,42%).

- Mức tăng trưởng kinh tế của thị xã Chơn Thành trung bình 3 năm (2021-2023) đạt 13,92% (năm 2021 đạt 13,16%, năm 2022 đạt 14,22%, năm 2023 đạt 14,38%).

Đánh giá: Đạt.

* Tiêu chí 4: Tỷ lệ hộ nghèo 3 năm gần nhất.

- Quy định đạt bình quân 03 năm (2021-2023) của tỉnh Bình Phước là 0,52% (năm 2021 là 0,13%, năm 2022 là 1,03%, năm 2023 là 0,40%) của tỉnh Bình Phước.

- Tỷ lệ hộ nghèo trung bình 03 năm (2021-2023) của thị xã Chơn Thành mở rộng là 0,14% (năm 2021 là 0,22%, năm 2022 là 0,13%, năm 2023 là 0,07%).

Đánh giá: Đạt.

* Tỷ trọng phi nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế.

- Quy định 75% trở lên.

- Cơ cấu kinh tế năm 2023 của thị xã Chơn Thành: năm 2023, ngành nông nghiệp chiếm 18,7%, công nghiệp xây dựng 55,3%, thương mại - dịch vụ 26%.

Đánh giá: Đạt

* Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp khu vực nội thị.

- Quy định 75%.

- Lao động phi nông nghiệp khu vực nội thị là 45.082 người/53.795 lao động toàn thị xã, đạt tỷ lệ 83,8%.

Đánh giá: Đạt.

Như vậy, thị xã Chơn Thành mở rộng đạt đủ 5/5 tiêu chuẩn của thị xã thuộc tỉnh theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 (sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15) và Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025.

PHẦN THỨ BA

PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ THUỘC THỊ XÃ CHƠN THÀNH VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

MỤC I

PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ

I. HIỆN TRẠNG TỈNH BÌNH PHƯỚC, THỊ XÃ CHƠN THÀNH, HUYỆN HỒN QUẢN VÀ CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH LIÊN QUAN.

1. Hiện trạng tỉnh Bình Phước

Theo số liệu thống kê, tính đến ngày 31/12/2023, tỉnh Bình Phước có 6.873,56 km² diện tích tự nhiên, dân số 1.177.635 người, có 11 đơn vị hành chính cấp huyện, gồm 01 thành phố, 03 thị xã và 07 huyện; 111 đơn vị hành chính cấp xã gồm (20 phường, 05 thị trấn, 86 xã).

2. Hiện trạng thị xã Chơn Thành

a) Thị xã Chơn Thành có diện tích tự nhiên 390,34 km², dân số 95.336 người, trong đó dân số thường trú là 86.073 người, dân số tạm trú quy đổi là 9.263 người; có 09 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 05 phường và 04 xã.

Địa giới hành chính thị xã Chơn Thành: Bắc giáp huyện Hớn Quản; Nam giáp tỉnh Bình Dương; Đông giáp thành phố Đồng Xoài và tỉnh Bình Dương; Tây giáp huyện Hớn Quản và tỉnh Bình Dương.

b) Xã Quang Minh thuộc thị xã Chơn Thành có diện tích tự nhiên 29,2 km², quy mô dân số: 3.251 người; số dân là người dân tộc thiểu số: 1.419 người, tỷ lệ 43,65%.

3. Hiện trạng huyện Hớn Quản

a) Huyện Hớn Quản có diện tích tự nhiên 592,31 km²; dân số 107.373 người; có 13 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 01 thị trấn và 12 xã.

b) Hiện trạng 03 xã thuộc huyện Hớn Quản dự kiến chuyển về thị xã Chơn Thành: Xã Đồng Nơ có 47,16 km² diện tích tự nhiên, dân số 7.285 người; xã Tân Hiệp có 71,93 km² diện tích tự nhiên, dân số 7.285 người; xã Tân Quan có 28,80 km² diện tích tự nhiên, dân số 6.155 người.

II. PHƯƠNG ÁN

1. Phương án sắp xếp ĐVHC cấp huyện

Điều chỉnh 147,86 km² diện tích tự nhiên, quy mô dân số 23.390 người của huyện Hớn Quản vào thị xã Chơn Thành (bao gồm toàn bộ 47,13 km² diện tích tự nhiên, 7.285 dân số của xã Đồng Nơ; toàn bộ 71,93 km² diện tích tự nhiên, 9.950 dân số của xã Tân Hiệp và toàn bộ 28,80 km² diện tích tự nhiên, 6.155 dân số của xã Tân Quan) để mở rộng thị xã Chơn Thành.

1.1. Thị xã Chơn Thành sau khi mở rộng:

a) Diện tích tự nhiên: 538,21 km² (đạt 269,1% tiêu chuẩn);

b) Dân số: 125.183 người (đạt 125,18%);

c) Số người là dân tộc thiểu số 14.238 người, chiếm tỷ lệ 11%;

d) Số ĐVHC trực thuộc: 11 đơn vị, gồm: 5 phường: Hưng Long, Thành Tâm, Minh Hưng, Minh Long, Minh Thành và 06 xã: Minh Thắng, Nha Bích, Minh Lập, Quang Minh, Đồng Nơ, Tân Hiệp.

đ) Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Huyện Đồng Phú, thành phố Đồng Xoài (tỉnh Bình Phước); huyện Tân Châu (tỉnh Tây Ninh); các huyện Bàu Bàng, Phú Giáo, Dầu Tiếng (tỉnh Bình Dương)

- Nơi đặt trụ sở làm việc của thị xã Chơn Thành: Trụ sở làm việc hiện tại của Thị ủy, HĐND, UBND, Ủy ban MTTQ thị xã Chơn Thành. Địa chỉ: Đường Nguyễn Văn Linh, Khu phố Trung Lợi, phường Hưng Long, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

1.2. Huyện Hớn Quản còn lại:

Diện tích tự nhiên 516,28 km²; quy mô dân số 83.983 người; số ĐVHC trực thuộc: 10 đơn vị, gồm thị trấn Tân Khai, các xã An Phú, Minh Tâm, Minh Đức, Thanh Bình, An Khương, Thanh An, Tân Lợi, Tân Hưng, Phước An sẽ được chuyển về để mở rộng thị xã Bình Long.

2. Phương án sắp xếp ĐVHC cấp xã

Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Tân Quan (diện tích tự nhiên 28,8 km², đạt 96% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số 6.155 người, đạt 76,94% so với tiêu chuẩn) với xã Quang Minh (diện tích tự nhiên là 29,2 km², đạt 97,35% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số 3.251 người, đạt 90,31% so với tiêu chuẩn) thành 01 ĐVHC cấp xã mới (xã Tân Quang).

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp: 02 ĐVHC cấp xã có vị trí địa lý giáp ranh liền kề; lịch sử là 01 đơn vị hành chính nên về văn hóa, phong tục tập quán sinh hoạt của người dân có nét tương đồng; hệ thống giao thông gồm đường huyện và đường trục xã kết nối thuận tiện cho phát triển kinh tế - xã hội và giao dịch của người dân sau khi nhập.

b) Kết quả sau sắp xếp ĐVHC cấp xã mới:

- Tên ĐVHC mới: Xã Tân Quang.
- Diện tích tự nhiên: 58 km², tỷ lệ 193,33% so với tiêu chuẩn.
- Quy mô dân số: 9.406 người, tỷ lệ 117,57% so với tiêu chuẩn.
- Số dân là người dân tộc thiểu số: 2.622 người; tỷ lệ 27,87%.
- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: thị trấn Tân Khai và các xã Phước An, Tân Hưng (thị xã Bình Long); các xã Minh Hưng, Nha Bích, Minh Thắng, Minh Lập (thị xã Chơn Thành).
- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở xã Tân Quan hiện nay.
- Sau sắp xếp ĐVHC cấp xã mới đảm bảo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15.

MỤC II

TỔ CHỨC THỰC HIỆN SAU KHI CÓ NGHỊ QUYẾT CỦA ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

I. NHỮNG THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ GIẢI PHÁP KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP CÁC ĐVHC CẤP XÃ

1. Những thuận lợi

- Có Nghị quyết, Kết luận của Bộ Chính trị; Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Nghị quyết của Chính phủ; các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh và của Ban Thường vụ Huyện ủy về sắp xếp các ĐVHC;

sự chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, của Huyện ủy, HĐND huyện; sự quyết tâm của cả hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở, nhất là sự quyết tâm của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội của các ĐVHC thực hiện sắp xếp và sự đồng thuận của cán bộ, đảng viên và nhân dân trên địa bàn cấp huyện.

- Việc sáp nhập đơn vị hành chính cấp huyện có quy mô nhỏ để thành lập đơn vị hành chính có quy mô lớn hơn sẽ tạo điều kiện tập trung được các nguồn lực về đất đai, dân số, mở rộng không gian để quy hoạch, tập trung đầu tư mở rộng sản xuất theo hướng hiện đại, phát huy có hiệu quả các tiềm năng, thế mạnh về tài nguyên, vị trí địa lý để phát triển.

- Việc đầu tư cơ sở hạ tầng, công trình phúc lợi được tập trung hơn, tránh việc đầu tư xây dựng dàn trải trong khi nhu cầu sử dụng còn hạn chế.

- Việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện tạo ra thay đổi tích cực, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước; góp phần vào sự thành công của cải cách chính sách tiền lương, nâng cao đời sống cán bộ, công chức.

2. Những khó khăn, vướng mắc

- Việc sáp nhập đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã không đạt tiêu chuẩn về diện tích, dân số theo quy định, mặc dù đã tính đến các yếu tố cơ bản khác như lịch sử - truyền thống, địa lý - tự nhiên, dân cư - xã hội, kinh tế, văn hóa, chính trị... Tuy nhiên, vẫn có những tác động tiêu cực nhất định đến hoạt động quản lý nhà nước, hoạt động sản xuất và đời sống của người dân.

- Khi triển khai sáp nhập các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã sẽ gây xáo trộn cho người dân và doanh nghiệp trên địa bàn 03 xã Đồng Nơ, Tân Hiệp và Tân Quan, Quang Minh do phải chuyển đổi nhiều giấy tờ có liên quan từ đơn vị hành chính cũ sang đơn vị hành chính mới.

- Việc điều hành ngân sách của thị xã Chơn Thành mở rộng sẽ gặp một số khó khăn vướng mắc, nhất là việc bố trí các nguồn trả nợ đầu tư xây dựng cơ bản và huy động các nguồn xã hội hóa trên địa bàn; việc quản lý, xử lý các tài sản công nếu không được thực hiện tốt sẽ gây sự phản ứng trái chiều trong Nhân dân đặc biệt là các công trình mới được đầu tư, nâng cấp.

- Việc sáp nhập các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã sẽ tác động đến nhiều cấp, nhiều ngành, nhiều cơ quan, đơn vị, đặc biệt là tâm lý của đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã, công an xã và viên chức ngành y tế, giáo dục,... do thay đổi đơn vị chủ quản.

- Sau sắp xếp, địa bàn và phạm vi quản lý của đơn vị hành chính mới (thị xã mở rộng và xã Tân Quang mới) sẽ lớn hơn, đòi hỏi trụ sở hành chính, nhà văn hóa, các công trình khác phải đáp ứng yêu cầu thực tế cho phù hợp, vì vậy cần phải có quy hoạch và nguồn kinh phí đầu tư khá lớn.

II. KẾ HOẠCH, LỘ TRÌNH VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN VIỆC SẮP XẾP ĐVHC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ

1. Kế hoạch và lộ trình thực hiện

Hoàn thành việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn huyện giai đoạn 2023-2025 trước ngày 30/6/2024.

2. Kinh phí triển khai thực hiện

Kinh phí tổ chức triển khai thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Điều 22 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 và phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

III. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY, BỐ TRÍ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

1. Phương án và lộ trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan, tổ chức sau sắp xếp ĐVHC

1.1. Đối với thị xã Chơn Thành mở rộng

a) Về sắp xếp tổ chức đảng

Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bình Phước lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện chuyển giao tổ chức đảng; Huyện ủy Hớn Quản có trách nhiệm làm các thủ tục chuyển giao tổ chức đảng và chuyển sinh hoạt đảng tập thể cho đảng viên; Thị ủy Chơn Thành có trách nhiệm làm các thủ tục tiếp nhận tổ chức đảng và đảng viên tương ứng với địa giới được điều chỉnh.

b) Về hoạt động của đại biểu HĐND

Đại biểu Hội đồng nhân dân huyện Hớn Quản ứng cử tại 03 xã Đồng Nơ, Tân Hiệp và Tân Quan được hợp thành Hội đồng nhân dân thị xã Chơn Thành mở rộng và tiếp tục hoạt động ở đơn vị mới cho đến khi hết nhiệm kỳ.

1.2. Đối với xã Tân Quang mới

1.2.1. Đối với cơ quan, tổ chức của Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã

Thực hiện theo Hướng dẫn số 26-HD/BTCTW ngày 30/11/2023 của Ban Tổ chức Trung ương và hướng dẫn của Ban Tổ chức Tỉnh ủy về việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan, tổ chức của Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị-xã hội tại đơn vị hành chính cấp xã thực hiện sắp xếp, cụ thể như sau:

a) Đối với tổ chức đảng:

- Về tổ chức: Ban Thường vụ Thị ủy xây dựng Đề án, quyết định thành lập Đảng bộ xã mới trên cơ sở sáp nhập, hợp nhất Đảng bộ các xã; chỉ định Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư cấp ủy theo quy định của Điều lệ Đảng; Hướng dẫn số 26-HD/BTCTW ngày 30/11/2023 của Ban Tổ chức Trung ương và Hướng dẫn của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- Về số lượng: Số lượng Ủy viên Ban Chấp hành, Ủy viên Ban Thường vụ;

Ủy viên Ủy ban kiểm tra không vượt quá tổng số hiện có của Đảng bộ các xã trừ số Ủy viên Ban Chấp hành, Ủy viên Ban Thường vụ; Ủy viên Ủy ban kiểm tra chuyên công tác khác hoặc nghỉ hưu, nghỉ công tác.

b) Đối với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội:

- Về tổ chức: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội huyện hướng dẫn việc xây dựng Đề án sắp xếp, chuyển giao tổ chức, quy trình thành lập tổ chức, xác định nhiệm kỳ đầu tiên theo quy định của Điều lệ của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; Hướng dẫn số 26-HD/BTCTW ngày 30/11/2023 của Ban Tổ chức Trung ương.

- Về số lượng: Số lượng Ủy viên ủy ban, Ban Thường trực, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và số lượng Ủy viên Ban Chấp hành, Ủy viên Ban Thường vụ, cấp phó các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện theo Hướng dẫn số 26-HD/BTCTW ngày 30/11/2023 của Ban Tổ chức Trung ương và Hướng dẫn của Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh.

1.2.2. Đối với tổ chức chính quyền địa phương và hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã

Thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 10 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030. Đại biểu Hội đồng nhân dân của các đơn vị hành chính cũ hợp thành Hội đồng nhân dân của đơn vị hành chính mới và tiếp tục hoạt động cho đến khi hết nhiệm kỳ theo quy định tại Điều 134 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Hội đồng nhân dân của đơn vị hành chính mới bầu các chức danh của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân theo quy định tại Điều 83 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và hoạt động cho đến khi Hội đồng nhân dân khóa mới được bầu ra. Cụ thể như sau:

a) Đối với Hội đồng nhân dân

- Về tổ chức: Thường trực HĐND thị xã chỉ định 01 triệu tập viên trong số các đại biểu HĐND xã để triệu tập họp HĐND và bầu các chức danh Hội đồng nhân dân xã mới khoá I, nhiệm kỳ 2021-2026 (theo quy định tại điều 134 Luật tổ chức Chính quyền địa phương).

- Về số lượng: Hội đồng nhân dân xã mới gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Trưởng ban pháp chế, Trưởng ban Kinh tế - xã hội và 39 đại biểu của các xã trước khi sắp xếp để hoạt động đến hết nhiệm kỳ.

b) Đối với Ủy ban nhân dân

- Về tổ chức: Ủy ban nhân dân xã mới gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, các Ủy viên ủy ban và các chức danh công chức chuyên môn theo quy định hiện hành.

- Về số lượng: xã gồm có Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch và ... công chức chuyên môn theo quy định hiện hành.

1.2.3. Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập

Thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 10 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030. Thực hiện việc sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập phải bảo đảm phù hợp với quy mô dân số, bán kính phục vụ, quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập. Việc thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định của Luật chuyên ngành, các văn bản hướng dẫn thi hành của Chính phủ, của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực và quy định tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Phương án và lộ trình bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức, người lao động sau sắp xếp ĐVHC

2.1. Thực trạng đội ngũ cán bộ, công chức

2.1.1. Xã Tân Quan

- Tổng số biên chế cán bộ, công chức được giao 23 người theo QĐ 1439 ngày 27.10.2022 của UBND Huyện; hiện có 21 người, trong đó: cán bộ 11 người, công chức 10 người, thiếu 02 người (chủ tịch HĐND và công chức tư Pháp - hộ tịch).

- Tổng số người hoạt động không chuyên trách hiện có 6 người.

- Tổng số người đại biểu HĐND 23 người.

2.1.2. Xã Quang Minh

- Tổng số biên chế cán bộ, công chức được giao 25 người theo Quyết định số 204/QĐ-UBND ngày 02/02/2024 của UBND thị xã; hiện có 19 người, trong đó: cán bộ 09 người, công chức 10 người, thiếu 06 người (chủ tịch HĐND; công chức tư Pháp - hộ tịch, Tài chính-Kế toán; Văn phòng – Thống kê; Địa chính – Giao thông – Xây dựng; Văn hóa – Xã hội)

- Tổng số người hoạt động không chuyên trách hiện có 08 người (thiếu 09 người).

- Tổng số người đại biểu HĐND 23 người.

2.2. Phương án sắp xếp cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách sau khi thành lập xã mới:

a) Số lượng cán bộ, công chức cấp xã

Bố trí số lượng theo loại ĐVHC cấp xã 25 cán bộ, công chức. Phương án bố trí cụ thể

- Cán bộ bố trí 11 người, gồm:

+ Bí thư Đảng ủy: 01 người;

+ Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy: 01 người;

+ Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND: 01 người;

- + Phó Chủ tịch HĐND: 01 người;
- + Phó Chủ tịch UBND: 02 người;
- + Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: 01 người;
- + Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh: 01 người,
- + Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam: 01 người;
- + Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam: 01 người;
- + Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam: 01 người.
- Công chức chuyên môn bổ trí 14 người, gồm:
 - + Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự: 01 người;
 - + Văn phòng - Thống kê: 03 người;
 - + Tài chính - Kế toán: 02 người;
 - + Tư pháp - Hộ tịch: 02 người;
 - + Văn hóa - Xã hội: 03 người;
 - + Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường: 03 người.

b) Số lượng đại biểu HĐND: 46 người.

c) Số lượng người hoạt động không chuyên trách ở xã: Tối đa 17 người.

3. Phương án và lộ trình giải quyết chế độ, chính sách sau sắp xếp ĐVHC

Sau khi sắp xếp 2 ĐVHC cấp xã để thành 1 đơn vị mới, giảm 1 xã thì:

a) Số lượng cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư:

- Cán bộ: 09 người (Gồm 1 Bí thư Đảng ủy; 1 Phó Chủ tịch HĐND; 1 Chủ tịch UBND; 1 Phó Chủ tịch UBND; 1 Chủ tịch UBMTTQ; 1 Chủ tịch Hội Nông dân; 1 Chủ tịch Hội CCB; 1 Chủ tịch Hội LHPN; 1 Bí thư Đoàn Thanh niên CSHCM).

- Công chức: 06 người (Gồm 1 Chỉ huy trưởng Quân sự, 01 Trưởng Công an, 01 Tư pháp – hộ tịch, 01 Văn hóa – xã hội, 01 Văn phòng – thống kê, 01 Địa chính – nông nghiệp – xây dựng và môi trường)

- Người hoạt động không chuyên trách cấp xã: 0 người.

b. Phương án giải quyết dôi dư:

- Đối với cán bộ cấp xã dôi dư:

+ Tiếp nhận thành công chức cấp huyện trở lên trong trường hợp đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định;

+ Thực hiện luân chuyển cán bộ theo quy định tại Quy định số 65-QĐ/TW ngày 28/4/2022 của Bộ Chính trị về luân chuyển cán bộ và theo phân cấp quản lý cán bộ;

- + Tuyển dụng vào viên chức đơn vị sự nghiệp công lập;
- + Tiếp nhận vào công chức cấp xã nếu có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định và còn vị trí tiếp nhận;
- + Giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị-xã hội theo quy định tại Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị-xã hội;
- + Giải quyết chế độ, chính sách nghỉ tinh giản biên chế theo Nghị định 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế;
- + Nghỉ hưu, cho thôi giữ chức vụ theo quy định.
- Đối với công chức cấp xã dôi dư:
 - + Đối với chức danh công chức quy định có 01 người đảm nhiệm: Lựa chọn 01 công chức để đảm nhiệm tại đơn vị hành chính cấp xã mới, công chức còn lại thực hiện việc điều chuyển nội bộ trong đơn vị hành chính cấp xã mới, bố trí làm công chức tăng thêm (nếu có) theo diện tích tự nhiên và quy mô dân số hoặc điều động sang đơn vị hành chính cấp xã khác trong cùng đơn vị hành chính cấp huyện nếu còn thiếu vị trí và có bằng chuyên môn phù hợp hoặc điều động, tiếp nhận sang đơn vị hành chính cấp xã khác của huyện, thành phố khác trên địa bàn tỉnh nếu còn thiếu vị trí và có bằng chuyên môn phù hợp;
 - + Đối với các chức danh công chức được bố trí từ 02 người đảm nhiệm trở lên: Trước mắt bố trí công chức ở đơn vị hành chính cấp xã mới theo số công chức có mặt hiện nay ở các đơn vị hành chính cấp xã sắp xếp (nếu chưa bố trí ngay được số dôi dư); Chủ tịch UBND ở đơn vị hành chính cấp xã mới có trách nhiệm phân công nhiệm vụ cho từng công chức phù hợp với tình hình ở địa phương, trong thời gian 05 năm thực hiện giảm theo lộ trình quy định tại Điều 11 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
 - + Xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên (nếu đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định);
 - + Tuyển dụng vào viên chức đơn vị sự nghiệp công lập;
 - + Giải quyết chế độ, chính sách nghỉ tinh giản biên chế theo Nghị định 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 quy định về tinh giản biên chế và chế độ hỗ trợ của tỉnh;
 - + Nghỉ hưu, cho thôi việc theo quy định.
 - Đối với người hoạt động không chuyên trách:
 - Khi bố trí, sắp xếp cần lựa chọn những người hoạt động không chuyên trách ở xã có đủ trình độ, năng lực, kinh nghiệm công tác đảm nhận nhiệm vụ, những người còn lại thực hiện nghỉ việc theo diện dôi dư do sắp xếp.

IV. PHƯƠNG ÁN VÀ LỘ TRÌNH SẮP XẾP, XỬ LÝ TRỤ SỞ, TÀI SẢN CÔNG SAU SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

Việc thực hiện sắp xếp, xử lý trụ sở, tài sản công của các đơn vị hành chính cấp xã thực hiện sắp xếp giai đoạn 2023-2025 căn cứ Văn bản số 9899/BTC-QLCS ngày 15/9/2023 của Bộ Tài chính về việc xử lý trụ sở, tài sản công đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và các văn bản hướng dẫn của tỉnh. Thời hạn hoàn thành việc sắp xếp, xử lý trụ sở, tài sản công theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15.

VI. TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ TRONG VIỆC SẮP XẾP ĐVHC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ

1. Ban Tổ chức Tỉnh ủy

Chỉ đạo, hướng dẫn việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan, tổ chức của Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tại đơn vị hành chính cấp xã thực hiện sắp xếp.

2. Đề nghị Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy

Chỉ đạo, định hướng các cơ quan truyền thông cấp huyện tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, mục đích của việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã để cán bộ, đảng viên và nhân dân biết, thống nhất thực hiện.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh

Hướng dẫn, chỉ đạo, đôn đốc việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội tại các đơn vị hành chính cấp xã sau sắp xếp; xây dựng chương trình, kế hoạch tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân để tạo sự đồng thuận, thống nhất về nhận thức và hành động khi thực hiện việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã; tổ chức giám sát quá trình triển khai thực hiện Đề án sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn thị xã Chơn Thành và huyện Hớn Quản.

4. Sở Nội vụ

- Là cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo tỉnh, là đầu mối giúp Ban Chỉ đạo, Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp nhận, tổng hợp, xử lý các vấn đề liên quan đến sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã;

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan kịp thời hướng dẫn, tháo gỡ vướng mắc, khó khăn của các địa phương khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã;

- Tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã; việc sắp xếp tổ chức bộ máy, bố trí, sắp xếp đội ngũ lãnh đạo, quản lý, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; giải quyết chế độ, chính sách đối với những trường hợp dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã; định kỳ báo cáo và kiến nghị Ban Chỉ đạo tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh các giải

pháp cần thiết để bảo đảm thực hiện đồng bộ và có hiệu quả Kết luận số 48-KL/TW, Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15, Nghị quyết số 117/NQ-CP, Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Các cơ quan, đơn vị có liên quan của tỉnh

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, đặc biệt trách nhiệm của người đứng đầu trong tổ chức triển khai thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã.

- Căn cứ nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này và chức năng, nhiệm vụ của ngành có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc thực hiện, giải quyết có hiệu quả những vấn đề khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

- Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh và hướng dẫn về kinh phí thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, tuân thủ quy định của Luật Ngân sách nhà nước và quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng: Chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị, địa phương rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch của địa phương, thống nhất với Phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2023-2025 và có tính đến việc sắp xếp ĐVHC giai đoạn 2026-2030 để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. Tham mưu thực hiện các giải pháp huy động, bố trí nguồn vốn đầu tư công để hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng phát triển kinh tế xã hội, trụ sở làm việc của xã mới thành lập theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

- Sở Tài nguyên và Môi trường: chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện cung cấp số liệu hiện trạng diện tích tự nhiên của các đơn vị hành chính.

- Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế: Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan, thực hiện việc sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập phải bảo đảm phù hợp với quy mô dân số, bán kính phục vụ, quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Ban Chỉ huy Quân sự tỉnh: Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện tổ chức lực lượng dân quân tự vệ tại đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã sau sắp xếp, phối hợp với Công an tỉnh và đơn vị, địa phương có liên quan xây dựng và thực hiện tốt phương án giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ an toàn tuyệt đối cho công tác sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã.

- Công an tỉnh: Chủ trì, phối hợp với Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan xây dựng và thực hiện tốt phương án đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; bảo đảm an ninh, an toàn tuyệt đối cho công tác sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và công tác tổ chức lấy ý kiến cử tri tại các địa phương thực hiện việc sắp xếp; theo dõi nắm chắc tình hình, kiểm

tra, đôn đốc việc chấp hành các quy định của nhà nước về bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã.

6. Văn phòng UBND tỉnh

- Phối hợp với Sở Nội vụ trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản và tổ chức các cuộc họp của Ủy ban nhân dân tỉnh liên quan đến việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã, thẩm định trình Chính phủ báo cáo kết quả các bước triển khai và kết quả tổ chức thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã.

- Thường xuyên phối hợp chặt chẽ với Sở Nội vụ, các cơ quan, đơn vị có liên quan để kịp thời tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn trong việc thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã.

7. Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã

- Tổ chức quán triệt, tuyên truyền kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn huyện giai đoạn 2023-2025.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, thuyết phục tạo sự đồng thuận cao trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân tại địa phương về chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã.

- Kịp thời thông tin, báo cáo về số liệu, tài liệu cần thiết để phục vụ xây dựng đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã.

- Chủ trì thực hiện trình tự, thủ tục tổ chức lấy ý kiến cử tri, chịu trách nhiệm về kết quả lấy ý kiến cử tri, trình Hội đồng nhân dân các cấp thông qua chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã.

- Lập dự toán kinh phí lấy ý kiến cử tri, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

PHẦN THỨ TƯ

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH SAU KHI THÀNH LẬP

A. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG

I. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA SẮP XẾP ĐVHC CẤP HUYỆN

a) Tác động về hoạt động quản lý nhà nước

- Tác động tích cực

Việc nhập 03 xã huyện Hớn Quản vào thị xã Chơn Thành cùng với nhập 10 xã, thị trấn còn lại của huyện Hớn Quản về thị xã Bình Long (giảm 01 huyện) góp phần tinh gọn bộ máy, đảm bảo quy mô quản lý phù hợp; tinh giản đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động; góp phần thực hiện tốt các mục tiêu phát

triển kinh tế - xã hội của địa phương; đáp ứng yêu cầu công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Việc nhập 03 xã huyện Hớn Quản vào thị xã Chơn Thành sẽ tạo điều kiện để cơ cấu lại và lựa chọn, bố trí, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã đảm bảo phù hợp với tiêu chuẩn của từng vị trí việc làm, lựa chọn được những người có đủ trình độ, năng lực, tâm huyết nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Qua đó nâng cao chất lượng, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã.

- Mặt khó khăn

Sau khi nhập 03 xã huyện Hớn Quản vào thị xã Chơn Thành, thị xã Chơn Thành mới có quy mô dân số và diện tích lớn hơn nên công tác quản lý nhà nước thời gian đầu gặp khó khăn.

Thực hiện việc nhập 03 xã huyện Hớn Quản vào thị xã Chơn Thành phần nào ảnh hưởng đến tâm lý, tư tưởng, quyền lợi của một bộ phận cán bộ, công chức nên ảnh hưởng đến hiệu quả công tác của cán bộ, công chức và các cơ quan quản lý trong thời gian đầu.

Sau khi nhập 03 xã huyện Hớn Quản vào thị xã Chơn Thành kéo theo phải thay đổi, điều chỉnh các giấy tờ, thủ tục của người dân, bước đầu sẽ có xáo trộn, khó khăn.

b) Tác động về kinh tế - xã hội

- Tác động tích cực:

Việc nhập 03 xã huyện Hớn Quản vào thị xã Chơn Thành là điều kiện thuận lợi để khai thác được tiềm năng và thế mạnh về vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên của các địa phương liền kề, là động lực để các địa phương bứt phá trong phát triển kinh tế - xã hội.

Nhập 03 xã huyện Hớn Quản vào thị xã Chơn Thành giúp cho các ĐVHC có đủ điều kiện để xây dựng quy hoạch một cách quy mô, tăng cường khả năng thu hút đầu tư xã hội hóa vào các lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, giảm đầu tư công, đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế - xã hội và tăng thu ngân sách trên địa bàn.

Tạo điều kiện thuận lợi cho việc quy hoạch phát triển kinh tế vùng, hình thành các mô hình kinh tế lớn, tránh tình trạng sản xuất manh mún, nhỏ lẻ, tự phát, thiếu quy hoạch.

Hệ thống giao thông kết nối, hạ tầng nông thôn sẽ được bổ sung đầu tư xây dựng, thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội của ĐVHC mới; việc tinh giản đội

ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách sẽ giảm chi ngân sách hàng năm, tập trung được nguồn lực để đầu tư phát triển kinh tế, xã hội tại địa phương.

Hệ thống giáo dục, y tế được sắp xếp, kiện toàn, nâng cao chất lượng góp phần phục vụ nhân dân tốt hơn; công tác đảm bảo an sinh xã hội được chú trọng.

Việc nhập 03 xã huyện Hớn Quản vào thị xã Chơn Thành trên cơ sở tương đồng về văn hóa, truyền thống lịch sử, phong tục tập quán sẽ tạo nên sự gắn kết cộng đồng cao trong Nhân dân.

- Khó khăn:

Việc nhập 03 xã huyện Hớn Quản vào thị xã Chơn Thành bước đầu sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - xã hội do phải tập trung vào giải quyết các nhiệm vụ phát sinh sau khi thực hiện sắp xếp.

Cơ sở hạ tầng như: Trụ sở, trường học, trạm y tế... dư thừa do nhập 03 xã huyện Hớn Quản vào thị xã Chơn Thành khó được giải quyết hợp lý, sử dụng không hiệu quả trong khi trụ sở mới cần được đầu tư mới yêu cầu với số lượng và kinh phí lớn.

Cuộc sống của người dân xáo trộn trong giai đoạn đầu do thay đổi về địa điểm giao dịch, thay đổi về thủ tục hành chính, thay đổi các loại giấy tờ có liên quan... Cấu trúc văn hóa làng xã trước đây sẽ có sự thay đổi nhất định ảnh hưởng đến đời sống, sinh hoạt của người dân.

c) Tác động về quốc phòng, an ninh chính trị, trật tự xã hội

- Tác động tích cực:

Nhập 03 xã huyện Hớn Quản vào thị xã Chơn Thành có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội, từ đó an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội không ngừng được củng cố; số lượng cũng như chất lượng của lực lượng công an, quân sự từ xã đến các thôn được nâng cao; công tác triển khai các biện pháp đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn được thực hiện thống nhất dẫn đến phong trào toàn dân bảo vệ an ninh trật tự được phát triển hơn.

Đầu tư cho quốc phòng, an ninh sẽ được tập trung hơn sau khi giảm ĐVHC, việc tập hợp lực lượng để bố trí thực hiện công việc cũng được tăng cường. Từ đó, đảm bảo các điều kiện để thực hiện việc quản lý về quốc phòng, an ninh, giúp phát huy hiệu quả, tăng cường quốc phòng, ổn định an ninh chính trị, trật tự xã hội.

- Khó khăn:

Nhập 03 xã huyện Hớn Quản vào thị xã Chơn Thành, ĐVHC mới có quy mô rộng hơn, nhiều thành phần dân cư hơn nên nguy cơ tiềm ẩn nhiều tệ nạn xã

hội; công tác nắm bắt địa bàn, đối tượng gặp khó khăn; tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội phức tạp hơn phần nào khó khăn cho công tác quản lý.

d) Tác động về cải cách thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công

- Tác động tích cực:

Nhập 03 xã huyện Hớn Quản vào thị xã Chơn Thành, ĐVHC mới được đầu tư khang trang hơn, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả được củng cố, việc ứng dụng công nghệ thông tin được ưu tiên thực hiện; lựa chọn được đội ngũ làm việc có tinh thần trách nhiệm cao, có trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Qua đó, tạo điều kiện phục vụ nhân dân tốt hơn.

Việc tuyên truyền, hỗ trợ sử dụng dịch vụ công trực tuyến được thực hiện đồng bộ hơn dẫn đến việc triển khai dịch vụ được thống nhất.

- Khó khăn

Nhập 03 xã huyện Hớn Quản vào thị xã Chơn Thành, dân số đông, số lượng hồ sơ tiếp nhận nhiều trong khi số lượng nhân sự giảm, cơ sở vật chất, trang thiết bị chưa đồng bộ khó khăn trong việc nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính, khó đáp ứng ngay nhu cầu của người dân, ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng giải quyết hồ sơ, thủ tục. Nhất là trong thời gian đầu, khi người dân phải thực hiện các thủ tục chuyển đổi các loại giấy tờ khi thay đổi tên ĐVHC.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

1. Tác động về hoạt động quản lý nhà nước

1.1. Tác động tích cực

Việc nhập 02 xã để thành lập 01 đơn vị hành chính mới sẽ góp phần tinh gọn được bộ máy, giảm được 15 cán bộ, công chức sẽ giảm áp lực đối với ngân sách trung ương và địa phương đồng thời góp phần vào việc cải cách chính sách tiền lương, tăng mức phụ cấp đối với từng chức danh; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước, phục vụ tốt hơn người dân và doanh nghiệp.

Khi thực hiện sáp nhập đơn vị hành chính, các địa phương chuẩn bị phương án, bố trí lại nhân sự và triển khai đề án sáp nhập. Do đó, sẽ có điều kiện để lựa chọn được đội ngũ cán bộ, công chức đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ; chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức sẽ được nâng cao hơn.

1.2. Tác động tiêu cực

Quá trình sắp xếp, người dân và doanh nghiệp phải thực hiện rất nhiều thủ tục thay đổi thông tin trên sổ sách, giấy tờ hành chính như giấy tờ sở hữu nhà, đất, hộ khẩu, giấy tờ tùy thân, bằng lái xe...

2. Tác động về kinh tế - xã hội

2.1. Tác động tích cực

Sau khi sắp xếp sẽ giảm được 01 đơn vị hành chính cấp xã, sẽ tiết kiệm

được ngân sách nhà nước do giảm chi lương, chi phí hành chính như sửa chữa trụ sở, trang thiết bị, điện, nước... Vì vậy sẽ tập trung được nguồn lực để đầu tư phát triển kinh tế, xã hội tại địa phương.

Không gian phát triển được mở rộng, nguồn lực được tập trung; tiềm năng, lợi thế của địa phương được phát huy góp phần mở rộng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, lao động, tạo ra nhiều cơ hội việc làm, tăng thu nhập cho người lao động.

Hệ thống giáo dục, y tế được sắp xếp, kiện toàn, nâng cao chất lượng sẽ góp phần phục vụ Nhân dân được tốt hơn; công tác đảm bảo an sinh xã hội được chú trọng, tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy huy động nguồn lực đóng góp của Nhân dân, các nguồn lực xã hội hóa để xây dựng kết cấu hạ tầng và phát triển hệ thống y tế, giáo dục.

2.2. Tác động tiêu cực

Sau khi nhập hệ thống giáo dục, y tế trước mắt sẽ có các cơ sở chính và phụ nên ít nhiều ảnh hưởng đến tâm lý của người dân, đặc biệt là người dân phải đến cơ sở y tế xa hơn so với cơ sở y tế khi chưa sắp xếp ĐVHC.

Khó khăn trong việc bố trí, sử dụng cơ sở hạ tầng dư thừa như trụ sở làm việc của Đảng uỷ, HĐND, UBND, Trạm y tế, nhà văn hoá xã...

3. Tác động về quốc phòng, an ninh, chính trị, trật tự, an toàn xã hội

3.1. Tác động tích cực

Công tác an ninh chính trị, trật tự xã hội tiếp tục được giữ vững; chất lượng cán bộ Ban Chỉ huy quân sự xã, dân quân tự vệ, trung đội dân quân cơ động sau khi được kiện toàn sẽ nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng cho ĐVHC mới.

Đặc điểm tình hình về quốc phòng, khu vực phòng thủ 2 đơn vị có sự tương đồng, do đó sau khi sáp nhập sẽ thuận lợi trong việc diễn tập chiến đấu trong khu vực phòng thủ, tác chiến trên các địa hình.

3.2. Tác động tiêu cực

Địa bàn rộng, dân số đông hơn, trong khi đó tình hình tội phạm có nhiều hoạt động phức tạp, có nhiều thủ đoạn để đối phó với lực lượng an ninh nên việc quản lý về an ninh, trật tự và an toàn xã hội sẽ gặp khó khăn nhất định.

4. Tác động về cải cách thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công

4.1. Tác động tích cực

Sau khi sáp nhập, việc giải quyết TTHC và cung cấp dịch vụ công vẫn được thực hiện thông suốt, đồng bộ do được quan tâm đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng CNTT; chất lượng công chức tiếp nhận và giải quyết TTHC tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả được củng cố, kiện toàn đáp ứng với yêu cầu, nhiệm vụ.

4.2. Tác động tiêu cực

Thời gian giải quyết thủ tục hành chính có phần lâu hơn khi lượng giao dịch nhiều hơn, đặc biệt là các thủ tục hành chính liên quan đến nhân thân khi thay đổi đơn vị hành chính.

B. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN THỊ XÃ CHƠN THÀNH MỞ RỘNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

Xây dựng và phát triển đô thị Chơn Thành theo hướng năng động, sinh thái, thông minh. Trong đó, tập trung đầu tư đồng bộ về hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị và chú trọng liên kết vùng nhằm tạo ra những nền tảng quan trọng và thuận lợi cho việc phát triển công nghiệp, phát triển kinh tế - xã hội. Tập trung các nguồn lực xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng giao thông, hạ tầng xã hội, bảo đảm hạ tầng dịch vụ, du lịch, vui chơi giải trí, công nghệ thông tin và các hạ tầng khác đồng bộ, có chất lượng cùng với việc phát triển công nghiệp có tính cạnh tranh cao thúc đẩy phát triển tốt kinh tế - xã hội của thị xã theo hướng công nghiệp, hiện đại.

Phát triển phải bảo đảm phù hợp với quy hoạch tỉnh, kế hoạch và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; có sự kết nối chặt chẽ với các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh và là một trong những đô thị - công nghiệp - dịch vụ nằm trong quy hoạch vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

Xây dựng, cải tạo và nâng cấp đồng bộ hạ tầng đô thị đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kiểm soát chất lượng môi trường, hài hòa giữa bảo tồn, cải tạo và xây dựng mới. Tập trung nâng cao chất lượng đô thị, phát triển đô thị theo mô hình phát triển toàn diện công nghiệp, đô thị thân thiện với môi trường.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu chung

Phát huy những kết quả đạt được, tăng cường xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh, đoàn kết toàn dân. Tiếp tục xây dựng thị xã Chơn Thành trở thành đô thị mới thông minh, hiện đại; phát triển mạnh về kinh tế; cơ sở hạ tầng ngày càng hoàn thiện và hiện đại; rút ngắn khoảng cách chênh lệch về đời sống và hạ tầng xã hội từ khu vực trung tâm đến các khu vực khác trên địa bàn. Chất lượng cuộc sống người dân ngày càng nâng lên, đời sống văn hóa tinh thần phong phú. Tăng cường, củng cố nền quốc phòng toàn dân gắn với xây dựng thế trận an ninh nhân dân và xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc. Thực hiện tốt quy chế dân chủ, xây dựng bộ máy chính quyền các cấp ngày càng hiệu quả, tạo bước chuyển mới trong công cuộc cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền. Tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả phát triển công nghiệp, thủ công nghiệp theo hướng bền vững; chuyển dịch thương mại dịch vụ theo hướng tích cực, tạo bước đột phá, phấn đấu xây dựng thị xã Chơn Thành phát triển hoàn thiện và bền vững.

Phát triển Chơn Thành theo hướng nhanh, bền vững, phù hợp các định hướng của Trung ương và của tỉnh. Tạo cơ sở huy động nguồn lực đầu tư xây dựng phát triển đô thị tập trung, đúng lộ trình, đảm bảo nâng cao chất lượng, diện

mạo kiến trúc cảnh quan đô thị theo hướng năng động, sinh thái, thông minh. Đến năm 2025, Chơn Thành cơ bản đạt các tiêu chí đô thị loại III, đủ điều kiện nâng cấp thị xã Chơn Thành lên đô thị loại III trong giai đoạn 2026-2030.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2030

- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân 5 năm (2025 - 2030): 15,5-16,5%. Trong đó, giá trị sản xuất ngành nông nghiệp tăng bình quân từ 0,5 đến 1%; giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng tăng từ 15 đến 17%; giá trị sản xuất thương mại - dịch vụ tăng từ 16 đến 17%.

- Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn ước thực hiện đến năm 2030 khoảng 1.250 tỷ đồng, tăng bình quân 12%/năm; chi ngân sách chà nước trên địa bàn đạt khoảng 1.150 tỷ đồng, tăng bình quân 9,0%/năm (trong đó chi thường khoảng 624,46 tỷ đồng, tăng bình quân 7%/năm; chi đầu tư phát triển khoảng 490,55 tỷ đồng, tăng bình quân 12%/năm).

- Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giảm bình quân 0,05 %/năm.

- Tỷ lệ số hộ dân được sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh đạt trên 99 %.

- Tỷ lệ số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia đạt trên 99 %.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 60%; số lao động được giới thiệu, giải quyết việc làm khoảng 27.000 lao động

- Tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế đạt 100 % và đạt 7,36 bác sỹ/1 vạn dân; duy trì giảm tỷ suất sinh hàng năm từ 0,15‰ đến 0,20‰

- Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng là 8,1%.

- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế trên 90%.

- Tỷ lệ xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia khoảng 45 %.

- Tỷ lệ giao quân hàng năm đạt 100% chỉ tiêu cấp trên giao.

- Tỷ lệ xây dựng, huấn luyện lực lượng dân quân tự vệ đạt 1,52% so với tổng dân số (dân quân đạt 1,28%, tự vệ đạt 22,72%).

- Thị xã Chơn Thành đủ điều kiện nâng cấp lên đô thị loại III.

- Dân số toàn đô thị đạt khoảng 175.000 người; dân số khu vực nội thị đạt khoảng 140.595 người; tỷ lệ tăng dân số đạt 6,52%/năm.

- Thu nhập bình quân đầu người đạt 200 triệu đồng/người/năm.

- Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp đô thị đạt 85%. Tỷ lệ đô thị hóa đạt 80,034%.

- Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung đạt 80% và đạt 125 lít/người/ngày đêm; 50% lượng nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý; 100% các cơ sở sản xuất mới áp dụng công nghệ sạch hoặc trang bị các thiết bị giảm ô nhiễm môi trường.

- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt của đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp được thu gom đạt 100% và xử lý đạt 100% lượng rác thu gom; 100% chất thải rắn y tế nguy hại được thu gom, xử lý đảm bảo tiêu chuẩn môi trường.

- Phát triển mạnh hạ tầng số, xây dựng và phát triển đồng bộ hạ tầng dữ liệu, thực hiện quyết liệt chuyển đổi số, xây dựng nền kinh tế số, xã hội số. Tiếp tục xây dựng chính quyền kiến tạo, đô thị hiện đại, thông minh lấy nhân dân làm chủ thể để phục vụ, phát triển; ứng dụng thương mại điện tử, hóa đơn điện tử đạt 80%.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Về phát triển kinh tế

a) Phát triển kinh tế và phát triển công nghiệp xây dựng trên địa bàn

Tiếp tục khai thác hiệu quả các nguồn lực và thế mạnh của huyện để phát triển kinh tế, duy trì sự tăng trưởng ổn định và bền vững. Tạo môi trường thuận lợi và phát huy lợi thế của huyện để thu hút các nguồn lực đầu tư, phát triển công nghiệp. Tích cực phối hợp hỗ trợ chủ đầu tư cơ sở hạ tầng các khu công nghiệp (KCN), cụm công nghiệp thực hiện tốt công tác xúc tiến đầu tư, mời gọi các tập đoàn, doanh nghiệp lớn có uy tín đến đầu tư tại các KCN trên địa bàn, phấn đấu nâng cao tỷ lệ lấp đầy các KCN. Hỗ trợ các nhà đầu tư tuyển chọn lao động, công nhân kỹ thuật cao phục vụ các dự án trên địa bàn.

Đối với đất cho công nghiệp, cần tập trung hoàn thiện cơ sở hạ tầng các KCN hiện có, triển khai lập quy hoạch và xây dựng các KCN khác và có chính sách thu hút đầu tư để nâng cao tỷ lệ lấp đầy các KCN. Việc bố trí đất cho phát triển công nghiệp trên cơ sở những khu vực đất nông nghiệp có chất lượng kém. Khu, cụm công nghiệp phải đảm bảo khoảng cách an toàn tới khu dân cư tập trung, tới nguồn nước, nhất là nguồn nước dùng trong sinh hoạt. Hạn chế tối đa việc sử dụng đất có chất lượng cao, có vị trí thuận lợi cho phát triển nông nghiệp để sử dụng cho mục đích công nghiệp. Trong các khu công nghiệp cần xác định những phân khu chức năng, loại hình công nghiệp, tính độc hại của các chất thải để bố trí cho phù hợp với môi trường xung quanh. Đồng thời có biện pháp xử lý các chất thải, hạn chế gây ô nhiễm đất phá hoại sự cân bằng trong hệ sinh thái đất. Ngoài ra, cần gắn việc phát triển công nghiệp với các tiên bộ khoa học kỹ thuật và nguồn nhân lực có chất lượng, trình độ cao.

b) Phát triển nông nghiệp và nông thôn

Tăng cường đầu tư khoa học kỹ thuật và công nghệ vào sản xuất nhằm tăng hệ số sử dụng đất, tăng chất lượng và hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp. Hình thành các vùng sản xuất tập trung lớn với các cây trồng chủ lực có hiệu quả kinh tế và sức cạnh tranh cao trên các khu vực đất có chất lượng tốt.

Áp dụng các mô hình nông nghiệp công nghệ cao vào trong trồng trọt và chăn nuôi nhằm đem lại hiệu quả kinh tế. Chọn lựa cây trồng, vật nuôi chiến lược của thị xã theo ưu tiên thứ tự như sau: về cây trồng gồm cao su, điều, tiêu, cây ăn trái, các cây hàng năm như lúa, mì,... sản xuất trên cơ sở tận dụng đất trong thời

gian cây lâu năm và rừng trồng chưa giao tán; Chăn nuôi một số loại gia súc, gia cầm như: Heo, bò, trâu, gà, vịt,...

Hạn chế tiếp nhận các dự án chăn nuôi dễ gây ô nhiễm như: trang trại chăn nuôi heo, gà, ... Cũng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của kinh tế hộ gia đình, kinh tế trang trại, hợp tác xã, tổ hợp tác thông qua triển khai hiệu quả các chương trình hỗ trợ của ngành nông nghiệp

c) Phát triển thương mại - dịch vụ và dân cư đô thị

Duy trì sự tăng trưởng giá trị sản xuất thương mại - dịch vụ, tăng dần tỷ trọng các ngành dịch vụ chất lượng cao, giá trị gia tăng lớn, góp phần quan trọng vào tăng trưởng kinh tế chung của thị xã. Quan tâm định hướng lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các giải pháp hỗ trợ phát triển dịch vụ phục vụ phát triển công nghiệp. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển cung cấp dịch vụ công có sự quản lý, điều tiết của Nhà nước. Động viên phát triển kinh tế hộ gia đình, tạo thành mạng lưới bán lẻ rộng khắp từ trung tâm đến nông thôn, góp phần cung cấp hàng hóa dịch vụ, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và phục vụ sản xuất - kinh doanh của người dân trên địa bàn. Đầu tư xây dựng mới chợ truyền thống Chợ Thành và mời gọi xã hội hóa đầu tư chợ ở các xã (Nha Bích, Minh Thắng, Quang Minh).

Quy hoạch quỹ đất và mời gọi các dự án đầu tư du lịch sinh thái kết hợp phát triển cụm dân cư ở các khu vực gần hồ thủy lợi Phước Hòa (xã Nha Bích, Minh Lập, Minh Thành). Hỗ trợ Công ty cổ phần cao su Sông Bé triển khai thực hiện dự án sân golf kết hợp khu đô thị, dịch vụ du lịch, nghỉ dưỡng tại xã Minh Thắng...

d) Về thu - chi ngân sách

Đẩy mạnh các giải pháp tăng thu ngân sách bền vững, khai thác hiệu quả nguồn thu từ quỹ đất các dự án để tạo nguồn lực đầu tư phát triển đô thị, hoàn thiện cơ sở hạ tầng. Chú trọng công tác lập dự toán ngân sách Nhà nước hàng năm, tuân thủ theo kế hoạch tài chính - ngân sách 5 năm, giai đoạn 2026 - 2030. Khai thác hiệu quả các nguồn thu, nhất là từ nguồn thu công thương nghiệp ngoài quốc doanh, thu tiền sử dụng đất từ các dự án do thị xã làm chủ đầu tư. Tạo chuyển biến mạnh mẽ trong xã hội hóa đầu tư xây dựng. Sử dụng có hiệu quả nguồn ngân sách tập trung đầu tư các dự án trọng điểm; quản lý tốt các Chương trình Mục tiêu quốc gia để đầu tư phát triển, đảm bảo điều hành ngân sách theo kế hoạch đầu tư phát triển, không bố trí dàn trải, manh mún. Quan tâm đầu tư các dự án để khai thác quỹ đất tạo ra nguồn thu từ đất.

2. Về phát triển văn hóa - xã hội

a) Về văn hóa, thông tin, thể dục thể thao

Nâng cao năng lực, hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo đối với việc phát triển văn hóa và con người. Tăng cường công tác tuyên truyền, đảm bảo hiệu quả về chất lượng. Chú trọng bảo tồn, phát huy các di sản và di tích lịch sử văn hóa trên địa bàn.

Quan tâm đầu tư xây dựng và hoàn thiện các thiết chế văn hóa, phát triển các phong trào văn hóa - văn nghệ, thể dục thể thao, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; phát huy tối đa các nguồn lực xã hội hóa cho sự nghiệp văn hóa. Trong nhiệm kỳ 2026-2030, hoàn thiện và đưa vào sử dụng hiệu quả Trung tâm Văn hóa - Thể thao thị xã, phấn đấu xây dựng trung tâm văn hóa và học tập cộng đồng tại các phường Minh Hưng, Minh Thành, Minh Long.

Tiếp tục phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng thông tin, truyền thông, đổi mới, đầu tư hạ tầng kỹ thuật công nghệ hiện đại, truyền thông đa phương tiện, nâng cao hiệu quả tuyên truyền trên báo chí và các phương tiện thông tin đại chúng khác...

b) Giải pháp về giáo dục - đào tạo, phát triển nguồn nhân lực

Phấn đấu đến năm 2030 đạt 100% giáo viên có trình độ đào tạo đáp ứng theo quy định của Luật Giáo dục. Quan tâm đẩy mạnh phát triển mạng lưới trường lớp theo quy hoạch; đầu tư cơ sở vật chất trường lớp và trang thiết bị đạt chuẩn quốc gia, kết hợp làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, cá nhân phát triển loại hình trường và cơ sở mầm non tư thục...

3. Về quốc phòng - an ninh, xây dựng hệ thống chính trị

Tập trung thực hiện hiệu quả các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về nhiệm vụ quốc phòng, công tác quân sự địa phương. Nâng cao ý thức trách nhiệm, đấu tranh phòng, chống “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch; xây dựng xã, phường vững mạnh về quốc phòng - an ninh và vững mạnh toàn diện. Tập trung nguồn lực tiếp tục thực hiện Đề án về quy hoạch thể trận quân sự khu vực phòng thủ và Đề án xây dựng căn cứ hậu phương, căn cứ hậu cần - kỹ thuật của thị xã theo đúng lộ trình đã xác định... Nâng cao hiệu quả hoạt động của các tiểu đội dân quân thường trực tại các KCN trên địa bàn thị xã. Tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ và diễn tập chiến đấu phòng thủ theo quy định.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ

1. Định hướng phát triển

1.1. Hệ thống cơ quan hành chính, công sở

Phát triển hệ thống cơ quan, công sở phù hợp với yêu cầu, xu thế phát triển tổ chức hành chính mới và định hướng phát triển không gian đô thị, đảm bảo bán kính phục vụ nhu cầu người dân đô thị trong tương lai.

Xây dựng hoàn thiện hệ thống khối hành chính, cơ quan, công trình sự nghiệp của thị xã. Các cơ quan hành chính cấp đơn vị ở được tổ chức, phân bố đều trên cơ sở cơ quan hiện hữu và mở rộng đảm bảo bán kính phục vụ người dân đô thị theo từng đơn vị quản lý.

1.2. Hạ tầng y tế

Các trạm y tế cần được cải tạo, đầu tư trang thiết bị phục vụ cho các khu vực dân cư trong và ngoài đô thị; đầu tư xây dựng nhà tang lễ cho thị xã; tập trung

cùng cô tuyến y tế cơ sở (chú trọng vùng sâu, vùng xa, các khu vực ngoại thị,...), nâng cấp một số trạm y tế ở các xã, phường đảm bảo đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe; khuyến khích xã hội hóa đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng y tế, từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ y tế đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe của nhân dân.

1.3. Hệ thống Giáo dục và Đào tạo

Hệ thống các trường Trung học phổ thông, Trung học cơ sở và Tiểu học trên địa bàn cần có kế hoạch cải tạo cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị học tập, bổ sung các hạng mục còn thiếu để đạt hoàn thiện chuẩn quốc gia; thực hiện xã hội hóa công tác giáo dục, đa dạng hóa các hình thức và các nguồn vốn phát triển giáo dục và đào tạo, mở rộng hình thức giáo dục đào tạo; tiếp tục đầu tư xây dựng mới, nâng cấp sửa chữa các hạng mục công trình của các trường (cổng, hàng rào, phòng bảo vệ, nhà thi đấu đa năng, sân bê tông, nhà xe, nhà vệ sinh,...) mua sắm đồ dùng dạy và học đáp ứng được nhu cầu dạy và học; đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục, khuyến khích tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, cá nhân phát triển các loại hình trường và đặc biệt là các cơ sở mầm non tư thục.

1.4. Phát triển hạ tầng văn hóa, thể thao

Với định hướng thị xã Chơn Thành là đô thị loại III trong tương lai, đồng thời là trung tâm cấp tiểu vùng phía Nam của tỉnh, vì vậy cần quỹ đất dự kiến bố trí một số công trình cấp tiểu vùng phục vụ phát triển văn hóa, thể thao và du lịch như: Công trình thương mại dịch vụ, công trình văn hóa - thể thao - sân golf trên đất của Công ty cổ phần cao su Sông Bé, công trình giáo dục - đào tạo, kết hợp du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, xây dựng khu nhà ở chất lượng cao, nhà ở chuyên gia, tổ hợp công trình thương mại - dịch vụ dự kiến tại xã Minh Thắng. Thu hút các nhà đầu tư hình thành một số sản phẩm du lịch, dịch vụ tổng hợp tại địa phương; Xây dựng các khu, điểm du lịch xanh với các dịch vụ tiện ích có sức thu hút cao đối với du khách. Hình thành một số khu du lịch có quy mô, thương hiệu nổi bật, tạo sức lan tỏa cho phát triển du lịch. Nâng cấp, sửa chữa xây mới hàng rào, cổng chào, nhà vệ sinh, sân thể thao thôn ấp, khu phố, khu vui chơi cho người dân các xã, phường (khoảng 42 công trình). Điểm phục vụ bưu chính viễn thông (số lượng 01 công trình), trạm truyền thanh thông minh các xã, phường (số lượng 09), loa truyền thanh tại các khu dân cư (số lượng 87 cụm).

1.5. Thương mại - dịch vụ

Kêu gọi doanh nghiệp xây dựng các khách sạn đủ tiêu chuẩn 4-5 sao đáp ứng nhu cầu khách lưu trú trong nước và Quốc tế; triển khai dự án Trung tâm thương mại Chơn Thành, phường Hưng Long; khu dân cư thương mại Suối Đồi hiện đã phê duyệt chi tiết, đang đầu tư hạ tầng. Ngoài ra, còn có một số khu vực phát triển dịch vụ thương mại trong khu đô thị Becamex đáp ứng nhu cầu của người dân; đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp hệ thống chợ trên địa bàn các xã, phường: Hưng Long, Minh Hưng, Minh Lập, Minh Thắng, Minh Long, Đồng Nơ, Tân Hiệp, Tân Quang.

1.6. Nhà ở và nhà ở xã hội

Phát triển nhà ở xã hội đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội; có chất lượng môi trường sống tốt, bảo đảm sáng - xanh - sạch - đẹp, bảo đảm an ninh, trật tự và bảo vệ môi trường; đảm bảo hài hòa lợi ích của nhà nước - doanh nghiệp - người lao động. Từng bước cải thiện, nâng cao đời sống, đảm bảo nhu cầu an sinh xã hội, thiết chế văn hóa tại các khu nhà ở xã hội.

Tạo cơ sở pháp lý để xác định các vị trí dự án ưu tiên phát triển nhà ở xã hội phù hợp với từng giai đoạn phát triển. Nhà ở xã hội dạng nhà chung cư để bán, cho thuê mua, cho thuê, diện tích mỗi căn hộ tối thiểu là 25 m² sàn/căn hộ, tối đa là 70 m² sàn/căn hộ. Đến năm 2030, giải quyết cho khoảng 38.140 người, diện tích xây dựng nhà ở xã hội khoảng 37,87ha trong các khu dân cư được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư và các khu quy hoạch phát triển nhà ở xã hội trên địa bàn.

1.7. Phát triển hệ thống giao thông

- Quốc lộ 13: Tuyến Quốc lộ 13 đoạn qua Chơn Thành sẽ được nâng cấp mở rộng với quy mô 10 làn xe, gồm phần đường chính 12mx2, phần đường gom 8m x 2, các dải phân cách 3m + 2.5m x 2, vỉa hè 6m x 2, lộ giới 60m. Riêng đoạn qua khu trung tâm hiện hữu được đặt tên là đường 2 Tháng 4 có mặt đường 9,5mx2, dải phân cách 3m, vỉa hè 9mx2, lộ giới 40m.

- Quốc lộ 14: Tuyến Quốc lộ 14 đoạn Đồng Xoài - Chơn Thành được nâng cấp, mở rộng đoạn từ Km970+600 (thuộc thành phố Đồng Xoài) đến Km994+625,77 (thuộc thị xã Chơn Thành) trong giai đoạn 2021-2025 với quy mô mặt cắt ngang 46m.

- Đường cao tốc: Theo Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021, trên địa bàn thị xã Chơn Thành có 02 tuyến cao tốc là cao tốc Bắc Nam phía Tây (CT.02) và cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành - Hoa Lư (CT.30).

- Đường sắt. Lập kế hoạch thực hiện dự án tuyến đường sắt xuyên Á (Dĩ An- Lộc Ninh) và tuyến đường sắt ĐăkNông- Chơn Thành. Theo Quyết định số 1769/QĐ-TTg ngày 19/10/2021 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Giao thông công cộng: Tăng tần suất và thời gian hoạt động các tuyến xe buýt hiện hữu. Trong thời gian tới mở thêm tuyến Chơn Thành - Bình Long đến Lộc Ninh; tuyến Chơn Thành - Bến Cát - Thủ Dầu Một.

1.8. Về phát triển hạ tầng cung cấp điện

- Đảm bảo cấp điện an toàn, liên tục cho các phụ tải công nghiệp (đặc biệt là các khu công nghiệp), mở rộng và nâng cao chất lượng điện cung cấp cho nhu cầu sinh hoạt của người dân.

- Đầu tư xây dựng mới các trạm biến áp 58 TBA, xây dựng mới, cải tạo đường trung thế, hạ thế đảm bảo cung cấp điện phục vụ cho nhu cầu sản xuất và sinh hoạt trên địa bàn thị xã.

- Trong khu vực nội thị, hệ thống đường dây hạ thế và chiếu sáng xây mới phải quy hoạch đi ngầm, hệ thống đường dây hạ thế và chiếu sáng hiện hữu phải được cải tạo theo hướng hạ ngầm; đèn chiếu sáng đô thị đề nghị ưu tiên sử dụng bóng đèn tiết kiệm năng lượng (đèn Led) thay thế cho đèn (Sodium) cao áp tiêu hao nhiều năng lượng.

Đầu tư mới, cải tạo hệ thống điện chiếu sáng trên các tuyến đường giao thông nông thôn.

1.9. Về cấp nước đô thị

- Nâng cấp mở rộng nhà máy nước Chơn Thành công suất hiện hữu 30.000m³/ngày, nâng cấp mở rộng giai đoạn đến 2025 lên 60.000m³/ngày.

- Xây dựng hệ thống mạng lưới đường ống cấp nước 0400, 0300, 0200, 0150 cho các khu vực đô thị và khu công nghiệp.

- Cải tạo, nâng cấp và đầu tư hệ thống mạng lưới đường ống cấp nước 0400 - 063 phục vụ cho nhu cầu của người dân, các khu công nghiệp, khu dân cư trên địa bàn.

- Đưa vào vận hành nhà máy cung cấp nước sinh hoạt tại khu tái định cư 80 ha Phước Hòa xã Nha Bích.

- Nguồn vốn thực hiện do doanh nghiệp đầu tư.

1.10. Thoát nước đô thị, quản lý chất thải rắn, quản lý nghĩa trang

a) Thoát nước đô thị:

- Hệ thống thu gom, thoát nước mưa:

+ Xây dựng hệ thống thoát nước các trục đường giao thông chính như: Quốc lộ 14, 13, ĐT.751, đầu tư xây dựng mới và dọc các tuyến đường nội ô các phường. Đồng thời, bố trí hệ thống hạ tầng kỹ thuật dùng chung (điện, nước cấp, thoát nước, thông tin liên lạc,...), lưu ý đoạn qua các ngã ba, ngã tư.

+ Nạo vét, kiên cố hóa kênh mương suối Đồi, suối Cái.

+ Xây dựng hệ thống thoát nước từ đường Lạc Long Quân đến Bàu Bàng.

+ Cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước từ đường Nguyễn Huệ đến Bến Đình. Kiến nghị UBND tỉnh đầu tư hoàn thiện các trục tiêu thoát nước (theo Quy hoạch phát triển thủy lợi tỉnh Bình Phước giai đoạn 2017-2025, tầm nhìn đến năm 2030 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2156/QĐ-UBND ngày 31/8/2017): Trục tiêu Tân Quan; Trục tiêu thoát tây Chơn Thành; Trục tiêu thoát bắc Chơn Thành; Trục tiêu thoát đông Chơn Thành.

- Hệ thống thu gom, xử lý và thoát nước thải sinh hoạt:

+ Xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải cho đô thị, tổng công suất 10.000m³/ngày để xử lý cho đô thị Chơn Thành. Quy hoạch 01 trạm xử lý tại khu phố Hiếu Cảm, phường Hưng Long với công suất 10.000m³/ngày, diện tích khoảng 5ha. Dự kiến kêu gọi nhà đầu tư thực hiện trong giai đoạn sau năm 2025.

+ Xây dựng các trạm xử lý nước thải tại các Khu công nghiệp: KCN dân cư và dịch vụ đô thị Becamex; KCN Becamex (khu A); KCN Becamex (khu B); KCN Chơn Thành; KCN Minh Hưng. Xây dựng mương thoát nước mưa và nước thải ngoài hàng rào KCN Minh Hưng III mở rộng. Xây dựng hệ thống đường ống chính thu gom nước thải khu vực nội thị, các Khu công nghiệp. Nguồn vốn do doanh nghiệp đầu tư.

b) Quản lý chất thải rắn: Quy hoạch bãi tập kết rác thải sinh hoạt tại xã Quang Minh quy mô 10 ha.

c) Quản lý nghĩa trang: Đẩy nhanh tiến độ lập quy hoạch chi tiết và phương án đầu tư vị trí đã quy hoạch nghĩa trang để từng bước di dời các phần mộ tại các nghĩa địa, nghĩa trang các xã, phường về nghĩa trang mới tập trung.

2. Giải pháp phát triển

2.1. Về quy hoạch

- Rà soát, điều chỉnh và hoàn thiện công tác quy hoạch của thị xã đảm bảo phù hợp quy hoạch chung của tỉnh và thực tiễn về phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; tổ chức lập quy hoạch phân khu đô thị, quy hoạch chi tiết, quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng, quy hoạch đô thị mới,... đối với 03 xã Đồng Nơ, Tân Hiệp và Tân Quang.

- Quy hoạch đất ở đất ở đến năm 2030: Diện tích khoảng 2.559 ha; diện tích đất ở hiện hữu 1.249 ha, bổ sung thêm vào giai đoạn 2021-2030: 1.310 ha.

- Quy hoạch đồng bộ, quản lý có hiệu quả các công trình hạ tầng kỹ thuật, trong đó ưu tiên bảo vệ sinh thái, hiện trạng và nguồn nước sạch Hồ Phước Hòa.

- Nâng cao chất lượng trong quy hoạch hạ tầng kỹ thuật đô thị tập trung các lĩnh vực hạ tầng diện rộng có mối quan hệ liên khu vực như: Giao thông, cấp nước, thoát nước, cấp điện, bãi chôn lấp chất thải rắn,... Quy hoạch chi tiết xây dựng đặc biệt chú trọng tới quy hoạch kết nối hạ tầng kỹ thuật thống nhất và đồng bộ giữa hệ thống hạ tầng kỹ thuật mới với hệ thống hạ tầng kỹ thuật hiện trạng. Đồng thời tính toán, kiểm tra để xác định quy mô của các hệ thống hạ tầng kỹ thuật một cách hợp lý có tính đến biến đổi khí hậu, tăng trưởng xanh.

- Quy hoạch hạ tầng xã hội đáp ứng đầy đủ các nhu cầu về sử dụng nhà ở, nhà ở xã hội, công trình y tế, giáo dục, văn hoá, thể thao, thương mại, công viên, cây xanh, mặt nước và công trình hạ tầng xã hội khác. Nâng cao và đáp ứng toàn diện những nhu cầu của các hoạt động kinh tế và bảo đảm tính đồng bộ về không gian kiến trúc cảnh quan.

2.2. Về kiến trúc, cảnh quan

- Tăng cường công tác quản lý quy hoạch, quản lý kiến trúc đô thị; nâng cao chất lượng công tác quản lý đầu tư xây dựng từ các khâu quy hoạch, kế hoạch đầu tư phát triển, chuẩn bị đầu tư, tổ chức thi công, giám sát,... để nâng cao hiệu quả đầu tư, chất lượng công trình;

- Định hướng quy hoạch tổ chức không gian cảnh quan và sử dụng đất theo

quan điểm tích hợp đa chức năng, linh hoạt, dễ thích ứng với sự thay đổi của nhu cầu phát triển; sử dụng đất đai tiết kiệm, hiệu quả; ưu tiên nguồn lực xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật để tạo bộ khung cho đô thị phát triển, tạo tiền đề cho các dự án đầu tư đủ điều kiện thực hiện.

- Triển khai lập, trình thẩm định, phê duyệt quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc; phát hành sổ tay hướng dẫn quản lý quy hoạch kiến trúc theo quy chế; tuyên truyền, phổ biến chi tiết nội dung thực hiện đến người dân.

- Phát triển các khu dân cư đồng bộ về cơ sở hạ tầng, đảm bảo kiến trúc cảnh quan đô thị; lấy môi trường cảnh quan, sự thân thiện của người dân, an ninh, an toàn của xã hội, sự năng động, chu đáo, phục vụ của chính quyền làm sức hút của đô thị Chơn Thành.

2.3. Về nguồn vốn và thu hút đầu tư

- Rà soát, điều chỉnh, phân kỳ kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 cho phù hợp, kết hợp nguồn vốn từ ngân sách và huy động từ các thành phần kinh tế, các tổ chức, cá nhân triển khai thực hiện các dự án. Cân đối thu chi ngân sách, bố trí nguồn lực để thực hiện đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, trọng tâm là hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị;

- Xác định cụ thể mục tiêu đầu tư để huy động nguồn lực, ngân sách nhà nước đầu tư các công trình công ích, các công trình khác huy động nguồn vốn ngoài ngân sách đầu tư; huy động tối đa cho đầu tư phát triển hạ tầng;

- Tích cực thực hiện các chính sách xã hội hóa y tế, giáo dục; xây dựng quỹ tín dụng nhân dân để huy động vốn nhân rỗi trong dân;

- Huy động nguồn vốn ngân sách hoặc theo phương thức PPP đối với các công trình hạ tầng; huy động nguồn vốn ngoài ngân sách để đầu tư phát triển các khu dân cư mới, công nghiệp, xây dựng chợ, trung tâm thương mại, siêu thị, dịch vụ, du lịch, nhà hàng, khách sạn, khu vui chơi giải trí, công viên văn hóa.

2.4. Về cải cách hành chính và chính quyền điện tử, chính quyền số

- Đẩy mạnh thực hiện cải cách hành chính từ cấp thị xã đến cấp xã. Nâng cao hiệu quả, chất lượng công tác giải quyết thủ tục hành chính; gắn vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương trong cải cách hành chính. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp và xã hội;

- Hoàn thành việc đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo hướng nâng cao chất lượng phục vụ, không theo địa giới hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, giảm thời gian đi lại, chi phí xã hội và tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp; kiên quyết xử lý các hành vi vi phạm trong thực thi công vụ.

- Tiếp tục xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số; đô thị hiện đại, thông minh lấy nhân dân làm chủ thể để phục vụ, phát triển; Ứng dụng thương mại điện tử trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, thanh toán và trong mua sắm tiêu dùng của người dân đạt 80%; hóa đơn điện tử đạt 100% đối với việc nộp thuế

theo phương pháp kê khai áp dụng hóa đơn điện tử.

2.5. Về bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu

- Chủ động phòng, chống và giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai, biến đổi khí hậu gây ra. Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động nguồn lực đầu tư vào các chương trình, dự án về biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai và bảo vệ môi trường. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai và bảo vệ môi trường.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường; xử lý nghiêm các vi phạm, nhất là về xả thải gây ô nhiễm môi trường, nguồn nước và quản lý, sử dụng đất. Thực hiện có hiệu quả công tác giám sát của cộng đồng và phản biện xã hội trong quản lý tài nguyên và môi trường.

- Xác định những khu vực đất cây xanh, khu vực nông nghiệp và dân cư nông thôn thuộc phạm vi ưu tiên những giải pháp thích nghi với biến đổi khí hậu dài hạn. Trồng các loại cây phù hợp, ưu tiên sử dụng các chủng loại cây trồng đặc trưng của đô thị và từng khu vực cụ thể (theo khí hậu, thổ nhưỡng); có biện pháp chăm sóc hợp lý, hạn chế sử dụng hóa chất.

PHẦN THỨ NĂM KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT

I. KẾT LUẬN

Sự phát triển kinh tế - xã hội, quá trình đô thị hóa và việc xây dựng các khu công nghiệp, khu đô thị làm cho việc tổ chức, quản lý, điều hành của chính quyền theo mô hình huyện, mô hình xã, thị trấn như hiện nay không còn phù hợp, cần thiết phải thành lập thị xã và phường để đáp ứng yêu cầu phát triển và quản lý đô thị. Thành lập thị xã Chơn Thành và các phường thuộc thị xã sẽ tạo điều kiện khai thác tốt hơn tiềm năng sẵn có của khu vực huyện Chơn Thành; sắp xếp hợp lý nguồn lao động, tạo động lực mới cho sự phát triển, góp phần đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước, đảm bảo an ninh - quốc phòng, tạo cơ hội tăng cường thu hút đầu tư, tiếp tục cải tạo và nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật, nâng cao hơn nữa đời sống Nhân dân.

Việc thành lập thị xã Chơn Thành và các phường thuộc thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên, dân số của huyện Chơn Thành và các xã, thị trấn là cần thiết, phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Phước đến năm 2020 và Đồ án quy hoạch chung đô thị Chơn Thành, tỉnh Bình Phước đến năm 2035. Đồng thời đáp ứng được nguyện vọng của nhân dân địa phương, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và

tăng cường, củng cố quốc phòng, an ninh trên địa bàn huyện Chơn Thành nói riêng, tỉnh Bình Phước nói chung.

II. KIẾN NGHỊ

UBND tỉnh Bình Phước trình Chính Phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ;
- Bộ tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Xây dựng;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở: Nội vụ, Tài chính, Kế hoạch - Đầu tư, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thị xã Chơn Thành;
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**